

Tạp

Chí

Độc và Viết

số
đặc
biệt về thi ca

Bất định kỳ

Số 8
2022

số đặc biệt về thi ca

Tháng 02, 2022

MỤC LỤC SỐ 8, 2022

- 1- Khuynh Hướng Thơ 2022. Hannah Aizenman.
the New Yorker. (27 tháng 12, 2021).
- 2- Thi Ca. Những Gì Đã Xảy Ra Trong Thế Kỷ 21.
- 3- Truyện Ngắn Iran: The Patriot. Sadeq Hegayat.
Nhà Ái Quốc.
- 4- Thơ Do Thái: Yehuda Amichai.
- 5- Tiểu luận: Bàn Về Hiện Thực. Louis Gluck.
- 6- Nghệ Thuật Tạo Hình Đầu Thế Kỷ 21.
- 7- Hội Họa: Họa Sĩ Alyssa Monks.

8- Giới thiệu sách:

Brief Answers To The Big Questions,
Stephen Hawking.

Ngũ Yên dịch từng kỳ:

Có Thể Nào Dự Đoán Được Tương Lai?

9 – Thi Sĩ Và Thơ Trả Lời Những Câu Hỏi Thơ

Các thi sĩ tham dự:

Billy Collins, Ellen Wade Beals, Jorge Luis Borges, Pablo Neruda, Archibald MacLeish, William Carlos Williams, Tom Zart, Naoshi Koriyama, Mark Strand, Eve Merriam, Tadeusz, Al Young, James Tate, Nikki Giovanni, Charles Bukowski, Jaroslav Vrchlicky, Ron Koertge, Linda Pastan, Steve Kowit, Judith Porton, Jerry Martien, Eve Merriam, Karen Swank-Fitch, O'hara, Louisa DeBoo, Jim Lyle, Christena Williams, Ellen Wade Beals, Rod E. Kok, Robert Duncan

Khuynh Hướng Thơ 2022

*Viết lại từ bài viết của Hannah Aizeman. The New Yorker
ngày 27 tháng 12 năm 2021*

Mỗi khi toàn cầu có biến cố lớn, sau đó, lòng người thay đổi, vì vậy, văn chương nghệ thuật nói chung, thi ca nói riêng, sẽ thay đổi. Ví dụ như hai trận thế chiến, đã mang lại nhiều trường phái, phong trào văn học, làm phong phú văn chương nghệ thuật thế giới trong thế kỷ 20.

Đầu thế kỷ 21, biến cố 9/11 kéo theo khủng bố Al Quaida, Isis, và những nhóm cực đoan, gây ra nhiều tàn phá, tử vong, đánh thức con người phải đối diện với thực tế. Một số khuynh hướng văn học nghệ thuật quay về lại với Hiện Thực. Một loại hiện thực khác với hiện thực trong chủ nghĩa Hiện Đại. Từ đó, diễn tiến ra nhiều khuynh hướng thay thế các loại nghệ thuật đã có trước.

Gần đây nhất, thế giới gánh chịu một vấn nạn không thua gì thế chiến, một loại chiến tranh vi khuẩn hóa học và vi khuẩn điện tử. Xã hội phải thay đổi cho phù hợp với những điều kiện sinh sống mới, do đó, văn học nghệ thuật thay đổi theo số đông lòng người. Dĩ nhiên, luôn luôn có một số ít người đi con đường riêng. Hoặc họ bị thất lạc, hoặc họ trở thành những nhân vật lãnh tụ cho những khuynh hướng, phong trào mới.

Về thi ca, quan niệm của Jane Greenway của CNN (12 tháng 12, 2021) cho rằng, thế giới đã chứng kiến trong ngày lễ nhậm chức tổng thống của Joe Biden, tiếng thơ của thi sĩ rất trẻ, Amanda Gorman đã đọc thơ của cô: The Hill We Climb, mang đến một ý niệm

theo nhận định của thi sĩ Audre Lorde, “điều cần thiết quan trọng cho sự tồn tại của chúng ta.” “những hy vọng và ước mơ đối với sự sinh tồn và thay đổi, trước hết phải biến thành ngôn ngữ, sau đó, trở thành ý tưởng, rồi nhập vào hành động cụ thể.”

Một vài khuynh hướng không tìm thấy những gì mới lạ trước mặt, quay về với những phong trào thi ca đã hiện diện, rồi kết hợp với khái niệm, quan điểm, kỹ thuật hiện đại để tạo ra những gì mới mẻ. Hầu hết bắt đầu với tiền ngữ: “new” hoặc “neo”, như Tân Dada, Tân chủ nghĩa hình tượng (New Imagism) ...

Nếu thơ (và văn học nghệ thuật) trong năm 2020 nỗ lực và lan rộng đấu tranh cho nhân quyền bằng quan điểm thẩm mỹ có khả năng cảm hóa, cảm ứng được người đọc, tạo cho xã hội một cách nhìn sâu suốt hơn là tuyên truyền và quảng cáo, thì đặc trưng của thơ năm 2021 là sự thất vọng, và ước mơ được trở lại đời sống bình thường. Có thể nói, một lúc, họ đã tưởng đã có thể kèm chế vi khuẩn COVID 19, để tái tạo lại cấu trúc kinh tế, chính trị, tài chính đang lung lay. Thay vào đó, trận đại dịch biến mình tiếp tục gây thảm họa hết đợt này sang đợt khác. Chưa thấy gì bảo đảm một tương lai yên bình. Và như dự đoán của những chuyên gia xã hội học, tâm lý học, con người sẽ phải thay đổi kiểu sống cho thích nghi với những tình huống mới. Chúng ta có thể thấy thơ phản ánh tâm lý sợ hãi, cảm giác kỳ lạ, Hãy đọc “The End of the World” của Clarence Major.

*I look out the window / at a silent dark night—a
night of blue / and rust with specks of yellow. /
Neighborly windows mostly dark. / Entryway across
the street, bright. / The front door locked. / Always
locked at eleven. / Below my window, under street
lights, / brightly lighted from inside, / a three-car
commuter train / quietly slides by, as if on water—*

*I turn back to the TV. / I'm watching a movie / about
the end of the world— / always about to happen.*

*Nhìn ra cửa sổ
vào đêm đen im lặng -một đêm buồn
rỉ sét với những đốm vàng.*

Cửa sổ hàng xóm gần như đen tối.

Lối vào bên kia đường, sáng sửa.

Cửa trước khóa.

Luôn luôn đóng lúc 11 giờ.

Dưới cửa sổ nhà tôi, dưới ánh đèn đường,

sáng rực từ bên trong,

một chuyến tàu lửa ba toa

lặng lẽ lướt qua, như trượt nước –

Quay trở lại truyền hình

Đang xem dở cuốn phim

về ngày tận thế -

lúc nào cũng chờ chực xảy ra.

Tình cảnh u ám, không khí u buồn, tâm tư u tối, sắc màu này sẽ kéo dài qua năm 2022.

Nỗi buồn, lo âu, giận dữ đang bao trùm thời đại chúng ta, đồng thời, thơ có thể có hình thái bi quan, nhưng tâm thức luôn luôn là ước mơ, kỳ vọng, dù đang ở trong tình huống tuyệt vọng nào. Bản sắc của thơ khẳng định là làm cho tốt đẹp hơn dù chỉ là khao khát, mơ mộng.

Thơ năm 2022 vẫn mang trọng lượng của mất mát, chấn thương nhưng không xấu xí, ác độc. Chúng ta đã trải qua kinh nghiệm đa dạng về đời sống. Ai cũng

có một kinh nghiệm sau đây: Cho dù sự tình, chuyện đời xảy ra ghê gớm như thế nào, có lúc tưởng nên nhảy lầu treo cổ, nhưng nếu chúng ta có thể chờ. Chờ cho chuyện khủng khiếp đó đi qua. Một, hai năm sau nhìn lại, nhẹ nhàng thôi. Không đáng gì. Ông phù thủy da đỏ nói, thời gian khôn hơn con người, thật là đúng. Chúng ta có thói quen dùng thời gian để hành động, suy nghĩ, giải quyết, đưa ra sản phẩm, nhưng không mấy ai chịu lắng nghe thời gian.

Nhưng thi ca là một chuyển động. Nếu chúng ta xem sự chuyển động của đời mình như sự chuyển động của thơ, thì thi ca cũng như con người nỗ lực tìm đến một một điều gì mới, tốt đẹp hơn. Chúng ta nhảy ca khúc của đời sống, đối với một số nghệ sĩ, họ chính là ca khúc sống đó. Giống như vũ công nhảy ba lê giữa những gì đang xảy ra, nhưng họ tập trung vào sự cân bằng trong tâm hồn và thể xác. Khái niệm này nhắc nhở, dù bất kỳ trong hoàn cảnh nào, trạng thái nào, sự tập trung vào nội tâm, “cân bằng” ghét bỏ sự xấu xa, thảm họa, mất mát với ước mơ và hy vọng, sẽ tạo cho nghệ thuật vượt lên thời thế, hướng về sự thuần hóa nhân tính.

Mỗi người nghệ sĩ sáng tác là một đơn vị đặc thù, riêng biệt. Những biến cố phiền muộn, thảm họa, vắn nạn trong đời riêng (cũng như các cuộc đại nạn ảnh hưởng đến đám đông), những chấn thương, ám ảnh sâu đậm trong tâm trí, sẽ là động lực cho sáng tác. Một nghệ sĩ chân chính luôn luôn thay đổi tầm nhìn, cách suy nghĩ, thậm chí di dịch kiểu sống theo những đại nạn của cá nhân, để sinh tồn. Họ vịn lên những kinh nghiệm và cảm nhận này để sáng tác.

Khuynh hướng mạnh nhất trong thơ 2022, có thể tiên đoán, vẫn là lòng khao khát trở lại đời sống yên bình và lo lắng những bất an, những hiểm nguy sắp đến, nhất là từ chính trị và xã hội.

Cách Thức Mọi Thứ Tồn Tại Cho Đến Bây Giờ

(Bianca Stone)

Tôi đã chán tất cả lời bào chữa.

Chán như họa sĩ Mayakovsky

trong cuộc triển lãm các họa sĩ Phần Lan

sủa như chó qua lời bộ trưởng ngoại giao ca ngợi

*cho đến khi anh khóc, ngồi xuống. Vô cùng nghiêm
trọng.*

Tôi chán nản như khúc bi ca. Ý của tôi,

*tại sao cần phải quan tâm lo lắng, nói như một cạm
bẫy*

trong thế giới một cái hố.

Nhưng chúng ta đang làm.

Cho đến chết.

The Way Things Were Up Until Now

Bianca Stone

I am bored of all the excuses.

Bored as Mayakovsky

at the Finnish painters' exhibition

*barking like a dog through the foreign minister's toast
until he cried and sat down. Deadly serious.*

I am bored as an elegy. I mean,

why care at all, speaking as a pitfall

in a world of pits. But we do. To the death.

Tôi Bắt Gặp Hiện Tại

(I Catch sight of the Now)

Jorie Graham.

*Không có lửa, không có phòng,
Thật sự không có gì,
dù bắt đầu khắc sự hư không,
để kiểm tra sức mạnh
chống lại hư không,
chủ đề là mất mát
bóng tối trong miệng mở ra
không biết còn gì để nói,
một loại tru lên
không buồn khổ, không ngạc nhiên,
không khôn ngoan
chỉ là điều đột nhiên vô căn cứ.*

I catch sight of the Now

*there is no fire, there is no
room, actually there is nothing, though you can
start carving the nothing, you can test your strength
against the nothing, the subject is
loss, the dark is inside your
open mouth not knowing what else there is again to
say, a kind of howling without
sorrow, no amazement, no
wisdom, just the rootlessness of this your suddenly—*

Lời cuối

Rita Dove.

*Tôi không muốn chết trong một bài thơ
những lời đốt cháy trong điệu văn
mặt trời tru tréo, tại sao
mặt trăng thở dài, tại sao không*

*Tôi không muốn chết trên giường
đó là bài thơ làm lỗi
một thế giới cuốn cuộn vào nó
một chiếc rốn bênh bồng trong mơ*

Last words

*I don't want to die in a poem
the words burning in eulogy
the sun howling why
the moon sighing why not*

*I don't want to die in bed
which is a poem gone wrong
a world turned in on itself
a floating navel of dreams*

Các Vấn Đề Liên Quan

(Emily Jungmin Yoon.)

*Tôi nhìn đại dương như lời giã biệt.
Ở nơi nào, nó chạm vào bờ sinh ra mỗi lửa.*

Mẹ tôi đau buồn mang khu rừng vào trong, xanh quá độ.

Khi bà thay chậu cây, không khác gì thay tã trẻ con.

Nhưng bà không còn chăm lo những khung hình tồi tàn sự chết đến gần.

Những ngày này, mọi thứ dường như kết thúc.

Related Matters

Emily Jungmin Yoon

I look at the ocean like it's goodbye.

Somewhere, it is touching a land laying prey to fire.

My grieving mother brings the forest inside, a green excess.

When she repots the trees, it is not unlike changing diapers.

But she no longer tends to the small abject frames of the dying.

These days, everything feels like the end.

Bài Thơ Kết Thúc Ở Biển

(Jim Moore.)

Tôi vĩnh viễn tắt bộ phận thông báo

Không cần biết chính xác bao nhiêu người qua đời.

Rất ráo, bám vào cuộc sống

là việc chúng ta làm giỏi nhất.

Chúng ta đang cố gắng che giấu

mọi chuyện từ sự thật

ai có thể đổ lỗi cho chúng ta.

Danh sách không còn ý nghĩa gì,

trừ khi giấy vệ sinh và bơ đậu phộng sắp hàng đầu.

giai đoạn cuối đời bệnh nhân không được thông báo

*từ thuyền chở người chết đông đảo thế nào
sẽ đưa họ qua bên kia sông.*

Poem That Ends at the Ocean

Jim Moore

*I turn off the notification app for good,
no longer needing to know exactly how many gone.
After all, clinging to life
is what we have always done best.
We are still trying to hide
from the truth of things and who
can blame us.
Lists don't make sense anymore,
unless toilet paper and peanut butter head them.
Last-stage patients are not being told
how crowded the ferry will be
that will take them across the river.*

Ghi Chú Từ Thành Phố Bị Tàn Phá

(Aria Aber.)

*Trên những bậc thang đầy bùn
đền thờ hồi giáo màu xanh ở Kabul
một nửa quả lựu đạn
rung lên với côn trùng*

*Thượng Đế không có đồng hồ
nhưng bài hát các giáo sĩ
che phủ tấm gương huyết mạch của thành phố*

và các tòa nhà hoang tàn

mỗi giờ thứ năm - phải như vậy.

Notes from the Ruined City

Aria Aber

*On the mud-spattered steps
of Kabul's blue mosque, a pomegranate half
vibrates with worms.*

*God has no clock
but the muezzin's song,
which veils the city's vascular glass*

*and dilapidated buildings
each fifth hour—it must.*

Đông Chí

(Henri Cole)

*Claire nói, ngày dài thêm một giây nữa
Bóng tối không còn vượt qua ánh sáng.
Nhưng thời tiết khắc nghiệt,
không thể ghét bỏ tối tăm.
Tôi muốn sống đến chín mươi lăm tuổi
mà vẫn ráp nối chữ
vào nhạc và sự thật.*

Winter Solstice

Henri Cole

*Claire says the day will be one second longer.
Darkness will no longer exceed light.
But the weather is abysmal,
so hatred of gloom is not an option. I want to live
to be ninety-five, too, and still be assembling
words into music and truth.*

Hải Cảng Cotonou

(Romeo Oriogun)

*Đàng kia, trên đường đi, không có nhà. tôi nhìn vào
mắt anh*

thấy khuôn khiếp bị lợi dụng.

Một chiếc lá rơi từ thân cây gần bên

một lần nữa nhắc tôi sự chuyển động không ngừng

của thế giới, của các cô gái nhảy,

của nỗi buồn của những ngón tay tôi

tuân theo tiếng gọi cơ thể nghiện nhựa thuốc,

như con chim hót già từ cõi sống,

khủng bố, một cuộc chiến mà chúng ta đang sống.

Cotonou

Romeo Oriogun

*There, on the road that is no home, I looked into his eyes
and saw the terror of exploitation.*

A leaf fell from a tree nearby

and again I was reminded of the endless movement

*of the world, of the girls dancing, of the sadness of my fingers
obeying*

the call of my body's addiction to nicotine,

as a bird sang of leaving the world as it is,

a terror, a war we are still living in.

Thi Ca

Những Gì Đã Xảy Ra

Trong Thế Kỷ 21

Viết lại từ tài liệu Introduction của Ann Keniston và Jeffrey Gray trong The New American Poetry of Engagement. A 21st Century Anthology. 2012. McFarland & Company, Inc., Publishers.

Thi sĩ, người làm thơ chân chính và hiểu biết, luôn luôn sáng tác trong ý muốn của việc nói lên sự thật và suy tư trong những ràng buộc mâu thuẫn của nói thật. Nói thật và nói sự thật, bản chất là hai chuyện khác nhau, tuy dễ làm lẫn. Không có lời thề hứa nào xác quyết, nhưng thi sĩ tiến lên đỉnh thi ca thời đại của họ là những người nỗ lực “nói thật về sự thật có thể tiếp cận.” Trước kia, trước khi tinh thần và kỹ thuật “giả mạo” ăn sâu vào ngõ ngách thế giới và tâm hồn, thi sĩ làm thơ chỉ cần tự vấn về bản thân đã thấm thấu, nhận thức sự thật đến mức độ nào, và diễn đạt điều đó ra sao.

Từ khi kỹ thuật điện tử vụt lên, bùng nổ, chiếm lĩnh vật chất lẫn tinh thần, khiến cho sự thật vốn đã mù mờ, càng thêm nhạt nhòa rồi tan biến. Điều mà hai triết gia Jean-Francois Lyotard và Jean Baudrillard báo động và nhắc nhở về sự giả mạo và giả tạo, nay đã thay thế sự thật, trở thành sự thật, vượt qua sự thật, và sự thật chân chính dường như không còn. Khi sự giả trở thành sự thật, thì làm thơ chỉ là nói thật về sự giả? Nếu giữ nguyên khái niệm ban đầu.

Nhưng thơ là sản phẩm của đời sống. Thơ luôn luôn phải thay đổi theo sự thay đổi của con người, để thơ có thể tồn tại.

Nói thật là một phần bản thể của thơ. Nói về sự thật thuộc bản sắc. Bản sắc có thể thay đổi, bản thể thì không. Cho dù diễn tả từ hiện thực cho đến hư cấu cao độ, thậm chí viễn tưởng, làm thơ là nói thật. Nói thật liên can đến kinh nghiệm, tư duy, và can đảm. Nói về sự thật liên can đến phẩm chất truy lùng, phẩm chất nhận thức, phẩm chất niềm tin / nghi vấn, và phẩm hạnh người sáng tác. Tuy nhiên, khi không còn sự thật chân chính, sự giả chiếm hữu, chỉ còn những sự thật tương đối dựa lên phẩm chất làm người. Khó khăn hơn cho thi sĩ vì sự thật tương đối cũng không bảo đảm là không bị giả mạo. (Khi nói đến sự thật chân chính, mặc nhiên chúng ta công nhận có sự thật không chân chính, có thể là sự thật sai lầm, có thể là sự thật giả mạo.)

Cho dù thi sĩ hết lòng muốn nói thật trong thơ vẫn phải đối diện một chướng ngại lớn, chưa có cách giải quyết. Làm thơ luôn luôn phải đối đầu với điều kiện giới hạn của ngôn ngữ dân tộc và ngôn ngữ riêng của từng thi sĩ. Không có cách nào khác hơn, cho đến khi thơ có thể thoát ra khỏi ngôn ngữ. (Vấn đề thoát khỏi ràng buộc của ngôn ngữ sẽ đưa thi ca vào những trang sử mới, mệnh mông, vô hạn sáng tạo.)

Thi sĩ bước vào thế kỷ 21 không còn quan tâm đến sự thật chân chính mà chỉ khám phá sự thật tương đối, mặc dù nhiều sự thật tương đối có khả năng đối nghịch nhau. Nếu sự thật đã mâu thuẫn lẫn nhau, làm sao gọi là sự thật, vì vậy, phần sau, nói về sự thật không còn là vấn đề then chốt, có hay không, tùy vào khả năng và mức độ khám phá của mỗi thi sĩ và sự chấp nhận của người đọc, về lâu dài, lịch sử sẽ chứng minh.

Thay thế cho sự mất mát này, thi sĩ tiến sát vào thực tế, cụ thể. Quan sát, suy tư và kinh nghiệm những

vấn đề có thể chứng minh bằng lý luận, bằng tài liệu, bằng những gì xảy ra, dù muốn diễn đạt bằng bất kỳ nghệ thuật, kỹ thuật nào.

Dòng thơ này mang tên gọi là Poetry of Engagement. Chữ engagement có ý nghĩa rộng rãi từ chuẩn bị đến va chạm, xung đột những vấn đề, vấn nạn trong đời sống. Dùng cảm nhận, kinh nghiệm, suy tư để nhận thức, đi sâu vào đối tượng thay vì nhận định thật, giả, đúng, sai. Thơ engagement thuộc về thơ nhập thế, nói theo phong thái thời nay, là thơ nhập cuộc. Theo quá trình của thơ xung đột với những vấn đề thời cuộc như di dân, da màu, giới tính, nhân quyền, engagement trở thành thơ chạm trán. Chúng ta cần sự minh bạch ở đây: Thơ Engagement chỉ là một trong một số phong trào thơ đang thay đổi để thể hiện với trí tuệ và tâm tình của con người trong thời cuộc đương đại. Thơ Engagement được sự chú ý nhiều hơn vì lý do tâm lý, xã hội và chính trị, không phải vì giá trị văn chương, mặc dù giá trị vẫn là sự đòi hỏi đầu tiên và cuối cùng của một tác phẩm. Bên cạnh giá trị là sự đẹp. Thẩm mỹ là một phần trong bản thể của thơ, sẽ không bao giờ thay đổi.

Những gì vừa khảo sát bên trên thuộc về lý thuyết, trong khi engagement thuộc về hành động. Có thể nhìn lên trời trông thấy và biết có mây, nhưng mây có hình dạng ra sao, không có câu trả lời chính xác, vì mây thay đổi muôn hình vạn dạng khi bay. Thơ chạm trán cũng vậy, chưa thể xác định rõ rệt. Để có thêm tầm nhìn thực tế về Poetry of Engagement, tiền thân của nó, có thể nói là Poetry of Witness (thơ của nhân chứng) do nhà văn Carolyn Forché sử dụng năm 1981. Từ witness đi đến engagement, từ nhân chứng đến chạm trán, cho chúng ta một con đường để theo dõi. Chúng ta có thể nhận ra ngay, đây là một trong những hành động phát xuất từ lòng bức

xúc của tâm lý và đạo lý của những người nhân chứng.

Nhìn chung, thơ thuộc về một trong hai dạng: 1- Dạng truyền thống, làm thơ dựa trên kinh nghiệm (chủ nghĩa kinh nghiệm) và 2- làm thơ, thực nghiệm dựa vào kinh nghiệm. Phạm vi này mới hơn, xuất hiện theo tinh thần khoa học. Thơ chạm trán thuộc vào dạng thứ hai, nhưng diễn tiến hướng về một giải pháp thay thế. Danh từ kỹ thuật gọi là Engaged Poetry, song song với Littérature engagée (Pháp) và Literatura de compromiso (Tây Ban Nha) (compromiso có nghĩa là commitment không phải compromise. Trang 6.)

Engaged Poetry.

Khi đời sống chạm trán những biến cố và khó khăn như vụ án 9 tháng 11, Al Qaeda, bão Katrina, chiến tranh Afganistan, Iraq, khi Hoa Kỳ phân tán bởi tổng thống Obama, Trump, Biden ... khi Việt Nam tấn thối lưỡng nam giữa tàu và Tây, khi Trung Quốc tung hoàng ở biển Đông ... nhiều hơn nữa ... Thơ thế kỷ 21 chạm trán tất cả những biến cố lớn nhỏ trong chính trị, quân sự, xã hội, gia đình, ... vì tâm lý và vô thức của con người bị tổn thương. Không chỉ để diễn tả, ghi lại, phê phán biến cố, chuyện đó của lịch sử và báo chí, thơ chạm trán nói lên nỗi tổn thương và những tưởng tượng, hư cấu về một điều gì có thể tốt đẹp hơn. Chính vì thường xuyên đối đầu và va chạm với tình hình thực tế, thơ chạm trán gần như gần gũi với hiện thực và đa số đối tượng là vấn đề chính trị. Ở Hoa Kỳ, tác phẩm American Hybrid, 2009, là một chứng minh. Dĩ nhiên là thời cuộc nhìn qua thơ, không phải thơ nhìn qua thời cuộc. Tập hợp thơ American Hybrid *được xem là sự kết hợp các lãnh vực của thử nghiệm với các yếu tố rút ra từ*

truyền thống thi ca. (Trang 5.) Và biến cố 9/11 là một bùng nổ đánh thức thi ca phải đối diện và đấu tranh cho quyền và lẽ sống của con người. (Cái khiếm khuyết của ngôn ngữ là khi nói một cách tổng quát sẽ không gọi ra kinh nghiệm, không tạo ra cảm xúc. Khi nói vào trường hợp cụ thể, lại trở thành tâm tình và hiểu biết riêng tư, không bao gồm được tầm xa, tầm rộng của thực trạng. Ví dụ, những ai trực tiếp bị mất mát trong thảm họa 9/11 sẽ hiểu ngay vì sao chúng ta phải thức dậy từ những mê muội của chính trị, quân sự, tôn giáo và xã hội.)

Engaged poetry, thơ chạm trán, *tiếp nối dòng thơ nhân chứng và tổn thương, cho đến gần đây, là một lãnh vực mĩa mai không giới hạn. Sự chạm trán khai triển phép chuyển nghĩa của mĩa mai. “Mĩa mai cũng có thể hoạt động giống như một màn ảnh bộ nhớ của phái tâm lý Freud, che giấu nội dung đau khổ hoặc không thể tiêu hóa được ở sau các hình ảnh khác. Vì vậy, mĩa mai có thể hoạt động như một kỹ thuật sinh tồn. Engaged poetry, thơ chạm trán, chắc chắn thừa hưởng một lập trường gián tiếp - hoặc nhiều lập trường khác - đối với hiện thực.”* (Trang 7).

Tôi chui vào con cá sấu

Rồi trở thành thổ dân.

Những kẻ da trắng ăn thịt người mang giày ủng cao bồi

Trở về tên họ Bush ()*

Và bóng tối của thú tính

Tôi đang bò bốn chân ăn cỏ

Thế nên có thể nôn mửa vì thích cảm giác này

Tôi cúi mình trên một tử thi để thực tập ăn uống

(The Bush Administration. Frederick Seidel.)

(*) *the bush*: bụi cây, tuy nhiên đây là cách chơi chữ. *Bush* ngụ ý là hai tổng thống *Bush*.

Ngôn ngữ thơ chạm trán.

“Thơ đương đại chứa đựng ngôn ngữ xa lạ. Ngôn ngữ này thường không giống ‘thơ’ mà đúng hơn là được tìm thấy, chế biến, thậm chí trở thành chính thức. Các thi sĩ sử dụng ngôn ngữ thích hợp này trong nhiều cách không phân biệt - để phê bình, thay thế hoặc ghép nối với ngôn ngữ khác, đơn giản là diễn đạt toàn bộ, như một đối tượng được nhận thấy.” (Trang 10.)

Ngôn ngữ thơ mượt mà của cuối thế kỷ 19, của trường phái lãng mạn, truyền sang thơ Mới và kéo dài mãi mãi, dường như chưa thay đổi nơi một số nhà thơ, đã tự khẳng định, ngôn ngữ như vậy mới là thơ, tạo ra sự lầm lẫn. Tình cảm, lãng mạn, cả hai không nhất thiết phải núp sau ngôn ngữ mượt mà, bóng bẩy. Ngôn ngữ lảng lẩy càng không phù hợp với lời thơ trí tuệ vì nó làm cho ý tưởng trơn tuột theo sáo ngữ. Ngôn ngữ không tạo ra thời đại. Thời đại tạo ra ngôn ngữ.

Nếu chúng ta lưu ý đến ý nghĩa của một biến cố hoặc sự kiện xảy ra, thông thường có hai cách giải thích: 1- giải thích theo ý nghĩa trong thời điểm xảy ra, 2- giải thích trong sự liên quan theo thời gian. Thông thường thi ca sử dụng cách thứ hai, để có thể tránh khỏi những ý tưởng thời thượng hoặc sôi nổi trở thành tuyên truyền, quảng cáo. Lấy thơ tranh đấu của Maya Angelou làm ví dụ.

Các người có thể ghi tôi vào lịch sử

bằng những lời cay đắng ngược ngạo dối gian,

*Các người có thể đạp tôi xuống bụi bần
nhưng không sao, vẫn như cát bụi, tôi đứng lên*

[...]

Tôi đứng lên

mang theo ân sủng của tổ tiên trao tặng

trở thành ước mơ, hy vọng của nô dân

Tôi trỗi dậy

Tôi đứng lên

Tôi tiến tới.

(Still I Rise.)

Hình thức và thể thơ.

Đa số thơ từ Hậu Hiện Đại trở đi, chuộng nội dung quyết định hình thức. Trong quá trình tìm hiểu Engaged poetry, Ann Keniston và Jeffrey Gray cho rằng, điều đó không có nghĩa, xem thể thơ là hàng thứ yếu. “Những bài thơ này cho thấy một loạt các lựa chọn chính thức nổi bật, mà sự đa dạng liên quan đến những khó khăn để thể hiện ‘Những gì xảy ra’.” Thực tế, hầu hết các thể thơ đều được sử dụng, cộng thêm những phong cách mới như trộn lẫn với tài liệu, văn xuôi, hình ảnh, họa phẩm, video, ... cùng với những kỹ thuật điện tử và khoa học. Những bài thơ dài gợi nhớ lại phong thái thời Hiện Đại (Modernism), nhưng khác hẳn mục đích so với thơ dài của Whitman, William Carlos Williams, Kinnell ...

Nhìn chung lịch sử thơ, có thể thấy ngay, thơ thay đổi theo tâm lý thời đại. Thời đại nào có những khó khăn, khăn trương, thảm họa lớn cho con người, thời đại đó thường xuất hiện những nhà thơ tài hoa xuất sắc, vượt thời gian. Có thể nói, thời đại tạo thi

hào, nhưng cũng có những lúc thi vương tự tạo
dựng vương triều trong văn học.

Tuyển chọn thơ trong tác phẩm:

The New American Poetry of Engagement.

Và những bài thơ tương tựa trên mạng lưới.

Ai Đó Nổ Tung Nước Mỹ

(Amin Baraka) (Trên mạng.)

Họ nói tên khủng bố nào,
tên Ả Rập man rợ nào ở Afghanistan
Không phải khủng bố người Mỹ
Không phải tổ chức kỳ thị hoặc những tên cạo trọc
Hoặc những ai nổ tung nhà thờ da đen
Hoặc tái sinh chúng ta chờ tử hình
Không phải ông Trent Lott (1)
Hoặc David Duke hoặc Giuliani (2)
Hoặc Schundler, Helms giải nghệ (3)

Không phải bệnh lậu trong y phục cải trang
Không phải bệnh da trắng giết da đen
Lý do khủng bố và sự sáng suốt
Hầu hết nhân loại, như họ muốn

Họ nói (ai nói?)

Ai đặt ra câu này
Ai trả tiền họ phát thanh
Ai nói dối
Ai giả hình
Ai có nô lệ
Ai lấy được tiền từ Bucks (4)

Ai béo bỏ từ đồn điền
Ai diệt chủng dân da đỏ
Ai nỗ lực phung phí dân tộc da đen

(1) Trent Lott, chính trị gia, Thượng nghị sĩ đảng Cộng Hòa của tiểu bang Mississippi và thủ lĩnh đa số ở Thượng viện năm 1996-2001, nổi tiếng là người kỳ thị da đen.

(2) David Duke, lý thuyết chính trị gia cực hữu, được xếp vào hạng Tân-Phát Xít. Một trong lãnh tụ của Ku Klux Klab, về sau bị xử tội.

(2b) Rudy Giuliani, cựu thị trưởng New York, 1994-2001. Từng đảm trách chức vụ Công Tố Viện, 1981-1983. Sau này, trở thành cánh tay đắc lực cho tổng thống Trump.

(3) Bret D. Schundler, chính trị gia đảng Cộng Hòa, thị trưởng thành phố New Jersey, 2001-2005.

(3b) Lesse Alexander Helms, nhà báo, chính trị gia trong phong trào cực hữu. Thượng nghị sĩ của tiểu bang North Carolina, 1973-2003.

(4) Tôi không rõ tác giả ám chỉ ai, hoặc là đội bóng nổi tiếng Milwaukee Bucks.

Somebody Blew Up America

(Amin Baraka.)

They say its some terrorist, some barbaric Arab in Afghanistan
It wasn't our American terrorists
It wasn't the Klan or the skinheads
Or the them that blows up nigger churches
Or reincarnates us on Death Row
It wasn't Trent Lott
Or David Duke or Giuliani
Or Schundler, Helms retiring

It wasn't the gonorrhea in costume
The white sheet diseases that have murdered black people
Terrorized reason and sanity
Most of humanity, as they pleases

They say (who say?)
Who do the saying
Who is them paying
Who tell the lies
Who in disguise
Who had the slaves
Who got the bucks out the Bucks

Who got fat from plantations
Who genocided Indians
Tried to waste the Black nation

Bài Xem Trước

(Rae Armantrout.) (Trang18.)

MỸ

Con cái ăn chơi trác táng của công ty vũ khí hối hận.
Thấy được công ty bây giờ thối nát, vũ khí bán (sau
lưng anh) cho những người có sức mạnh. Một mình
anh chế tạo siêu vũ khí trong dạng con người. Bây
giờ, hơn bao giờ hết, uy lực hơn, ngây thơ hơn, anh
tấn công.

BIẾN CỐ

Tàu lửa dừng lại. Một kỹ sư nói, chúng ta ngưng hoạt động vì mất liên lạc thế giới bên ngoài. Nhiều chuyện xảy ra đằng trước, nhưng không biết là gì. Điều này có thể biểu tượng hành động chiến tranh. Chúng tôi đứng trong cánh đồng, không còn là hành khách.

Previews

AMERICA

The playboy scion of a weapons company repents. His company, he sees now, is corrupt, his weapons being sold (behind his back) to strong men. Alone, he builds a superweapon in the shape of a man. Now, more powerful and more innocent than ever before, he attacks.

HAPPENING

The train halts. An engineer tells us we're stopped because we've lost touch with the outside world. Things are happening ahead, but we don't know what they are. This could represent an act of war. We stand in a field, no longer passengers.

Sử Thi Việt Nam

(Donald Revell) (Trang 172.)

Chẳng có gì quan tâm
Cái đang chơi tôi bại -
giữa chết cồng mùa đông
Anh đi, những ngày 1978 -
79, chúng tôi đi

Vì làm lính rất đẹp
phận bi đát như rừng Á Châu
Giữ lửa như Chúa Kitô
trong chiến tranh vô vọng
Tôi đi, không đến tận cùng
Vì nó đã kết thúc.

Thế kỷ 20 ?
Có cuộc chiến
Giữa bên này nông dân,
Bên kia, ảo giác.
Nông dân ngọn lửa cháy bùng
Nhưng không dùng được.
Cuốn phim không bao giờ chấm dứt.
Sẽ rất đẹp
Mỗi mùa đông trong đời, trong tình tôi,
Như Chúa tự đốt vết thương bằng lửa
Và rừng rậm là vết thương.
Tương tựa, bất kể khi nào hết phim,
Ảo giác hủy diệt kẻ hủy diệt.
Thế thôi.
Chưa từng có tổng thống Mỹ.

Và thế kỷ 21 ?
Ảo giác chống ảo giác
Trong trận chiến máu lạnh, trận chiến đáng ngờ

Không trận chiến nào vì nông dân
Đã quá xa vời
lạc trong chiêm bao lãng tử,
lạc trong đoạn văn của Homer,
Sườn núi của tiều phu
Thời bình phim mê tín.

Vào một đêm lạnh cóng, Hector.
Vào một đêm lạnh cóng, Achilles.
Chung quanh man rợ và điên cuồng
tiều phu đốt một vòng lửa.
Cháy suốt mùa đông dài.
Ông ta không bao giờ mệt
Vì lý do chính đáng:
Mọi mặt ngọn lửa đều cam phận, đẹp xinh;
Mọi tia lửa bắn ra ngoài không gian đều đông lạnh
Là sự thật của Chúa
Một lần nữa, cho chúng ta tất cả
Trong khí hậu khát nghiệt ảo giác của người
Chưa bao giờ có
Một tổng thống Mỹ.
Chưa bao giờ có một chiến tranh chính nghĩa.
Chưa bao giờ có cuộc sống nào
Ra ngoài vòng tròn lửa
Cho đến bao giờ
Nếu bây giờ không phải chiêm bao

Là một Á Châu

Vietnam Epic Treatment (Donlad Revell)

It doesn't matter
A damn what's playing—
In the dead of winter
You go, days of 1978—
79, and we went
Because the soldiers were beautiful
And doomed as Asian jungles
Kept afire Christ-like
In the hopeless war
I did not go to in the end
Because it ended.

The 20th century?
It was a war
Between peasants on the one side,
Hallucinations on the other.
A peasant is a fire that burns
But is not consumed.
His movie never ends.
It will be beautiful
Every winter of our lives, my love,
As Christ crushes fire into his wounds
And the wounds are a jungle.
Equally, no matter when their movies end,
Hallucinations destroy the destroyers.
That's all.
There has never been a President of the United States.

And the 21st century?
Hallucination vs. hallucination
In cold battle, in dubious battle,
No battle at all because the peasants
Have gone away far
Into the lost traveler's dream,
Into a passage from Homer,
A woodcutter's hillside
Peacetime superstition movie.

On a cold night, Hector.
On a cold night, Achilles.
Around the savage and the maniac
The woodcutter draws a ring of fire.
It burns all winter long.
He never tires of it
And for good reason:
Every face of the flames is doomed and beautiful;
Every spark that shoots out into the freezing air
Is God's truth
Given us all over again
In the bitter weather of men's
Hallucinations. There has never been
A President of the United States.
There has never been a just war.
There has never been any life
Beyond this circle of firelight
Until now if now is no dream but an Asia.

Năm Bầu Cử

(Donald Revell)

Một phản lực cơ đơn thuần bóng ma
Là con suối, có đất bao quanh
Biến thành đá và lỗ hổng.
Tiếng phi cơ
Đang kéo theo đám người đi xe đạp.
Nhảy, một phụ dâu nhảy múa.
Anh đòi hỏi tự truyện của tôi.
Hãy tưởng tượng tiếng lách cách xanh lục
của chim ruồi trong rừng khô,
Và anh sẽ có nó. Những chim khác
bây giờ, bị bỏ túi bên kia bờ tường.

Tôi chưa bao giờ nghi ngờ: mỗi ngày,
Dù chuyện đất nước đã xong xuôi
Tôi vẫn tìm thấy bông hoa mới

Election Year **(Donald Revell)**

A jet of mere phantom
Is a brook, as the land around
Turns rocky and hollow.
Those airplane sounds
Are the drawing of bicyclists.
Leaping, a bridesmaid leaps.
You asked for my autobiography.
Imagine the greeny clicking sound
Of hummingbirds in dry wood,
And there you'd have it. Other birds
Pou over the walls now.
I'd never suspected: every day,
Although the nation is done for,
I find new flowers

Mặt Đất **(Katie Ford)**

Nếu người tôn trọng người chết
và nhớ lại nơi họ chôn
vào giờ này ngày mai

bước đi sẽ không còn chỗ trống

Earth
(Katie Ford)

If you respect the dead
and recall where they died
by this time tomorrow
there will be nowhere to walk

Ca Khúc Gần Tận thế

(Sharon Olds) (Truy cập Google)

Anh ta như vị thần – quá nhiều khoảng trống nuôi
gấu
Như mây tích xuống mặt đất - mức đông đúc của
gấu
có máu, có răng, có gan, và ánh sáng của gấu.
Con gấu hải tặc, gấu bí mật, gấu cô đơn,
có thể là gấu cha, đó là gấu con,
con gấu bị cách ly,
làm mọi việc cần thiết trong đời - con gấu gần tuyệt
chủng

A Song Near the End of the World
Sharon Olds

He was like a god—so much space was filled with bear.
Like a cumulonimbus come down to earth—a density of bear
with blood in him, and teeth, and a bear
liver and bear

lights. A pirate bear, a private bear, a lone bear,
it may be a father bear, it is a son bear,
a quarantine bear,
doing the essential work of his life—an endangered bear.

Bay Lên, Rơi Xuống, Lững Lờ

(C.D.Wright.)

Anh ta ngủ với người chết không ai đánh thức
Cô ấy đề cập một lá lách bị mất đã cảnh báo anh
Cô cạo sạch phía dưới đêm trước

Liếc nhìn danh sách quá nhiều
số người chết vẫn chưa biết

Vì vậy, người mất ngủ bắt nạt người ngủ:

Đêm ấy Tôi biết anh hồi tiếc Tôi
cũng hồi tiếc Chúng ta đều mỗi một
Tôi và cái miệng khép kín Anh và kỷ luật
đồng hồ Rồi tôi biết quá xa để đi đến
Nhưng chúng ta có thể phó mặc các lực
lượng thủ tiêu màu sắc thế giới

Điều gì đã nói từ trước đây Không có thời
giờ dành cho thơ.

From Rising, Falling, Hovering

(C.D. Wright.)

He slept with the dead then nothing roused him
Did she mention a missing spleen had she warned him
she shaved down there the night before

One glimpse of the paper was too much
the number of their dead to remain unknown

So the sleepless one hectored the sleeper:

About the other night I know you are sorry I am sorry too
We were tired Me and my open-shut-case mouth You and
your clockwork disciplines And I know it is too far to go But
we can't leave it to the forces to rub out the color of the world

What is said has been before This is no time for poetry

Chuyện Gì Đã Xảy Ra

(Forrest Hamer)

Một điều để nói về chuyện này. Không, hai điều. Rất
khủng khiếp. Không thể nói ra.

Điều đầu tiên là khó khăn tìm lại lời phát biểu.

Kêu gọi nó, lắng nghe nhau.

Trông đợi tạo hóa bảo vệ - bạo lực thường xuyên,
đều đặn cứu trợ.

Màu sắc lan rộng trước mặt – vàng, nhịp điệu đỏ.

Mặt và các kiểu mặt. Kiên nhẫn.

Cuối cùng, một lời, không nhiều hơn.

Im lặng trở lại, mong đợi.

Nhiều lời hơn nhưng không phải chuyện xảy ra;
những lời chúng ta đã nói.

Nắm giữ kinh hoàng, lỗ đen. Mở ra một chút,
một chút nữa, rồi: có thể nghĩ đến khủng khiếp:
chuyện gì đã xảy ra
một loại phát biểu, nhưng chưa kết thúc.

What Happened (Forrest Hamer)

To say about it one thing. No, two. It was a horror. It could not
be spoken.

So first there was the problem of recovering speech.

Calling out to it, listening each other.

We looked to the assurances of nature — regular violence,
regular relief.

Color splayed before us — yellows, rhythms of red.

Faces and patterns in faces. Patience.

Finally, a word, but not many.

Silence again, longing.

More words but not what happened; words we had already said.

Horror holding, a black hole. Opening a little,

then a little more, then: we could think about the horror: what
happened

a kind of speech, but not yet.

Truyện Ngắn Iran

The Patriot

Sadeq Hedayat



Sinh 17 tháng 2 năm 1903 tại Tehran. Qua đời ngày 9 tháng 4 năm 1951, tại Paris. Người Iran, viết văn, viết kịch và dịch sách. Tác phẩm nổi bật là *The Blind Owl*, một trong những nhà văn Iran đầu tiên tiếp nhận dòng văn chương chủ nghĩa Hiện Thực.

Theo học Collège Saint Louis và Dar ol-Fonoon. Được chọn đi học ở Âu Châu. Theo học kiến trúc ở Bỉ và Pháp, rồi chuyển sang học nha sĩ. Sau khi tự tử hụt, ông bỏ học về lại Iran năm 1930.

Tác phẩm:

1930 *Buried Alive* (*Zende ge gur*) 9 truyện ngắn.

1931 Mongol Shadow (Sāye-ye Moqol)

1932 Three Drops of Blood (Se qatre khūn). 11 truyện ngắn.

1933 Chiaroscuro (Sāye-ye roushan) 7 truyện ngắn

1934 Mister Bow Wow (Vagh Vagh Sahāb)

1936 Sampingé (in French)

1936 Lunatique (in French)

1936 The Blind Owl (Boof-e koor)

1942 The Stray Dog (Sag-e velgard). 8 truyện ngắn

1943 Lady Alaviyeh (Alaviye Khānum)

1944 Velengārī (Tittle-tattle)

1944 The Elixir of Life (Āb-e Zendegi)

1945 The Pilgrim (Hājī āqā)

1946 Tomorrow (Fardā)

1947 The Pearl Cannon (Tūp-e Morvari)

Nhà Ái Quốc

Bản Anh ngữ: Iraj Bashiri.

Trong bảy mươi bốn năm qua, Seyyed Nasrolla Vali sống một cuộc đời đơn điệu; mỗi ngày bốn lần đi tới đi lui giữa nhà và nơi làm việc, qua con hẻm Wazir's Bath. Giờ đây, lần đầu tiên, ông có cơ hội du lịch ra ngoại quốc, đi Ấn Độ.

Cho đến nay, ông ít khi đi đâu dù chỉ trong nước; thậm chí, chưa đến thành phố Kashan, nơi sinh quán của tổ tiên. Ông thực hiện một chuyến du lịch duy nhất đi ba ngày đến vùng núi lửa Darnavand. Chuyến đi đó đã chứng tỏ sự mệt mỏi và khiến ông cảm thấy khó chịu. Hơn nữa, khi trở về, phát hiện nhà mình bị ăn trộm đột nhập. Sự việc này càng khiến ông thêm e ngại khi đi xa.

Vì đời sống Seyyed Nasrolla dành riêng cho việc thu nhận nghệ thuật và khoa học, cũng như việc nâng cao tâm trí, nên anh kết hôn muộn, lúc bảy mươi hai tuổi. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian hai năm ngắn ngủi, ông đã có thêm “hai nhà triết học nhỏ” cho nhân loại. Mặc dù, không ghi lại sự uyên bác của mình theo một cách cụ thể nào, Seyyed Nasrolla được xem là một bậc thầy mẫu mực về văn học Ba Tư, Ả Rập và Pháp, cũng như triết học Đông phương, Tây Phương, Thần bí học, và khoa học cổ đại lẫn hiện đại. Ông ta được nuôi dưỡng khác biệt, so với những học giả khác và những người văn chương. Họ nổi tiếng nhờ viết những bài báo dài dòng biện minh cho bản thân, hoặc do tận dụng địa vị chính trị thủ lợi, để hưởng dụng những chuyến xuất ngoại. Họ có những ghi chú giải thích chưa được tiết lộ trong những bản viết mỗi mọt, hoặc đạo văn, hoặc tăng bốc, hoặc gom luôn hết tất cả những thứ trên. Làm thế nào ông có thể ngồi im viết một cuốn sách trong khi ông nói tiếng Ả Rập rất hay, đến nỗi tài hùng biện và sở học của ông bị đám khán giả bám theo. Ngay cả khi nói nhẹ nhàng, chất lọc từng chữ, có nhà ngôn ngữ học nào trên thế gian có thể tìm ra lỗi trong cách ông lý luận, sử dụng tu từ hay cú pháp. Thật vậy! Seyyed Nasrolla chủ trương theo câu nói: “Nếu

lời nói là vàng, thì im lặng là châu báu.” Khi phải nói điều gì vì lợi ích cho người khác, người ta nên đánh lười bảy lần trước khi thốt ra lời đầu tiên.

Và điều này đã làm cho ông trở nên nổi tiếng, đến mức, một ngày kia, Giáo sĩ Hakim Bashipur, Bộ trưởng Giáo dục, triệu hồi Seyyed đến văn phòng để thảo luận những việc quan trọng và khẩn cấp. Sau những lời chào hỏi bất tận, trao đổi những câu nói vui vẻ, khen ngợi Seyyed, cùng vô số lời hứa hẹn về sự thăng tiến tương lai và những thứ tương tự, ông Bashipur nói, *“Sẽ là chuyện đáng tiếc nếu chúng ta không nỗ lực mang đến cho người dân Ấn Độ sự quan tâm về những bước tiến thần kỳ mà đất nước cổ truyền của chúng ta đã đạt được trong lãnh vực giáo dục, nhìn chung, là những tiến bộ thực sự đã gây cho thế giới sự chú ý. Cuối cùng, Ấn Độ vẫn là cái nôi của chủng tộc Aryan với hàng triệu người Hồi giáo nói tiếng Farsi. Họ phải được tán thưởng về hệ thống giáo dục nổi bật, đặc biệt là về những từ vựng mới mà chúng ta đã phát minh ra.”* Sau đó, để hỗ trợ lập luận qua bằng chứng cụ thể, ông đưa cho Seyyed một tập tài liệu chứa đầy những từ vựng mới do Học viện Ngôn ngữ tạo ra. Cuốn sách mỏng được nhà vua ký tên và những nhà bác học đương đại giỏi nhất phê chuẩn. Ông cũng đưa cho Seyyed rất nhiều hình ảnh của ông. Hình chụp nhiều tư thế khác nhau: Mặt nhìn nghiêng, mặt nhìn thẳng, ngồi, đứng, nghiêm túc, v...v... Ông cẩn thận hướng dẫn cách phân phối đến các nhà báo Ấn Độ để họ đăng lên trên tạp chí và nhật báo. Những lời tử tế của ông khiến Seyyed cảm động. Nhưng, chiếc đầu hói tóc đỏ vẫn lắc để từ chối, nở nụ cười cố ý và viện dẫn lý do vì tuổi già sức yếu, vô số vấn đề bệnh hoạn bất thường, vì một mặt không muốn rời xa gia đình, mặt khác đường đi Ấn Độ quá xa, phải băng qua biển rộng. Ông thoái thác, sau đó, đề nghị, nhiệm vụ này

phải được giao cho một nhân viên tuyên truyền chuyên nghiệp. Tuy nhiên, ông Bashipur nhất quyết cho rằng nhiệm vụ đang thực hiện, cần được bảo mật nghiêm ngặt, không thể giao cho bất kỳ ai khác, ngoài Seyyed, người lớn tuổi, danh vọng và thông thái, được văn phòng cao cấp yêu cầu. Sau khi nghe vị bộ trưởng nói, dù muốn hay không, Seyyed phải đồng ý với quyền lực cao hơn và nhận lãnh nhiệm vụ một cách vui vẻ.

Rời khỏi văn phòng của bộ trưởng Bashipur, Seyyed nhớ lại những khó khăn, không được vừa ý trong chuyến đi ngắn đến Darnavand. Rồi ông hình dung khoảng cách giữa Tehran và Ấn Độ. Sự so sánh dấy lên nỗi lo lắng mơ hồ nhưng ghê sợ đến nỗi muốn mưa, cả thân người ông run rẩy. Khi về đến bàn làm việc, ông bấm chuông và yêu cầu mang đến một ly nước. Một lúc sau, nỗi lo lắng giảm bớt, ông bắt đầu nghĩ ngợi. Trên bàn cân tưởng tượng, ở bên này, ông đặt chuyện phải xa nhà vì không đúng lúc sinh ra lo âu và những gì ông sẽ mất nếu không đi, ở bên kia, ông đặt số tiền sẽ có, danh vọng, sự thỉnh cầu của đảng phái, chuyến du lịch mà chi phí do chính quyền đài thọ. Nhưng, không có một thứ gì trong suy nghĩ này khiến cho ông bình thần trở lại, vì hơn bất cứ thứ gì khác, ông đã giao hết hạnh phúc riêng mình để theo đuổi cuộc sống vô tư. Hình như không được khôn ngoan cho lắm nếu gây xáo trộn tình trạng hiện tại của ông vì hy vọng tăng thêm một ít lợi lộc. Kết quả của những suy nghĩ này, nảy sinh lòng căm ghét Hakim Bashipur, nhưng chỉ vô ích. Nhiệm vụ đó đã chính thức áp đặt lên ông. Không thể nào từ chối. Ngoài ra, ông không thể từ chối số tiền liên quan trong chuyến đi. Seyyed là người keo kiệt, được nhận số lương gấp đôi, cộng thêm chi phí

đi lại, ăn uống, và số tiền tài trợ cho việc thi hành nhiệm vụ trong điều kiện khí hậu không thích hợp. Còn có một động lực nữa: có lẽ, giống bác sĩ Borzuye thời Trung cổ, ông có thể khám phá một cuốn sách giống như Kalile va Demne và mang nó về từ Ấn Độ. Ông nghĩ, việc này có thể làm cho ông trở nên bất tử. Sau đó, ông tự nghe chính mình thì thầm ngân nga:

*“Kẹo Ba Tư mang đến Bengal,
sẽ ngọt ngào giọng hát con kút Ấn Độ.”*

Thời gian trôi qua, những ý tưởng này vẫn đeo đuổi ông. Ngay sau khi chuyến công du của ông được tuyên bố khắp nơi. Các nhóm bạn bè đến chúc mừng cho ông được thành công trong lần đi này. Đáp lại, Seyyed đã có những cử chỉ như đang là nạn nhân. Lắc đầu, với giọng nói nghiêm nghị: *“Tôi phải làm gì đây? Chúng ta phải phục vụ tổ quốc!”*

Từ từ rồi, sau một tháng tham khảo ý kiến của chiêm tinh gia và thầy tiên tri, đứng vào giờ lành, Seyyed Nasrolla đã hành lễ dưới nghi thức của thánh kinh Qur'an và tấm gương soi. Sau đó, giữa cảnh hỗn loạn của các phóng viên chụp hình, vô số hình, ông ta khởi hành. Trước khi công du, ông đã giao lại cho vợ hồ sơ di chúc và một chúc thư.

Ông không thích chuyến du hành giữa Tehran và Ahwaz một chút nào. Vì vậy, ông sử dụng cơ hội này để kiểm soát văn phòng giáo dục ở Ahwaz và khảo hạch sơ qua một số học sinh. Mặc dù, thực tế, tiếng Ả Rập là tiếng mẹ đẻ của họ, ông chỉ trích nặng nề cách phát âm không chuẩn. Sau đó, các giám đốc của các văn phòng chính phủ khác nhau, nỗ lực tranh giành việc mời mọc ông. Seyyed mệt mỏi, từ chối tất cả. Ông biết mọi xã giao giả tạo này đều do lệnh trên chỉ định. Hơn nữa, ông cảm thấy nhọc nhằn khi phải giảng những bài căn bản về thiện tâm

rồi nghe lời đáp trả tăng bốc đúng theo tiêu chuẩn, những điều này khiến cho ông cảm thấy buồn bã và chán chường. Tận đáy thâm tâm, ông ước ao đừng có một chuyện gì có thể phá vỡ đời sống đơn điệu và bình lặng. Trước kia, ông có ý định viết một bài báo dài ca ngợi Hakim Bashipur hoàn toàn bằng tiếng Ả rập, các ghi chú, các luận điểm khoa học cũng như thần học, nhưng chưa có cơ hội. Giờ đây, nỗi lo lắng và phiền muộn nảy sinh từ chuyến đi đã cản trở ý định này. Mỗi khi chiếc xe băng qua một khe núi nguy hiểm, ông cảm thấy cái chết gần kề, đọc thuộc lòng những câu khấn nguyện trong kinh Qur'an linh thiêng, trong khi lấy khăn tay còn gấp trong túi ra chạm mồ hôi trán

Đến Khorramshahr, người ta đón tiếp nồng nhiệt, vé tàu cho chuyến công du và mọi thứ cần thiết khác đã sẵn sàng. Đêm đó, ở lại nhà người giám đốc sở giáo dục và ngủ mơ một chiêm bao tồi tệ. Sáng hôm sau, ông giám đốc đưa Seyyed ra sông. Mặc dù với lý do đi ngắm dòng sông, nhưng ngầm ông muốn quan sát biển. Với lòng tò mò khác thường, ông khảo sát những cây dừa mọc ven bờ, các thuyền nhỏ và vài thuyền lớn đang neo đậu ở xa vùng biển. Từ trước đến giờ, ông chỉ biết biển trên bản đồ và cây dừa trong sách địa lý. Giờ đây, được nhìn tận mắt, khiến ông chợt nhớ những lời ca ngợi về du ngoạn trong truyền thuyết cổ đại. Thế giới hiện ra rộng lớn đầy bí ẩn. Thăm nghĩ, *“cần phải đi nhiều nơi cho chú ngựa non trở thành lão luyện.”* Lòng bật lên một loại tự phụ khôn ngoan. Nhưng, sức nhớ phải lên tàu đi vào lúc chiều tối, tìm bắt đầu đập mạnh, tăng cảm giác mệt nhọc.

Cho đến lúc chạng vạng, chuyến tàu khởi hành rời bến, Seyyed đã dành hết thời giờ cho

các bữa tiệc. Nhưng tương tự như người gần đến giờ hẹn giải phẫu, ông vô cùng lo âu. Vần lanh quanh tự hỏi về chuyến tàu băng qua đại dương cho đến cuối hoàng hôn, khi cói tàu hú lên một tiếng dài thất vọng. Trái tim chùng xuống. Các nhân viên phục vụ nhanh chóng đưa hành lý từ hải quan lên chiếc thuyền nhỏ. Rồi đưa ông lên một chiếc thuyền khác, ngồi giữa bọn họ. hai chiếc thuyền hướng ra tàu lớn. Ông ôm sát vào người, đặt trên đùi chiếc cặp chứa cuốn sổ và hình ảnh Hakim Bashipur. Thuyền nhỏ chao đảo. Ánh trăng bàng bạc trên mặt sóng, những hàng cây xanh đậm đứng bất động hai bên bờ. Seyyed xem thường những điều này, cảm thấy mình như con lạc đà được chọn để hiến dâng tế lễ, được trang trí bằng những gì quý báu nhất có thể tìm thấy. Tất cả những nghi thức đã diễn ra như để lừa gạt ông. Sóng vỗ vào mạn thuyền nhỏ rung chuyển. Cảm thấy có thể bị tai nạn dễ dàng, để che giấu nỗi sợ hãi, ông quyết định nói chuyện với người lái thuyền bằng tiếng Ả Rập một cách trí thức, nhưng người này không hiểu ngôn ngữ cao kỳ, mà trả lời bằng những lời lẽ tra tấn lỗ tai. Seyyed suy luận rằng không thể tìm thấy một người Ả rập nào để hiểu ông ta.

Xa xa, đèn trên tàu rực rỡ. Chiếc tàu đi Ấn Độ là sáng và đẹp nhất. Gió biển mang theo mùi mặn của cá chết, mùi thối rữa chưa kịp phân tán bởi những giông bão. Chiếc thuyền đầu tiên đến tàu chờ các học giả. Theo sau là những thuyền máy chở hàng hóa. Sự huyên náo, tiếng la hét, kêu gào của các phu khuân vác Ả rập và tiếng động cơ khiến ông không yên tâm. Rồi khi đám đông được giải tỏa, giống như người phụ nữ đang mang thai, Seyyed được họ nâng đỡ, cầm tay nhấc lên tàu. Ông run run, sợ hãi lúc bước lên cầu thang. Khi đã đặt chân trên sàn tàu, đôi môi tái nhợt thoáng hé nụ cười triết

lý. Các bạn khác đã đặt hành lý của ông vào phòng riêng, họ cúi chào rồi ra đi.

Cảm thấy chóng mặt. Ngồi lên chiếc giường hẹp của phòng hạng nhì, đặt chiếc cặp đựng từ điển và hình ảnh bên cạnh. Dĩ nhiên, chính phủ đã sắp xếp cho ông đi công du hạng nhất, nhưng Seyyed khiêm nhường như mọi khi, thích hạng nhì hơn. Nếu không bị kiểm soát, ông có thể đi hạng ba. Tiếng hành khách chuyện trò, tiếng cần trục kéo hàng, vọng qua cửa sổ. Đứng lên nhìn ra ngoài: bờ biển lấp lánh phía xa. Dọc theo hành lang tàu, các phu khuân vác Ả Rập từng nhóm đi qua lại. Cảnh này làm cho ông nhanh chóng cảm thấy hối hận. Trước khi tàu rời bến, nhiều lần đã quyết định giả vờ bị bệnh để xuống bờ, thậm chí, nghĩ đến việc từ chức, nhưng có lẽ, đã đi quá xa, quá muộn.

Tận trong thâm tâm, sau những ánh đèn trên bờ biển, ông đã nói lời từ biệt với vợ con và cuộc đời tĩnh lặng. Rồi, dần lòng, quay lại xem căn phòng mới. Căn phòng nhỏ bằng thép và gỗ, sơn trắng. Gồm có một giường đôi và một giường chiếc. Có bồn rửa, tủ áo, và chiếc bàn nhỏ. Nhìn chung, có vẻ sạch sẽ, chắc chắn và an toàn. Nhưng sau đó, một số câu chuyện mà ông đã đọc, về các thủy quái dưới đáy biển, như hoàng tử Dinh Bá và những câu chuyện thần thoại Ấn Độ, lại hiện lên tâm trí. Cùng lúc đó, một người Ấn Độ cao, đen, trong bộ đồng phục trắng phục vụ bước vào, nói điều gì bằng tiếng Anh, Seyyed không thể nhận ra. Tự cảm thấy ngu dốt, ông đỏ mặt. Nhận thức được sự hiểu biết của mình bị giới hạn giữa bốn vách tường trong nhà; có những ngôn ngữ, dân tộc, đời sống khác trên thế giới mà ông đã lãng quên. Rồi, vô duyên cớ, ông để lòng giận ghét hướng về người Ấn Độ phục

vụ, như thể anh ta là công cụ đảm đương chuyến du hành. Anh phục vụ mang khăn trải giường, chăn màn và thay đổi cho giường ngủ.

Dần dần rồi tiếng ồn bên ngoài cũng lắng đọng. Một mỗi, Seyyed nằm xuống, chiếc giường hẹp và không thoải mái. Anh phục vụ lại gõ cửa lần nữa, bước vào và lấy tay ra dấu thông báo bữa ăn tối đã sẵn sàng. Rồi dẫn đường, leo lên một cầu thang, đưa Seyyed vào nhà hàng trên tàu. Tại bàn ăn của ông đã có hai người khách nói tiếng Ba Tư. Ông kiểm tra và nếm tất cả các món ăn xem thử có vừa ý và bảo đảm không nấu bằng gia vị Ấn Độ. Ông tin vào cách suy tính của người xưa về bản chất nóng, lạnh của thực phẩm. Chính ông ta cũng mang theo một số gia vị lạnh để phục hồi sự cân bằng trong cơ thể, khi cần điều trị.

Một người Iran trong bàn gọi món ăn bằng tiếng Anh và gọi anh phục vụ Ấn Độ là “chakra”. Seyyed chắc hẳn đã tìm được người nói Anh ngữ với anh hầu, vì vậy, ông sử dụng “chakra” như phương tiện để phá tan sự xa lạ. Tham gia vào câu chuyện, ông nói, *“Tiếng Hindi là con đẻ của tiếng Ba Tư. Trong các cuộc xâm lược của họ dưới thời đại đế Darius, Alexander, Sultan Mahmud, và Nader Shah, quân đội Iran đã đánh chiếm Ba Tư và Ấn Độ. Theo ý tôi, chữ ‘chakra’ đồng nghĩa với chữ ‘chaker’ trong tiếng Ba Tư. Hơn nữa, ‘chatni’, một loại gia vị Ấn Độ, cũng lấy từ tiếng Ba Tư, chữ ‘chashni’.* Nói chung, giống như các chủng tộc bắt nguồn từ Shem, Ham và Japheth (hoặc là Saim, Tur và Itaj?) Tất cả ngôn ngữ thế giới đều có gốc từ Ba Tư, Ả rập và Thổ Nhĩ Kỳ. Ví dụ, dùng chữ ‘samova’. Mọi người đều nghĩ, đó là sự vay mượn của tiếng Nga. Vâng, tôi khám phá, đó là một chữ ghép của ba chữ: se, tiếng Ba Tư (ba); ma’, tiếng Ả rập (nước); ver, tiếng Thổ (mang). Như vậy, chữ đó có nghĩa ‘mang ba thứ nước’. Ngôn ngữ

có nhiều chữ như vậy.” Và do đó, các hành khách Iran kinh ngạc về kiến thức lịch sử và ngữ văn của Seyyed. Trong lúc trò chuyện, ông biết được chàng thanh niên biết nói tiếng Anh đã từng ở Ấn Độ. Bây giờ anh ta đang đi công tác chính thức đến Bushehr.

Sau khi uống cà phê, ông trở về phòng. Một đờ. Nhìn vào trong gương, thấy khuôn mặt mình tái nhợt. Đọc một câu kinh Qur'an, rồi nằm xuống ngủ.

Lúc rạng sáng, một phần vì con tàu chuyển động nhẹ, một phần vì tiếng ồn của động cơ, ông thức giấc. Kinh ngạc mắt mở to như thể không ngờ đang thức dậy trên tàu. Đầu nhức nhối. Sau khi ăn sáng, một bảng hướng dẫn màu đỏ làm ông chú ý. Tiến đến gần để đọc; *B.I.S.N. Co. Ltd. Hướng dẫn khẩn cấp cho khách hàng.* Tiếp theo là những đoạn văn bằng tiếng Anh dài dòng và ba bức tranh về một người đàn ông. Một người chỉ cách mang thiết bị nổi trước ngực. Hai người kia chỉ cách thắt các dây đai quanh người.

Nhìn tấm bảng này, ông xác nhận quan điểm của mình, tiếng Anh thực sự là tiếng Pháp phản bội, viết sai chính tả và phát âm không đúng chữ. Ông nghĩ, tiếng Anh “emergency” phải bắt nguồn từ tiếng Pháp “raiseger”. Ông dịch tiêu đề của bảng hướng dẫn là “Instructions for Retrieving Passenger. Ngay sau đó, ông nhìn lên trần nhà thấy hai ngăn chứa hai thiết bị phao nổi. Bỗng dưng sự sợ hãi bao trùm lấy ông. Hai cái thiết bị phao này là bằng chứng rõ rệt, không thể tin vào công kỹ nghệ tây phương. Chiếc tàu, mặt ngoài trông rất uy thế, nhưng có thể bị chìm. Ông tra từ điển để tìm hiểu thiết bị phao, không tìm thấy. Đọc những hướng dẫn bằng tiếng Anh, không

thu thập gì nhiều. Chỉ có thể đoán chừng hình dạng như phác họa. Tuy vậy, có một điều đã minh bạch. Bảng hướng dẫn đề xuất về cách cứu người bị rơi xuống nước và sắp chết đuối.

Ông mặc áo quần thật mau rồi đi lên sàn tàu. Hai người Ấn Độ bản địa đang ngủ cạnh bên bình thuốc hút. Một người Ấn Độ phục vụ mặc đồng phục màu xanh đang đi đến một nơi nào đó. Seyyed chỉ thấy, sóng lăn tăn trên mặt nước. Từ phía xa, nhìn không rõ, một dấu vết mù mờ như bờ biển. Kiểm soát mạn tàu. Chữ “Valro” hiện ra trên một dây băng trắng treo trên đầu lan can. Vì đã nhìn thấy chữ này trong thực đơn nhà hàng, “Valro” chắc chắn là tên của con tàu. Một phụ nữ Ấn Độ băng ngang, mặc sari và trang điểm đeo vòng vàng ở tai và mũi.

Một ngàn ký ức không vui sống lại trong tâm trí. Hai năm trước, chẳng phải ông đã đọc báo biết một con tàu khổng lồ đã chìm ở Đại Tây Dương hay sao? Chẳng phải cách đây không bao lâu, ông đã nhìn thấy hình ảnh con tàu Pháp bốc cháy trên Biển Đỏ hay sao? Tỷ lệ xấu có thể là một phần trên hai tỷ những chuyện tương tự như vậy có thể xảy đến cho con tàu này. Nhưng tại sao ông phải nhận lãnh cơ hội xấu để nguy hiểm đến tính mạng của mình? Ông chìm đắm trong nghĩ ngợi.

Sau đó, nhớ lại Hakim Bashipur, người này càng ngày càng cứng cổ và không bao giờ chịu giúp ai ngoài chính bản thân. Hẳn là kẻ lòn bịp thất học. Chẳng phải những bức thư của hắn để lại trên bàn ông đầy cả lỗi về hình thái và cú pháp? Ngoài ra, hẳn là người Do Thái cải đạo sang Thiên Chúa Giáo chỉ vì lợi ích bảo đảm cho văn bằng tốt nghiệp tại “Trường học Hoa Kỳ”. Gần đây, hắn tỏ vẻ thân mật với các học sinh thuyết Hồi Giáo. Hẳn mượn bản dịch nhiều lỗi của đứa con rể người Do Thái, dùng

làm bài giảng. Một mặt, hấn phát hiện những quan điểm chống Hồi Giáo, mặt khác, bước vào hàng ngũ những kẻ ngoại đạo bị Tây Phương tây hóa. Hấn muốn các tờ báo in tên hấn chung với Plato, Socrates, Avicenna, Ferdowsi, Sa'di, Hafez, và những người tên tuổi khác ! Tại sao ông phải tự gây phức tạp cho sinh mệnh vì lợi ích của cá nhân khác, như Hakim Bashpur. Rồi hấn sẽ vội vã khoe khoang, "Hình của tôi xuất hiện trên báo Indian Press." Ông tiếp tục nghĩ, tại sao mình lại cho phép một kẻ ngu ngốc và ích kỷ thao túng? Với trí thức và địa vị của mình, ai lại mang một đồng từ ngữ ngớ ngẩn và vô nghĩa đến Ấn Độ như một biểu tượng sự tiến bộ, nhưng không phải tiếng Ba Tư hay tiếng Ả Rập? Chuyện gì sẽ xảy ra, nếu mình gặp vài học giả thực sự hiểu biết, họ sẽ phản ứng như thế nào? Tại sao hấn lại giao việc này cho mình thay vì một trong những môn đệ trẻ đang nổi lên của hấn, những người nịnh bợ lẫn nhau để được đi du lịch Âu Châu dưới chiêu bài giáo dục, để trở thành những kẻ tuyên truyền cho hấn trong tương lai? Mỗi môn đệ trong số các sinh viên ở Âu Châu nhận được ít nhất hai hoặc ba phần lợi ích của quân đội để viết một cuốn sách như "Thánh Goerge và Những Lời Rao Giảng Đến Thế Giới," và được chính phủ xuất bản. Seyyed nghĩ, tại sao ông không ở nhà với vợ con và viết những tác phẩm như vậy, hoặc tệ hơn có thể xuất bản những bản dịch tiếng Pháp sai sót dưới tên của mình? Tại sao ông phải trở thành nhà thám hiểm lang thang, trải qua những nguy hiểm để quảng bá nhiều lời cho nhân vật Hakim Bashipur? Tại sao ông lại tự tạo một hoàn cảnh khó khăn cho bản thân? Họ không thể gửi một dự án giáo dục khả quan hơn sao? Rồi, đột

nhiên, Seyyed nhận ra, ông đang để tình cảm thống trị lý trí. Trong kinh nghiệm sống đời người, ông đã học được, một số các nhà giàu mới nổi lên quảng bá cường điệu, tuyên truyền nhạo báng và vơ vét tiền bạc là cách duy nhất để làm ra bánh mì và bơ. Hơn nữa, họ đã nài ép ông giảng dạy về “Thời đại rực rỡ” phải không? Ông đã chấp nhận một phần để thể hiện bản thân và tài hùng biện, còn phần khác để chứng tỏ với mọi người, ai là người dẫn đầu. Seyyed nghĩ, đề tài sẽ ông chọn là gì? So sánh tổ quốc với một người phụ nữ hấp hối trên giường bệnh được Reza Khan xuất hiện với viên thuốc nhét hậu môn và cái bát tung hứng chơi banh, cứu cô sống lại. Nghĩ đến chuyện này, dù rất chán nản, ông vẫn nở nụ cười trên môi. Những người khác sẽ không bao giờ có thể đưa ra những lời lẽ cao kỳ và những câu nói thích thú như vậy. Ông đã từng làm việc với các học giả này và biết họ khá rõ. Biết những thứ tây phương hóa, những thứ hiện đại và những thứ xưa cũ, đều giống nhau, chỉ có tên gọi khác. Trước kia, họ đã từng lặn lội đến vùng đất thánh Najaf để trở thành Hojat-al-Islam, danh hiệu vi hướng đạo trong Hồi giáo; bây giờ, họ đi Châu Âu để trở thành tiến sĩ. Mục tiêu chính của họ là để lừa đảo quần chúng. Mỗi quan tâm cần thiết của họ là từ bụng trở xuống. Ai cũng nghĩ đến ngôi nhà cao ba tầng, xe hơi và dinh thự công vụ ở ngoại quốc. Seyyed không đi ra ngoài nước, nhưng đã hội nhập với những bác sĩ và học giả đến viếng Iran. Ví dụ, trong khi một bác sĩ Iran muốn trở thành một giám đốc, một nhà vận động chính sách, hoặc một bộ trưởng, như bác sĩ quá cố Tuluza, ông phải nghiên cứu tìm hiểu từng phút từng ngày. Tại sao ông lại kém thành công hơn những người khác? Bởi vì ông sinh ra để học hỏi. Nhớ lại những khán giả đã nuốt từng lời của mình và ca ngợi sự thành công sau

những lần diễn thuyết. Chính nhà vua cũng tỏ ra ưu ái ông. Nhưng lần sau, khi bị ép buộc phải giảng bài, ông từ chối. Có phải ông bị đưa đi hành trình ác ôn này vì chuyện đó? Lắc đầu rồi làm bầm câu châm ngôn: *"Ai tìm kiếm con công sẽ gánh hiểm họa ở Ấn Độ."* Sau buổi ăn trưa, ông rời nhà hàng rồi tình cờ gặp anh chàng Iran biết nói tiếng Anh. Nhận ra người quen, ông phàn nàn một chút về thời tiết. Sau đó, không cần rào đón, ông hỏi:

"Anh đi du lịch một mình phải không?"

"Vâng."

"Nếu anh thích, Isfahani Gaz, hãy cùng tôi về phòng trò chuyện."

Hai người về đến phòng. Phải rất khó khăn, ông lấy trong va li ra một hộp khí, đặt trước mặt anh bạn và nói nhẹ nhàng, *"Một người cho dù đã dùng bao nhiêu phần đời của mình để học hỏi về khoa học và nghệ thuật, cũng không bao giờ đủ. Thật đáng tiếc, khi chúng ta không thể tự do dành toàn bộ thời giờ cho việc học, phải không? Dù một cơ hội kiểm tra nhỏ nhất cũng có thể đủ để khám phá ra những ẩn số mới. Nếu chúng ta xem xét kỹ lưỡng từng chút một, sẽ xác nhận được sự khẳng định của tôi. Ví dụ, nếu đặt một chiếc lá khô dưới ống kính hiển vi, chúng ta sẽ khám phá ra một thế giới mới với hệ thống và qui tắc riêng của nó. Một hạt bụi có thể khơi mào cho những cuộc thảo luận triết học kỳ diệu, nhiều suy nghĩ và truy lùng tận tâm hồn! Như những nhà thần học đã nói, 'nếu có thể mở ra một nguyên tử, sẽ thấy rõ được mặt trời ở trong đó.'* Ngày nay, khoa học suy đoán và chứng minh rằng những gì người xưa xem là *"thể liên tục"* (continuum) là vũ trụ đối với chính nó. Nếu chúng

ta nhìn lên bầu trời và quan sát các thiên thể xoay quanh không thay đổi, chúng ta sẽ bối rối đến mức không thể không chấp nhận, 'tôi đã học đủ để hiểu rằng tôi không biết gì.'

Những bí mật và những gì không biết bao quanh chúng ta. Tôi đồng ý với Hermes Terismazhist, đã nói, "Bất cứ thứ gì thu thập được bên dưới, ở đây, sẽ nhận được ở trên đó." Tuy nhiên, lý do cuộc thảo luận kéo dài vì còn nhiều nhiều bí ẩn về bộ lạc, thị tộc, và ngôn ngữ trên thế giới quá sâu rộng để chúng ta có thể hiểu được trong cuộc đời ngắn ngủi này. Điều tôi hối tiếc là suốt thời còn trẻ đã không học tiếng Anh. Bây giờ, rất khó khăn để chọn chữ lựa câu. Lý do có thể gốc ngôn ngữ Anglo-Saxon không giống gốc tiếng Latin, hoặc tôi không quen ngữ pháp và cú pháp của tiếng Anh. Hãy dùng bảng hướng dẫn dán trên tường làm ví dụ, tôi có thể suy ra tiêu đề. Rõ ràng, họ hướng dẫn chúng ta cách cứu những hành khách chết đuối."

Anh bạn mới há hốc miệng, hoang mang lắng nghe những khẳng định triết học nặng nề của Seyyed, tuy không hiểu, vẫn đồng ý, "Tất nhiên, chắc chắn như ông nói."

"Thực sự có nguy cơ chìm tàu hay không?"

"Không, không bao giờ. Hướng dẫn chỉ là biện pháp phòng ngừa. Cho thấy người Châu Âu thận trọng đến thế nào. Dĩ nhiên, không thể phủ nhận chuyện tai nạn có thể xảy ra."

"Đúng. Đó chính xác là điều tôi muốn hỏi. Chúng ta đang nói về tai nạn có khả năng xảy đến, không bảo đảm được an toàn."

"Dĩ nhiên."

"Nhưng họ đã tìm đủ mọi cách để chế ngự tai nạn chưa?"

“Đương nhiên.”

“Tôi có thể nhờ anh dịch bằng hướng dẫn này một cách vắn tắt thôi?”

“Dễ mà.”

Anh bạn trẻ đứng lên đọc và dịch lại nội dung bằng hướng dẫn cách sử dụng thiết bị nổi. Lời dặn dò nhấn mạnh hành khách nên kiểm tra thiết bị để quen thuộc với cách dùng phao nổi.

Seyyed lắng nghe cẩn thận. rồi lau mồ hôi trán, nói: *“Chuyện gì sẽ xảy ra, nếu con tàu bốc cháy hoặc chìm vì nhiều lý do? Chuyện này tuyệt đối là có thể xảy đến, phải không? Chẳng hạn, năm vừa rồi, một con tàu Pháp bốc cháy ở biển đỏ. Tôi còn nhớ đã đọc báo Latin, một con tàu khổng lồ chìm ở Đại tây Dương, trong khi các hành khách đang nghe nhạc, nhảy múa vừa lúc cái chết chụp lấy họ.”*

“Có phải ông nói, tờ báo tiếng Latin?”

“Vâng. Dĩ nhiên, tôi thích gọi tiếng Pháp là tiếng Latin. Rất tiếc đã làm phiền anh, nhưng tôi sinh ra để học hỏi. Tôi muốn tận dụng mọi cơ hội để nâng cao sự hiểu biết của mình. Nếu tàu bị chìm, chuyện gì sẽ xảy ra cho những ai chưa rèn luyện?”

“Nếu xảy ra như ông nói, đã có hai thuyền lớn ở hai bên hông tàu. Họ sẽ hạ hai thuyền đó xuống biển để đưa hành khách lên thuyền, trẻ em trước, đến phụ nữ, và đàn ông sau cùng, rồi chờ đợi tàu cứu hộ đến đón vào bờ.”

“Nhưng không có cá dừ dưới biển sao, chúng có thể gây ra tai hại?”

“Vâng, dĩ nhiên, Tai nạn có thể xảy đến. Có thể lắm. Ví dụ, bộ phận điện báo cấp cứu của

tàu bị cháy trong lúc đã ra quá xa bờ, cho dù đưa hành khách xuống hai thuyền, họ vẫn có thể chết vì đói khát trước khi tàu khác kịp đến cứu nguy. Nhiều tai nạn có thể xảy ra trong đời sống, nhưng không cái nào sắp xảy ra ở đây đâu.”

Seyyed lắt đầu, trầm ngâm rồi lẩm bầm “*tai nạn có thể, nhưng không thể sắp xảy ra.*” Rồi ông hỏi, “*Có phải tôi nghe anh nói có hai chiếc thuyền lớn ở hai bên tàu?*”

“*Đúng, Ông chưa thấy sao? Nào, tôi đưa ông đi xem.*”

“*Cảm ơn. Còn câu hỏi cuối. Con tàu này có dừng neo tại các cảng khác không?*”

“*Tàu này tốc hành. Chỉ ngừng ở Budhehr, Karachi và Bombay. Ngừng ở Bushehr chỉ vài giờ thôi.*”

Tỏ vẻ suy nghĩ sâu đậm, Seyyed nói, “*Cảm ơn anh nhiều, đã chịu khó trả lời ...*” rồi rơi vào im lặng. Một tiếng ồn ào đặc biệt vang xuống phòng. Anh bạn chào tạm biệt rồi ra về.

Ông dùng khăn tay lau đôi lông mày rất bóng. Đứng dậy, cẩn trọng đi lên sàn tàu, xem xét cẩn thận. Hai chiếc thuyền lớn màu đen, mà ông không hề để ý, treo hai bên hông tàu. Trên thuyền hiện ra chữ “Oxford”. Một lần nữa, Seyyed đọc lại trên dây đai của thiết bị phao, chữ Valro nhiều lần như thể ông đã quen tên đó. Ông nhủ thầm, Valro chắc phải là một trong các vị thần Assyria hoặc Hy Lạp. Rồi, biển làm ông chú ý. Những đợt sóng tấn công con tàu ào ạt, rút lui, chỉ để quay lại tiếp tục tấn công. Nhìn đăm đăm vào nước màu xanh lục, gần như đen. Biển trông giống một chất lỏng sống hoặc một thực thể trơn tuột, uốn éo, trở mình đau đớn, sẵn sàng nuốt chửng hàng trăm con tàu như thế này, mà

không cần quan tâm đến học lực và kiến thức của người trên tàu. Tự cảm thấy ghét những quyền lực thiên nhiên mù quáng. Ngoài ra, dưới đáy biển còn có những quái thú chờ đợi chuyện đó xảy ra. Chẳng phải ông đã nghe câu chuyện ở Khorramshahr về một đàn bà và đứa con xuống bờ nước giặt quần áo, cá mập rình rập, kéo họ xuống, cắn đứt làm đôi? Rồi cảm thấy con tàu rung chuyển nhẹ dưới chân. Nghe tiếng động cơ của máy tàu gầm thét. Theo như những gì đang thấy, sóng nước liên tục tấn công mạn tàu. Mũi tàu cắt vào sóng, để lại một dòng bọt trắng như vết thương bật ra chảy mủ. Hai cánh chim nhỏ bay theo sau con tàu, không biết tổ của chúng ở đâu. Tất cả những điều này dường như kỳ lạ, kinh ngạc, đáng chú ý đối với Seyyed. Rồi ông nghĩ đến những người ở dưới hầm tàu. Họ là loại người nào? Thật kỳ hoặc, không thấy một hành khách nào lo lắng hoặc nếu có, họ đã biết cách che giấu rất khéo léo. Nhưng thực tế, chuyện người khác không lo lắng, không đủ để xoa dịu Seyyed. Ông được sinh ra khác biệt với mọi người. Ông là niềm tự hào của nhân loại!

Seyyed cho rằng chuyện gán cho dân ở Kashan hèn nhát là bất công. Phải chăng sử gia Herodotus đã viết, người Iran cổ đại sợ sóng và sợ biển? Ngoài ra, phải chăng thi sĩ Hafez ở Shiraz cũng sợ biển hay sao? Ông nhớ lại đã đọc cuốn sách của quốc vương Ấn Độ Akbar, mời thi sĩ Hafez đến Ấn Độ. Hafez vô cùng lo lắng về con tàu vượt đại dương, và đã hủy bỏ chuyến đi, nói rằng:

*“Đêm tối, sợ sóng, nước xoáy khủng khiếp,
Những kẻ ngu ngốc vô tư trên bờ, nghĩ gì về
chúng ta?”*

Người phụ nữ Ấn Độ đeo nhẫn vàng trên tai và mũi đi ngang không nhìn ông. Tất cả hành khách trên tàu đều có vẻ đáng sợ, khó hiểu và bí ẩn, như thể họ nằm trong âm mưu đưa ông ra biển rồi bắt ngò thộp cổ, tra tấn và giết chết. Seyyed cảm thấy choáng váng, kiệt lực vì suy nghĩ. Về phòng ẩn trốn. Cởi áo ngoài, nằm dài lên giường. Một ngàn ý nghĩ chờn vờn trong đầu. Bây giờ, ông cảm nhận rõ hơn sự rung chuyển chán chường của con tàu, như thể các giác quan bỗng trở nên bén nhạy. Cảm thấy sự rung chuyển đồng điệu với nhịp tim. Dần dần, mí mắt khép lại, giấc ngủ đưa ông đi.

Mơ thấy một nhóm người Ả Rập đeo dây cứu sinh đứng trên sàn tàu. Họ đang mặc thiết bị phao và hét lớn “Valro!...” Nhóm khác mang phao đang ở dưới nước la lên đáp lại “Valro ...” Còn ông đã mặc phao nổi bên ngoài áo choàng Bushehri, áo mặc trong nhà. Trồn đồn các con trên vai. Khi định nhảy xuống biển, vợ níu áo lại. Kinh khủng quá, ông giật bắn người thức dậy. Toàn thân toát mồ hôi lạnh. Đầu nhức nhối, và miệng còn đọng mùi vị cay đắng. Nhìn thấy căn phòng, nghe tiếng động cơ tàu gầm chát chúa và con tàu rung chuyển. Nhắm mắt lại như muốn thoát thân ra khỏi địa ngục này. Bất giác, ông bắt đầu nghĩ về gia đình và căn nhà. Chiếc bàn korsì và khăn thêu đỏ trải bên trên. Mong muốn có những gối nệm êm ái để chung quanh bàn. Đưa con mới bắt đầu bập bẹ phát âm những từ chính xác. Rồi nhớ đến vợ đã tách hạt lựu ra khỏi vỏ và bày trên đĩa. Nhớ đến văn phòng và những chuyện tốt đẹp gần bó đã xảy ra. Nhưng, bây giờ, đột nhiên những thứ đó trở nên mơ hồ, xa xôi, như chúng đã thuộc về thế giới huyền bí và ma thuật. Ông tự hứa, khi từ Ấn Độ trở về, sẽ chọn phương tiện an toàn hơn, đi xe lửa.

Tận cùng tâm can, ông nguyện rửa Hakim Bashipur. Người đã cử ông đi thực hiện nhiệm vụ

hiếm nghèo trong khi hắn ngồi ở bàn bộ trưởng cười ruồi, lợi dụng những thanh nam thiếu nữ, sắp xếp công việc chính phủ. Hắn trao cho những tên bạn thân trộm cướp, những kẻ dối trá, một bầy tuyên truyền, những chức vị lợi lộc, rồi còn đặt ra những danh vị mới cho họ. Hắn đưa họ vào hội đồng học viện Farhangestan để viết những lời vô lý rồi tổng xuống cổ họng mọi người. Seyyed cũng biết, ở những nơi khác trên thế giới, các từ ngữ mới được thành lập chỉ được công nhận vào từ điển sau khi dân chúng thực hành và các tác giả sử dụng. Tại sao ông, người có một không hai trong ngành khoa học ngữ văn, lại phải gánh chịu những từ ngữ ấu trĩ và vô vị! Không nghi ngờ gì nữa, họ đã nhắm thẳng vào và muốn loại bỏ ông. Vì ông từ chối tuân theo mệnh lệnh và không thừa nhận một số văn bằng tốt nghiệp trung học, những thanh niên đó nghĩ rằng, họ đã bị thần Venus trừng phạt. Cho đến nay, ông đã nhai lại, một phần vì cuộc sống dễ dàng, còn phần kia vì ông cũng có thể bắt vài con cá trong vũng bùn. Tuy nhiên, gần đây, không cần lý do gì, họ tấn công vào nhược điểm của đối phương. Ông ngồi dậy. Dường như chiều hướng suy nghĩ đã thay đổi. Sự nhớt bộ đồ ngủ bị mất một nút áo. Để giữ mình bận rộn, ông bắt đầu khâu nút, vừa nghĩ, nếu có vợ ở đây, không bao giờ ông phải làm việc đàn bà, vất vả này, hoàn toàn không phù hợp với học lực và sức uyên bác của ông.

Ngay lúc đó, thuyền trưởng hú còi báo động, con tàu ngừng lại. Giao thông chộn rộn trên các hành lang đi ra. Trái tim Seyyed chùng xuống. Nghĩ rằng đang có điều gì bất thường, nhưng nhanh chóng nhận ra tàu đã đến Bushehr. Với vớ mặc áo quần đi ra tiền sảnh. Không nhìn thấy

cảng. Chỉ thấy một dãy tia sáng lơ lờ. Rải rác vài chiếc thuyền máy và thuyền buồm. Tiếng ồn ào của phu khuân vác khiến anh nhớ lại giấc mơ. Cảm giác đang đối diện với cơn ác mộng trong lúc thức. Bờ biển tối tăm và xa xôi đến nỗi ý nghĩ lên bờ dường như vô nghĩa. Nhìn đồng hồ. Đến giờ ăn tối. Đi đến nhà hàng. Có lẽ, sẽ gặp người nào ở đó để hỏi tin tức hữu ích. Nhưng mọi người trong nhà hàng, kể cả anh chàng biết tiếng Anh, người hầu bàn, đều tỏ vẻ dè dặt, như thể họ đồng lòng giấu nhem những tin tức xấu. Ông mất cảm giác muốn ăn. Chỉ húp vài muỗng súp và ăn một trái chuối. Ông cố ý để bụng nghỉ ngơi. Anh chàng biết tiếng Anh vẫy tay chào rồi vội vã đi ra, giống như có ai đang chờ anh ta, Thất vọng, Seyyed trở về phòng. Ngồi trầm ngâm.

Để ngăn bớt tiếng náo động bên ngoài, ông đóng cửa, kéo màn kín lại. Cho dù không khí ẩm ướt và hâm hấp, nhưng ông không muốn mở máy quạt. Lấy giấy bút ghi xuống đôi điều cho bài giảng triết học sắp đến, nhưng khó tập trung tinh thần. Viết vài đoạn, đọc lại, không vừa ý. Suy nghĩ lại những ghi chép. Như thể “đọc giữa hai hàng chữ” trong văn bản của mình, *“Bất cứ khi nào họ nói về quốc gia, có nghĩa là chính họ. Tất cả những điều này dùng để phóng đại nhà lãnh đạo thần kỳ, người sử dụng cái bất tung hứng banh để lấy máu dân chúng. Giáo dục bắt buộc không có ý giúp cho mọi người biết đọc biết viết, mà chỉ có ý tạo điều kiện để họ biết đọc, để đọc những lời ca ngợi về Hakim Bashipur, Bộ trưởng bộ Giáo dục. Họ muốn mọi người suy nghĩ theo báo chí và nói giống như vậy. Họ muốn các ngôn ngữ mẹ đẻ, di sản cao quý nhất của người Ba Tư, bị lãng quên, cả người Mông Cổ và người Ả Rập đều không thể thực hiện điều này. Họ muốn áp đặt lên mọi người một từ điển nhân tạo, một từ điển không đại diện cho ngôn ngữ Xerxes, cũng như ngôn ngữ*

Mashdi Hassan. Đúng là bịa đặt. Ông ta đã bịa ra. Ông ta xem lợi ích cá nhân như thể là lợi ích thiêng liêng của quốc gia. Có tư cách gì mà ông ta quyết định vận mạng của đất nước này?"

Ông đọc lại đoạn văn này rồi tự hỏi, liệu mình có điên không. Ông bật cười. Trước đây, chưa bao giờ ông nghĩ hoặc nói ra những lời như vậy. Liệu ông có bị tác động bởi thế lực nào từ bên ngoài hoặc đây là hiệu quả do biến cả thay đổi? Hoặc, có lẽ, do mất ngủ, thiếu nghỉ ngơi? Ông xé toạt tờ giấy.

Tiếng động nhàm chán của cần trục đã ngừng. Con tàu lại di chuyển. Seyyed đứng dậy, mặc áo khoác và đi lên sàn trên. Có ý tìm xem những hành khách còn lại có trấn an ông vì thoáng ý nghĩ mình bị bỏ rơi một mình trên tàu. Những khối mây đen lớn di động đầy đe dọa, xa xa, ánh đèn ven bờ mờ dần. Nước biển màu hắc ín. Ở bên kia, nơi không có mây, Seyyed phát hiện dãy sao Đại hùng tinh và Tiểu hùng tinh. Trên bầu trời, mặt trăng còn lơ lửng thấp, gần chạm vào mặt nước. Một hình ảnh phản chiếu màu bạc, như có dòng sông chảy từ mặt trăng, băng qua vùng nước đen rồi hòa nhập con tàu. Trời ngọt ngọt vì đứng gió.

Tất cả những điều này dường như làm tim ông thất lại. Bây giờ sự lo lắng đã giảm bớt. không giải thích được, cảm thấy thâm tâm bình thản một cách khác thường ... như thể, lần đầu tiên ông cảm nhận sự giao hòa với thiên nhiên. Toàn bộ cuộc sống của ông bỗng nhiên như giấc mơ xa vời, vô ích và tan vỡ. Đánh thức cảm xúc từ thời thơ ấu, lẫn lộn với cảm giác cô đơn và chia cách. Ông cảm thấy không thể chịu đựng

được sự tội nghiệp cho bản thân, Quay lại căn phòng gỗ với những bước chân dài nặng nhọc.

Cầm bút lên, ngẫm nghĩ rồi viết: *“Ẩn độ liên tục là cái nôi của nền văn học Ba Tư. Giờ đây, dưới sự đỡ đầu của Vua Cha, các chương trình giáo dục càng ngày càng phát triển ...”* Ông cạn kiệt ý tưởng, đành quay sang mô tả mặt trăng bằng luận điệu văn chương, *“Nước đen xi và sấm sét gầm gừ thách thức con tàu. Từ một góc trời, mặt trăng khoác lên chiếc áo bạc sáng, mỉm cười trên sóng và không về theo phe bên nào!”* Ông không hài lòng văn viết như thế này. Như thể một quyền lực vô danh nào đã cướp hết kiến thức siêu nhiên và triết học của ông.

Sau đó, ông quyết định viết thư cho vợ. Nhớ đầu. Dột nhiên, nhìn lên trần nhà, thấy những thiết bị phao trôi nổi trên đó. Đứng dậy. Đóng cửa lỗ nhìn ra ngoài. Kéo màn kín lại. Khi biết chắc không ai thấy, ông thận trọng mở ngăn kéo, lấy một thiết bị ra xem thử thế nào. Thiết bị gồm có bốn mảnh gỗ mỏng, gắn lại thành hình chữ nhật, bao phủ bởi vải dầu màu xám. Cẩn thận, đưa đầu qua cái phao chữ nhật, hai bên nổi vào vật liệu. Hai mảnh đặt lên ngực, hai mảnh khác đặt trên vai, như mang một túi lưng. Ông đọc qua tờ hướng dẫn, thắt dây như trong hình. cái phao nổi có kích thước phù hợp với ông. Rồi đi đến gương soi nhìn ngắm mình.

Gương mặt tái xanh gây sợ hãi. Giống một kẻ giết người chờ lên đoạn đầu đài, kẻ đã bị mất ngủ và đói nhiều năm tháng trong tù. Nhớ lại giấc mơ, nghĩ lại khoảnh khắc rơi xuống biển thật là khủng khiếp. Ông bắt đầu ru rẩy. Đầu gối như có nước, răng đánh lập cập có thể nghe. Ông tự bắt mạch, bắt giác lấm bầm, “Valro ... Valro ...” Giọng khàn đặc. Đầu như vỡ đôi. Trong thâm tâm, ông nói lời vĩnh biệt với vợ con, nước mắt trào ta. Quay lưng lại, tránh không

nhìn mình trong gương. Quyết định tháo thiết bị nổi ra, nhưng rồi, suy nghĩ lại, nếu khi nguy hiểm đe dọa, không dễ gì mang nó trở lại kịp thời. Do đó, về mặt thận trọng là điều sơ sót. Ông chọn mặc thiết bị đi ngủ. Một giọt mồ hôi lạnh chảy dọc cơ thể. Cảm thấy mình bị bệnh nặng. Uống hai viên thuốc aspirin, rồi đọc câu kinh Qur'an. Ông nằm xuống giường, nghiêng người. Cảm thấy không thoải mái và đếm được nhịp tim của mình. Nhắm mắt lại, bắt đầu giấc mơ. Thấy con tàu bị bốc cháy. Ông đang đứng lên bục giảng trên sàn tàu, nhưng mặc áo sari của đàn bà, tương tựa áo sari của người phụ nữ Ấn Độ đeo vòng vàng ở tai và mũi. Ông đang rao giảng một bài nói thú vị về việc sử dụng các thiết bị nổi. Còi tàu và chuông vang lanh lảnh khiến ông phải cất giọng càng lúc càng lớn. Sau đó, thỉnh thoảng, ông đặt chiếc cặp xuống, lấy ra những hình ảnh và tung lên đầu mọi người. Thất vọng, hành khách nhảy xuống biển, một con cá khổng lồ với đôi mắt sáng quắc giận dữ, cắn họ đứt làm đôi. Trên mặt nước tràn đầy xác người bị cắn nát. Thành linh, ông nhìn thấy các con của mình đang ngồi trên chiếc thuyền màu đen, viết chữ trắng "Oxford". Anh chàng biết nói tiếng Anh đang chèo và đưa chúng đến nơi nào không biết.

Ngay lúc ngọn lửa chạm vào người, ông nhảy xuống nước. Con cá khổng lồ có ánh mắt hung tợn tấn công, đớp trúng ngực ông, giữa bốn chiếc răng cùn như bốn viên gạch. Rồi con cá cắn xuống thật mạnh làm Seyyed bất tỉnh.

Sáng hôm sau, người Ấn phục vụ đã tìm thấy xác ông trong căn phòng gỗ. Sợi dây thiết bị đã cột cổ ông nghệt thờ.

o 0 o

Hai tháng sau, trong con hẻm Wazir's Bath, một đám đông lớn tụ tập chung quanh bức tượng Seyyed Nasrolla. Một tay ôm chiếc cặp vào người, tay kia chỉ về hướng Ấn Độ. Dưới chân đang dề bẹp con dơi, biểu tượng sự ngu dốt. Ông Hakim Bashpur buồn bã giả tạo, đứng trên bục giảng, đọc bài ca ngợi người đã khuất. Trong bài diễn thuyết, nhiều lần ông ta đề cập đến thảm họa khó quên đó và một khoảng trống lớn do kỳ quan thứ tám của thế giới sụp đổ: Một triết gia thời đại và nhà trí thức đương đại. Sau đó, trước mặt những con dân tổ quốc, Hakim kết luận, *"Các người phải nói theo lời nói, việc làm, và tư duy của thiên tài ái quốc này, người đã bày tỏ ý thức dũng cảm và cống hiến cho đất nước. Ông mãi mãi kiên trì giữ vững tiêu chuẩn cho đến khi chết vì lý tưởng. Mỗi người yêu nước có bổn phận đặt bức tượng vị học giả này lên vai trò quan trọng hoặc tối thiểu là bức tượng gần giống thiên tài có một không hai lên vách tường trong nhà. Các người phải tự hào về sự hiện diện của những cá nhân ái quốc như vậy ở giữa chúng ta, và nỗ lực hết sức để cống hiến bản thân cho tổ quốc và sự nghiệp giáo dục ..."* (Ông ta cảm động). Sau khoảng ba phút ngưng đọng, ông tiếp tục, *"Tôi sẽ đề nghị với Học viện Ngôn ngữ thay đổi tên con hẻm Wazir's Bath này thành "Con đường nhà ái quốc". Và vì lòng tôi tận tụy với quê hương, tôi sẽ đổi tên người đã qua đời, ông Yessed Nasrolla thành 'Piruz Yazdan' thêm vào một danh hiệu 'nhà ái quốc'. Không một ai nên làm lẫn. Người ra đi thân yêu của chúng ta chưa bao giờ chết, ông ta sẽ sống trong trái tim chúng ta vì những công việc liên tục và lòng hiến dâng của ông ấy. Như một nhà thơ đã nói:*

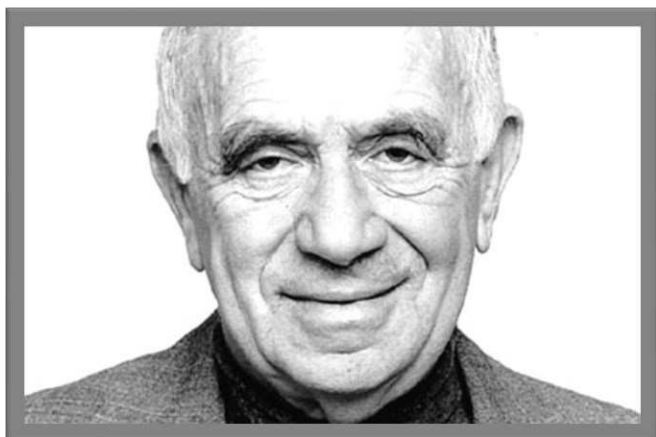
'Sau khi chết, đừng tìm tro bụi chúng ta trên mặt đất;

Chúng ta sống trong trái tim của người huyền bí và khôn ngoan.'

Tóm lại, tôi sẽ nhờ những ai hảo tâm gom góp một số tiền để mua lại chiếc tàu Valro, nơi chiến trường của linh hồn chiếm ngự địa đàng, từ công ty hàng hải và viễn đưa vào bảo tàng viện của Bộ Giáo Dục."

Nói rồi, ông cho tay vào cặp, lấy ra một số hình Seyyed đã chụp trước khi đi Ấn Độ, tung lên trên đầu mọi người. Ai cũng cố chụp một bức ảnh để đặt vào trái tim của họ. Rồi những con dân tổ quốc giải tán. Mắt họ rưng rưng, lòng họ tan nát.

Yehuda Amichai (Thi sĩ Do Thái. 1924- 2000.)



Ông chẳng những dẫn đầu trong nhiều thế hệ thi ca Do Thái, ông còn được xem là một trong những thi sĩ hàng đầu của thế giới kể từ giữa thập niên 1960.

Nhận lãnh nhiều giải thưởng văn học và thi ca như Shlonsky Prize 1957, Brenner Prize 1969, Blalik Prize 1976, Israel Prize 1982, Giải thi ca quốc tế 1994, Malraux Prize 1995.....

Thế chiến thứ hai, ông tình nguyện tòng quân vào lực lượng bộ binh Anh Quốc. Giải ngũ 1946. Theo học đại học ở Jerusalem. Xuất bản tác phẩm đầu tiên Not of This Time, Not of This Place năm 1963.

Bài thơ mà ông đọc trong buổi lễ giải Nobel Hòa Bình của thủ tướng Do Thái Yitzhak Rabin 1994, đã được chưng bày trên tường trong bảo tàng viện tại thủ đô Tel Aviv. Người ta dựng tên đường cho ông ở nhiều thành phố Do Thái và Wurzburg.

Ông qua đời bệnh ung thư năm 2000. Thọ 76 tuổi.

Học Được Điều Gì Qua Chiến Tranh

Tôi học được điều gì qua chiến tranh:
Diễn hành đúng nhịp tay vung chân bước
Như máy bơm trong giếng cạn vận hành.

Bước đều hàng ngang chiếm vị trí giữa,
Vùi đầu vào gối, nệm lông, thân thể tình nhân,
Rồi gào " Mẹ ơi," khi bà không nghe được,
Rồi thét " Chúa ơi," dù không còn đức tin,
Cho dầu tôi có lòng tin vào Chúa
Sẽ không nói với ngài về chiến tranh
Như không kể chuyện người lớn kinh hoàng cho trẻ
biết.

Học được gì nữa, học dự trù đường lối rút lui.
Thuê khách sạn khi vào quốc gia lạ
Gần ga tàu lửa hoặc cạnh sân bay.
Ngay cả trong phòng tổ chức đám cưới
Luôn luôn canh chừng cánh cửa nhỏ
Có bảng "Exit" chữ màu đỏ.

Trận chiến bắt đầu
Bằng điệu trống nhịp nhàng dùng nhảy múa rồi
chấm dứt

Với " rút lui lúc bình minh." Từ bỏ ái tình
Rồi chiến đấu, đôi khi cả hai kết thúc như vậy.

Nhưng trên hết, tôi học sự khôn ngoan nguy trang,
Đừng quá nổi bật, đừng để nhận diện,
Đừng tách xa đám đông chung quanh,
Cho dù họ không phải người thân thuộc.

Để họ lầm tôi là bụi rậm hoặc chiên cừu,
Một thân cây hoặc một bóng cây,
Một nghi vấn hoặc một nghi ngờ về nghi vấn,
Một hàng rào lay động hoặc một tảng đá im lìm,
Một ngôi nhà hoặc một góc phòng nhỏ.

Nếu biết tiên tri, tôi tắt bớt hào quang hoang tưởng
Dùng giấy đen che tin tưởng tối dần
Rồi bao bọc phép màu bằng màn lưới.

Khi giờ tôi đã điểm, sẽ trù lên y phục nguy trang
màn kết thúc:

Màu trắng của mây và nhiều xanh da trời
Với tinh tú ngân hà vô tận.

What Did I Learn In The Wars

What did I learn in the wars:
To march in time to swinging arms and legs
Like pumps pumping an empty well.

To march in a row and be alone in the middle,
To dig into pillows, featherbeds, the body of a beloved woman,
And to yell "Mama," when she cannot hear,
And to yell "God," when I don't believe in Him,
And even if I did believe in Him
I wouldn't have told Him about the war
As you don't tell a child about grown-ups' horrors.

What else did I learn. I learned to reserve a path for retreat.
In foreign lands I rent a room in a hotel
Near the airport or railroad station.
And even in wedding halls
Always to watch the little door
With the "Exit" sign in red letters.

A battle too begins
Like rhythmical drums for dancing and ends
With a "retreat at dawn." Forbidden love
And battle, the two of them sometimes end like this.

But above all I learned the wisdom of camouflage,
not to stand out, not to be recognized,
Not to be apart from what's around me,
Even not from my beloved.

Let them think I am a bush or a lamb,
A tree, a shadow of a tree,
A doubt, a shadow of a doubt,
A living hedge, a dead stone,
A house, a corner of a house.

If I were a prophet I would have dimmed the glow of the vision
And darkened my faith with black paper
And covered the magic with nets.

And when my time comes, I shall don the camouflage garb of
my end:
The white of clouds and a lot of sky blue
And stars that have no end.

(Translated by Benjamin Harshaw and Barbara Harshaw.)

Một Người Trong Cõi Sống Riêng

Một người không có giờ để sống
lại có giờ cho nhiều thứ nhiều khê.
Hắn có bao nhiêu mùa mới đủ
mỗi mùa thực hiện mỗi mục tiêu.
Cổ kinh Do Thái viết điều này lắm lần.

Một người cần yêu và hận cùng một lần,
biết cười biết khóc cùng đôi mắt,
gom đá, ném đá cùng một tay,
tranh cãi khi yêu, yêu khi tranh cãi.
Biết hận thù biết tha thứ biết thương nhớ biết lãng
quên,
biết sắp xếp biết bố trí, biết ăn uống biết tiêu hóa
điều mà lịch sử
mất nhiều năm tháng thành hình.

Một người không có giờ.
Khi mất mát muốn tìm lại, khi tìm được
rồi quên, khi quên lại yêu,
khi yêu nàng bắt đầu coi nhẹ.

Linh hồn hắn đã dạn dày,
từng trải.
Chỉ hình hài mãi mãi còn nghiệp dư.

Hắn cố gắng rồi thất bại,
đâm ra rồi trí, chẳng học được gì,
tìm say hóa mù quáng trong khoái lạc
và khổ đau.

Hắn sẽ chết như sung rụng mùa thu,
Nhấn nhúm dù ngọt ngào sung mãi,
lá rơi, khô dần trên mặt đất
cành trơ trụi chỉ phương xa
nơi tất cả có thời giờ dư giả.

A Man In His Life

A man doesn't have time in his life
to have time for everything.
He doesn't have seasons enough to have
a season for every purpose. Ecclesiastes
Was wrong about that.

A man needs to love and to hate at the same moment,
to laugh and cry with the same eyes,
with the same hands to throw stones and to gather them,
to make love in war and war in love.
And to hate and forgive and remember and forget,
to arrange and confuse, to eat and to digest
what history
takes years and years to do.

A man doesn't have time.
When he loses he seeks, when he finds
he forgets, when he forgets he loves, when he loves
her begins to forget.

And his soul is seasoned, his soul
is very professional.
Only his body remains forever
an amateur. It tries and it misses,

gets muddled, doesn't learn a thing,
drunk and blind in its pleasures
and its pains.

He will die as figs die in autumn,
Shriveled and full of himself and sweet,
the leaves growing dry on the ground,
the bare branches pointing to the place
where there's time for everything.

(Trích Yehuda Amichai Poems. PoemHunter.com The
World's Poetry Archive)

Tôi Mọc Đây Lông Lá

Khắp người tôi mọc lông lá rậm rạp.
E rằng họ bắt đầu săn đuổi để lột da.

Chiếc áo sặc sỡ không ẩn tình nhắn nhủ
nhìn như sắc màu quảng cáo trong hầm ga.

Ban đêm thân xác trần truồng thức trong chăn
chiếu,
như mở mắt bị khăn che chờ lệnh tử hình.

Tôi sẽ vô định lạc đường đi
sẽ chết vì khao khát sống.

Bây giờ tôi xin được yên bình, như gò đất sau phố
thành tàn phá
rồi lặng im như nghĩa địa đầy mồ.

I have Become Very Hairy

I have become very hairy all over my body.
I'm afraid they'll start hunting me because of my fur.

My multicolored shirt has no meaning of love --
it looks like an air photo of a railway station.

At night my body is open and awake under the blanket,
like eyes under the blindfold of someone to be shot.

Restless I shall wander about;
hungry for life I'll die.

Yet I wanted to be calm, like a mound with all its cities
destroyed,
and tranquil, like a full cemetery.

<http://www.poemhunter.com/poem/i-have-become-very-hairy/>

Anh Không Chắc Lịch Sử Sẽ Tái Diễn

Anh không chắc lịch sử sẽ tái diễn
Nhưng anh biết rõ em sẽ không.

Anh vẫn nhớ thành phố đó ngăn đôi
Không chỉ giữa Do Thái và Ả Rập,
Còn ngăn đôi giữa anh và em,
Khi đôi ta thắm thiết bên nhau.

Chúng ta trở nên trung tâm hiểm họa
Xây một ngôi nhà chết bởi chiến tranh
Như người sống gần bắc cực

Xây cho mình tổ ấm yên lành
bằng tử thần tuyết lạnh.

Thành phố đã hòa giải
Nhưng chúng ta không còn bên nhau.
Đến lúc này anh mới hiểu
Lịch sử đó không tái diễn bao giờ
Như anh luôn luôn biết em sẽ không lặp lại.

I Don't Know If History Repeats Itself

I don't Know if history repeats itself
But I do know that you don't.

I remember that city was divided
Not only between Jews and Arabs,
But Between me and you,
When we were there together.

We made ourselves a womb of dangers
We built ourselves a house of deadening wars
Like men of far north
Who build themselves a safe warm house of deadening ice.

The city has been reunited
But we haven't been there together.
By now I know
That History doesn't repeat itself,
As I always knew that you wouldn't.

(<http://www.poemhunter.com/poem/i-don-t-know-if-history-repeats-itself/>)

Hoa Đại

Không phải hòa bình khi ngưng bắn
cũng không phải ẩn ý lang sói với chiến cừu
nhưng đúng hơn
là chuyện con tim khi kích động lắng đọng
chỉ có thể nói đến một chán vô cùng.
Tôi biết cách giết người, kiến thức này làm tôi khôn
lớn.
Con tôi biết bắn súng giả
biết mở rồi nhắm mắt và gọi "Mẹ ơi".
Hòa bình
không nghe tiếng của gươm chiến đấu
vang trong lưỡi cày
không một lời hứa
không tiếng dẫu ẩn đóng xuống: cứ để lơ mơ,
lơ lửng, như bột trắng hững hờ.
Một chút nghỉ ngơi cho thương tích; ai dám nói
lành lặn?
(Tiếng rú khóc của trẻ mồ côi truyền từ thế hệ này
sang thế hệ kia, như cuộc đua chạy tiếp sức:
khúc cây tiếp tay không bao giờ rớt.)

Việc gì đến sẽ đến
nở ra như hoa dại,
đột nhiên, vì cánh đồng
tất nhiên phải có: hoa dại.

Wildpeace

Not the peace of a cease-fire
not even the vision of the wolf and the lamb,

but rather
as in the heart when the excitement is over
and you can talk only about a great weariness.
I know that I know how to kill, that makes me an adult.
And my son plays with a toy gun that knows
how to open and close its eyes and say Mama.
A peace
without the big noise of beating swords into ploughshares,
without words, without
the thud of the heavy rubber stamp: let it be
light, floating, like lazy white foam.
A little rest for the wounds; who speaks of healing?
(And the howl of the orphans is passed from one generation
to the next, as in a relay race:
the baton never falls.)

Let it come
like wildflowers,
suddenly, because the field
must have it: wildpeace.

(http://www.best-poems.net/yehuda_amichai/poem-22280.html)

Tiểu Luận

On Realism

Louis Cluck

(American Originality. Louis Gluck. Farrar, Straus and Giroux. 2017. Trang 55.)

Ghi: *Chữ nhỏ, nghiêng, của người dịch thêm vào cho rõ ý tác giả.*

Lời người dịch: Đây là một tiểu luận khá ngắn nhưng vô cùng súc tích. Sự suy tư về sáng tác của Louis Gluck rất đậm đặc trong cách diễn đạt khó hiểu. Việc khó nắm bắt ở đây sẽ tùy vào kinh nghiệm và kiến thức của mỗi người đọc về ranh giới và cá tính giữa thực tế và tưởng tượng, giữa chủ nghĩa Hiện Thực và chủ nghĩa hư cấu. Tôi nghĩ, phạm vi mà chúng ta cảm thấy bối rối, lẫn lộn là 'trong hiện thực lúc nào cũng có tưởng tượng, mà tưởng tượng bắt nguồn và xây dựng những gì mô phỏng từ hiện thực'. Vì vậy, khi đọc thơ của Louis Gluck, chúng ta có thể nhận ra sự xóa bỏ ranh giới giữa hiện thực và tưởng tượng để thể hiện những gì khá bình thường, nhưng cần tái suy xét.

Về Chủ Nghĩa Hiện Thực

Có thể tôi chưa bao giờ hoàn toàn cảm nhận chính xác về những gì gọi là chủ nghĩa Hiện Thực, với tư cách độc giả, tôi không phân biệt được sự khác nhau giữa hiện thực và tưởng tượng. (Một nhập đề mình định rõ ràng về lập trường riêng. Dường như Cluck không thoả thuận lẽ lối phân chia giữa chủ nghĩa Hiện Thực và chủ nghĩa Hư Cấu.)

Lúc mới lớn, tôi đọc thần thoại Hy Lạp. Như những lời cầu nguyện, không có gì bị xóa bỏ, mà còn thêm vào nhiều danh mục sách. Trước hết là sách của Oz. Tiếp theo, sách tiểu sử, rồi sách hướng dẫn trong thời niên thiếu. Làm thế nào để trở thành Madame Curie. Làm thế nào để trở thành Lou Gehrig. Làm thế nào để trở thành Lady Jane Grey. Sau đó, từ từ, đến những cuốn tiểu thuyết thật hay bằng tiếng Anh. Và cứ tiếp tục như thế. Tất cả các sách này tạo ra cách đọc khác với đọc thơ, ít chỉ dẫn, nhiều dừng nghỉ.

Bây giờ, điều làm tôi ngạc nhiên là những tác phẩm khá khác biệt như, Middlemarch và The Magical Monarch of Mo, đối với tôi dường như chứa đựng mức không thực ngang nhau.

Chủ nghĩa Hiện Thực về bản chất là một thời kỳ lịch sử giới hạn được xác định. Các nhân vật ăn mặc theo thời trang nhất định, dùng những món ăn nhất định, xã hội tạo những quy luật nhất định cho họ tuân theo; vì vậy, trong thời khoảng đó, cái thực (hoặc cái thực lý thuyết) bao gồm luôn những gì thuộc về tưởng tượng đã có sẵn, một bầu không khí rộng lớn không có thật. *(Bất kỳ lúc nào, sự tưởng tượng cũng hiện diện song song với thực tế. Vấn đề là lúc nào được nêu danh và ca ngợi.)*

Sự biến đổi như thế này: trong trí tưởng tượng, điều kỳ lạ thể hiện một cách công khai và điều này chưa xảy đến (đứng ra ngay cả khi nó nằm trong quá khứ hoang đường, một quá khứ ở ngoài tầm với của lịch sử ghi chép).

Tiểu thuyết hiện thực phỏng chừng những gì tương ứng với thực tế quen thuộc, từng xuất hiện đối với người đọc; cái lạ của nó là cái lạ không còn nữa, đã lỗi thời, không thể khôi phục. Về thời đại đã qua đôi khi, người ta biết ơn, đôi khi, thương tiếc. Mặc dù

các nhân vật cũng có niềm đam mê và tình huống khó xử như chúng ta, thế giới mà những đam mê này được diễn ra đã biến mất một cách kỳ lạ. *(Thế giới của thời Hiện Đại đã không còn.)* Chúng ta không thể sống trong thế giới đó, nếu suy nghĩ cân nhắc, cái thực lúc đó, trước đây, đã trở nên rất giống cái không thực. *(Tác giả đang tiếp cận sự xóa bỏ ranh giới giữa hiện thực và hư cấu.)*

Những điều kỳ lạ tồn tại như một giả thuyết, như giấc mơ: Nếu mọi thứ khác đi thì nó có thể sẽ khác. Trong khi những gì có thực trước đây không thể tái diễn, thì chúng ta bị cuốn hút bởi sự ghi lại của lịch sử (tưởng chừng như cho bản thân) bởi những gì tương đồng. *(Những gì giống nhau của thời xưa và bây giờ gây cho chúng ta thích thú.)*

Chủ nghĩa Hiện Thực thể hiện những thời điểm hoặc diễn tiến không bao giờ xảy ra một lần nữa, *(chuyện đã qua, dù lặp lại cũng không giống)*, đưa vào tác phẩm, không báo trước sự kết thúc. *(Những kết thúc thấy trước trong tác phẩm là do sự tưởng tượng và suy luận, vì hiện thực chưa thực sự xảy ra.)* Nó chấm dứt như thế nào? Họ có chết hay không? Họ có yêu nhau không? Cơ bản của quy luật này tăng cường ý nghĩa khác biệt giữa chủ nghĩa Hiện Thực và đời sống thực tế. Ít quan trọng hơn những gì xảy ra theo cốt truyện là không khí do tác dụng của chết và yêu nhau tạo nên. *(Dịch đi dịch lại, tôi vẫn không chắc mình đã dịch một cách dễ hiểu nhất, dù tận khả năng. Tôi xin ghi lại nguyên văn để bạn đọc tự tham khảo riêng.)* (*) Chúng ta đọc, dự đoán một kết thúc, thấy trước, đoán chừng, có khi cố gắng tránh né. Về mặt này, sự kết thúc thực sự là hiện thực: sự kết thúc nằm ngoài tầm ảnh hưởng hoặc kiểm soát của chúng ta. Sự đam mê, nỗi bất lực quyến rũ của độc giả giống như những bất lực đầy lo lắng của loài người. Khi sự kết thúc tự chìm vào thời gian, trong quỹ đạo không thể đoán trước, chúng ta di chuyển từ chủ nghĩa Hiện Thực sang triết học.

Trong khi tưởng tượng kết thúc một cách khác, vì nó chưa bao giờ bắt đầu, hoặc chỉ bắt đầu khi chúng ta đồng ý với các giả thuyết của nó. Kết thúc của nó mang tính tạm thời với sự hợp tác của chúng ta. Sau đó, có lẽ, nếu chúng ta đồng ý, nó sẽ bắt đầu trở lại. Có lẽ, với ít tu chỉnh hoặc sửa đổi.

Đối với người đọc, những sự khác biệt này bị thu hẹp bởi những thứ tương đồng vô cùng lớn. *(Câu nói bà để đứng riêng rẽ, có lẽ là ý nghĩ then chốt của tác giả về thực tế và tưởng tượng, hiện thực và hư cấu. Quá nhiều tương đồng sẽ làm mất cảm giác dị biệt.)*

Làm thế nào cho đứa trẻ hiểu được cuốn sách? Như một lời mời vào sống trong đầu óc một thời gian. Như món quà đồ đặc hoặc cạm bẫy cho đời sống đó. Suốt thời gian cuốn sách kéo dài (*thời gian đọc cuốn sách*) cuộc sống trong đầu tập trung hơn, phong phú hơn với các chi tiết xa lạ. Trong khi thơ là cách chúng ta nghĩ khi đọc hoặc đang hiện diện, độc lập với bản thân hữu hạn. Nhưng đó là một chủ đề khác.

Louis Gluck.

(*) That the moment or sequence represented by realism will never recur infuses the work with premonitions of ending. How will it end? Will they die? Will they fall in love? This shaping mechanism intensifies the sense of a discrepancy between realism and actual life. Less critical than the decisiveness of the plot is the atmosphere conferred by the function of dying and falling in love.

Nghệ Thuật Tạo Hình

Đầu Thế Kỷ 21

Gần một phần tư trong thế kỷ 21, trải qua nhiều biến cố chính trị, quân sự căng thẳng trên thế giới, sôi sục trong nền kinh tế toàn cầu suy nhược vì hậu quả của vi khuẩn làm gián đoạn sinh hoạt mậu dịch bình thường, trên hết là ảnh hưởng trực tiếp từ vong của các dịch vi khuẩn, giờ đây, tâm lý của chúng ta đang như thế nào?

Sự thật luôn luôn là sự thật của tâm lý, của mỗi người. Tuy bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh, tình thế bên ngoài, nhưng chủ yếu vẫn là cảm nhận của nội tâm. Sự thật tâm lý là sự thật gần nhất cho con người, nhưng có lẽ, xa nhất đối với sự thật khảo quát.

Nghệ thuật xuất hiện trong đời sống để giải tỏa những ám ảnh, những áp lực, những căng thẳng đang đe dọa tâm lý. Nghệ thuật là nơi những nhạy cảm diễn tả sự đen tối, lo nghĩ, sợ hãi của sáng tác, đồng thời là nơi thường ngoạn tìm đến để chia sẻ, đồng cảm và được an ủi. Nếu vậy, nghệ thuật 21 sẽ ra sao?

Một số người không mấy quan tâm đến nghệ thuật vì họ có kinh nghiệm riêng về vật chất mang giá trị cao hơn. (Nghệ thuật không mua được tiền, nhưng tiền luôn luôn mua được nghệ thuật), tuy nhiên, giá trị vật chất không phải hoàn toàn là phẩm chất của đời sống. những hạt hững còn lại dần dần sẽ trở thành thương tích trong nội tâm.

Nghệ thuật thị giác đầu thế kỷ 21.

Về nghệ thuật 21, Karl Zipser nhận định, *“Tôi nghĩ, đây là một thời gian phấn khởi để làm nghệ sĩ. Chúng ta có cơ hội sử dụng tiềm năng để tạo ra những phong trào nghệ thuật trong tương lai, mặc dù nó chỉ có thể được định danh như vậy sau khi đã qua đỉnh cao trào. Dù những phong trào đó sẽ như thế nào, tôi tin chắc chúng sẽ sâu rộng, không giống bất kỳ thứ gì mà chúng ta đã thấy trước đây.”* Lời nhận xét này có thể áp dụng cho tất cả mọi nghệ thuật, bao gồm nghệ thuật thị giác (visual art) và nghệ thuật sáng tác văn chương. (Art & Perception. What is the Art of the 21st Century. 2006. <http://artandperception.com/2006/11/what-is-the-art-of-the-21st-century.html>)

Bước vào thập niên đầu của thế kỷ 21, nhận định của Zipser cho chúng ta khái niệm về sự mở rộng, đa dạng và tự do của nhiều phong trào nghệ thuật mới sẽ xuất hiện hoặc những nghệ thuật tiếp nối và biến hóa từ những dòng nghệ thuật hiện diện trong thế kỷ 20. Chính vì không có một phong trào, trường phái, quan niệm nghệ thuật nào tiên chỉ, không gian nghệ thuật 21 mở trống, chờ đợi, trở thành thú vị và bất ngờ.

Đây cũng là thời cơ cho những nghệ sĩ Việt đang có ý hướng truy lùng và sáng tác những gì mới lạ, vượt ra phạm vi nghệ thuật đương thời. Ở một nơi trống vắng, rộng rãi, dễ tìm một vị trí xác định hơn là lạc vào một nơi đông đúc, chỉ có thể chen chân.

Thông thường, những bước chân tiến tới bắt đầu bằng quay lại nhìn lui: Sau một loạt các phong trào nghệ thuật đáng giá như Cubism, Surrealism, Abstract Expressionism, Pop art, Conceptual art,

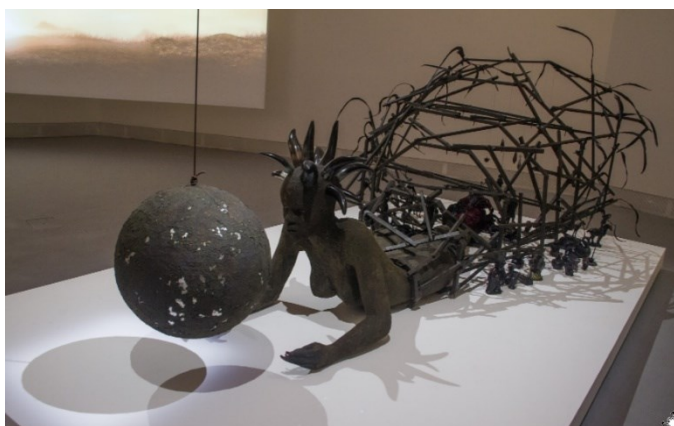
Minimalism ... chiếm ngự thế kỷ 20, câu hỏi tiếp theo là “Còn thế kỷ 21 thì sao?”



Wangechi Mutu. The Contemporary Austin 2021



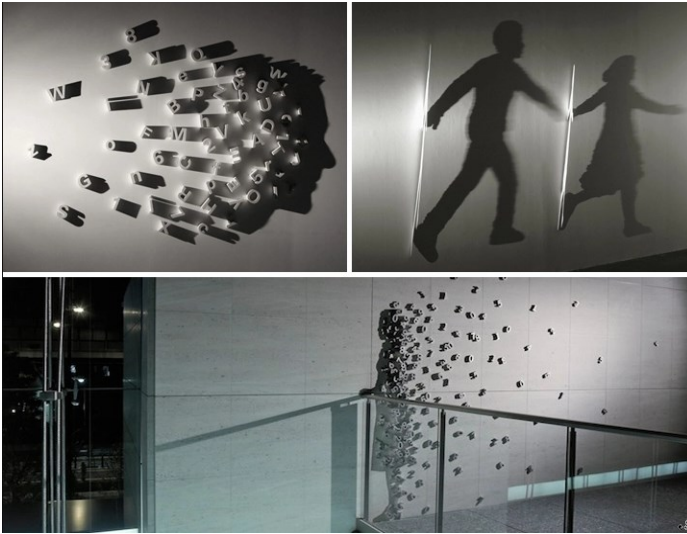
Bill Powers. Tranh nghệ thuật dầu thế kỷ 21.



Wangechi Mutu The End of Carrying It All

Nghệ thuật luôn luôn là hiệu quả của phản ứng đối với đời sống và phản ánh văn hóa của sáng tác. Trong thế kỷ 20, nghệ thuật tập trung vào thẩm mỹ duy lý, tức là “Đẹp và hay có ý nghĩa”, (sự đẹp và đẹp có ý nghĩa, khác nhau.) Quan điểm này thẩm định giá trị của tác phẩm. Duy lý trong thời đại này khác với duy lý ngày xưa chỉ thuần về suy tưởng, lý thuyết và triết lý. Duy lý hôm nay liên quan trực tiếp đến suy tư với khoa học, với kỹ thuật điện tử. Nói một cách khác, thẩm mỹ và khoa học liên hệ với nhau mật thiết hơn bao giờ hết.

Nhận xét khái niệm này theo tầm nhìn lịch sử văn hóa: Ngày xưa, triết học (và triết học tôn giáo) được xem như nguồn cội của tư tưởng; kim chỉ nam và động lực cho tất cả ý thức và hành động. Ngày nay, khoa học vượt lên, chứng minh và hướng dẫn kiến thức. Cho con người những hiểu biết thực tế, hữu ích thực dụng, thay thế những mơ hồ, khó hiểu của triết học. Sự kiện này ảnh hưởng mạnh mẽ đến niềm tin của nghệ sĩ, vốn là những người phản kháng với niềm tin tôn giáo và triết học hổng chân.



work and play with light and shadows, Japanese artist Kumi Yamashita



Poor, Rich and Beauty, 21st Century Art by Vladinsky 2018.

Một trong hiện tượng rõ rệt nhất là sự ứng dụng trực tiếp các lập trình vi tính vào hội họa và điêu khắc. Điểm nhấn là sự cộng tác của A.I. (artificial Intelligence) vào sáng tác, mở rộng lãnh vực sáng tạo và giúp gọi lên những tiềm tàng trong vô thức.

A.I? Mới đọc giống như câu hỏi AI? Thật như vậy, ai nói? Ai tin? Dù chuyện này có thật, vẫn mang theo nỗi nghi ngờ. Liệu trí tuệ điện tử sáng tạo có phẩm chất hay không? Lịch sử đã chứng minh sự liên hệ giữa nghệ thuật và sản phẩm khoa học thực dụng. Ví dụ, dùng máy hình chụp phong cảnh hay chân dung rồi phóng lên khung bố, vẽ lại, vẽ lớn, từ đó, có thể vẽ thêm, biến hóa ra tranh Ấn tượng, Trừu tượng hoặc Lập thể ... Sau này, máy in 3D, ánh sáng, video ... đã góp phần lớn để diễn đạt nghệ thuật. Những năm gần đây, các cuộc triển lãm tranh Van Gogh chuyển động với ánh sáng và âm thanh cho người thưởng ngoạn một cảm xúc khác hơn là chỉ xem tranh. Một loại tác phẩm tái tạo khác lạ từ những tác phẩm đã quen thuộc. Câu chuyện A.I đang hiện diện sẽ còn mang đến nhiều kinh ngạc trong tương lai.



Tranh A.I của Bama Allen.



Van Gogh- The Immersive experience. (Khuôn mặt tượng Van Gogh dưới ánh sáng di động.)

Đối với một số người có cá tính tôn trọng truyền thống, việc thưởng thức bức họa treo trên tường vẫn đúng đắn và thích hợp hơn bức họa đó xuất hiện di động với điện tử. Xem bức tranh vẽ bằng cọ bằng dao vẫn khoái hơn xem bức tranh vẽ bằng sơn xi, hoặc vẽ với kỹ thuật và phương tiện hiện đại. Thực tế, đây là những tác phẩm khác nhau, cho dù có cùng một tác giả, hoặc có cùng một bức tranh gốc. Nguyên bản và tái tạo là hai tác phẩm khác biệt. Nhưng quan điểm nhấn là thời đại và tương lai. Sự văn minh tiến bộ sẽ không chờ đợi một ai. Khi mọi người đi xe hơi mà mình đi xe ngựa, chắc chắn sẽ lẻ loi và lắm nhiều bụi bặm.

Đối với một số người sáng tác có niềm tin khẳng định, sáng tác theo một phong cách riêng. Nỗ lực tự vượt qua bản thân. Không cần thiết quan tâm đến những nền nghệ thuật thế giới, những phát triển của nghệ thuật đương thời, thông thường, sau một thời

gian họ sẽ bị lạc lõng, lạc đề, và lạc hậu, không còn theo kịp đà tiến của văn chương phù hợp với thời đại. Vì sao?

Nghệ thuật luôn luôn theo sát đời sống cá nhân và đời sống chung của xã hội và thế giới, (nhất là hiện nay với những kỹ thuật điện tử mang tính toán cầu). Nếu chỉ giữ sáng tác sát theo kinh nghiệm riêng và hiểu biết cũ, không màng đến nghệ thuật thế giới đang đi về đâu, dĩ nhiên sẽ như đi xe ngựa giữa xa lộ toàn xe hơi.

Bản tin của The Art Newspaper tháng 12, 2021 cho biết, tổng số bán sản phẩm nghệ thuật đấu giá trên toàn cầu từ tháng Bảy, 2020 đến tháng Sáu 2021 lên đến cao điểm 2.7 tỷ. Nghĩa là, sự yêu chuộng nghệ thuật vẫn nồng nàn và sự yêu chuộng này phân phối theo sản phẩm đa dạng, (không một thể loại nào trong nghệ thuật thị giác được xem là độc tôn). Hoặc đã đến lúc, phong trào, trường phái nghệ thuật không còn là hấp lực lôi cuốn giới thưởng thức? Có hay không có, không phải là điều đáng quan tâm? Dù sao câu hỏi về các phong trào nghệ thuật trong thế kỷ 21 vẫn thắc mắc trong tâm tư sáng tác và thưởng ngoạn: Liệu đây sẽ là những phong trào đúng đắn, có phẩm chất hay chỉ là những nhóm hoa hòe mà thị trường lợi nhuận cố tìm ra rồi đánh bóng, đặt tên?

Những chú ý hiện nay hướng về nghệ thuật va chạm với đời sống, với lý tưởng, với quyền trí tuệ và cảm xúc của con người. Ví dụ, sau phong trào Black Lives Matter, một làn sóng ào ạt, các sáng tác của các nghệ sĩ da màu được đón nhận trên thị trường, vào phòng triển lãm và bảo tàng viện. Phong trào giới tính, phong trào nữ quyền, phong trào hậu lục địa, phong trào quyền thiểu số ... cũng đã tạo ra nhiều sản phẩm nghệ thuật độc đáo mà trước đây

không thể có. Như vậy, phải chăng phong trào nghệ thuật của thế kỷ 21 là phong trào Chủ nghĩa Toàn cầu, Globalism, và phong trào chủ nghĩa Đa văn hóa, Multiculturalism?

Vài Khuynh Hướng Nghệ Thuật 21.

Thật ra, Globalism và Multiculturalism là hai phong trào văn hóa, liên quan trực tiếp đến phong thái, hành vi và suy nghĩ hàng ngày. Nghệ thuật chỉ là một phần của văn hóa. Sự thể hiện tính toàn cầu và tính đa văn hóa vào tác phẩm nghệ thuật, không chỉ là sự lựa chọn của sở thích, mà bộc lộ trình độ thuần hóa nhân bản, và mức độ đồng cảm giữa người và người.

khi hai phong trào văn hóa này du nhập vào sản phẩm nghệ thuật, tạo ra một lãnh vực chuyên môn, có tên gọi là “Văn hóa thị giác” (Visual Culture).

Nghĩa là nghệ thuật thị giác hòa lẫn truyền thông bày tỏ những chủ đề gay cấn trong xã hội. Họ sử dụng bất kỳ những phương tiện nào khả thể để thực hiện tác phẩm. Kể cả việc hòa nhập nghệ thuật cổ điển vào nghệ thuật tân kỳ, ví dụ vẽ tranh Gà Lợn bằng kỹ thuật Tân lập thể hoặc trừu tượng.

Đối với những nghệ sĩ từ những quốc gia chưa phát triển như các nghệ sĩ Việt ở Hoa Kỳ, luôn luôn có sự tương tranh văn hóa giữa văn hóa quê hương và văn hóa bản xứ. Thể hiện được tính nét và cái đẹp văn hóa Việt vào văn hóa ngoại quốc, làm tăng giá trị sáng tạo, là một nghệ thuật khác hơn là nghệ thuật sáng tác. Đây là nghệ thuật đặc thù của những nghệ sĩ lưu vong, di dân, di trú. Đòi hỏi khả năng tinh tế, nhạy cảm, sắc bén, và sự xuất thần của vô thức. Cũng có thể xem đây là một quyền lợi (hoặc ân

súng) sáng tác mà các nghệ sĩ bản xứ không có dày kinh nghiệm.

Một vài khuynh hướng nghệ thuật sáng tác lộ diện trong hai thập niên đầu của thế kỷ, gây ra sự chú ý của giới yêu nghệ thuật.

1- Thẩm Mỹ Giao Tiếp (Relational Aesthetics, thẩm mỹ quan hệ) do nhà phê bình nghệ thuật người Pháp Nicolas Bourriaud đề xuất từ năm 1998. Khuynh hướng này không nhắm vào việc tạo ra các đối tượng, tác phẩm nghệ thuật thông thường, mà họ nhắm vào sự sinh hoạt chung của các nghệ sĩ để tạo ra sự giao tiếp với người thưởng ngoạn. Họ cùng nhau tạo ra những tình huống, những trường hợp nghệ thuật để thu hút, lôi cuốn người tham dự. (Khái niệm này đã manh nha từ những phong trào trước đây trong các lãnh vực sân khấu, kịch nghệ, trình diễn như phong trào Happening, 1959, của Allan Kaprow; phong trào Situationists, 1957-1962; nhóm Fluxus, 1959-1978. nhưng trước hết là quan điểm nghệ thuật của phong trào Dada ngày xưa.) Nói một cách ngắn gọn, sự giao tiếp là sản phẩm nghệ thuật



2- Tân Dada (Neo-Dadaism) và Nghệ thuật Phi lý (Absurdist Art.) Phong trào Dada xuất hiện vào đầu thế kỷ 20, rồi qua đời sau một thời gian ngắn, để hậu duệ của nó nổi bật lâu dài, đó là trường phái Siêu Thực (surrealism).

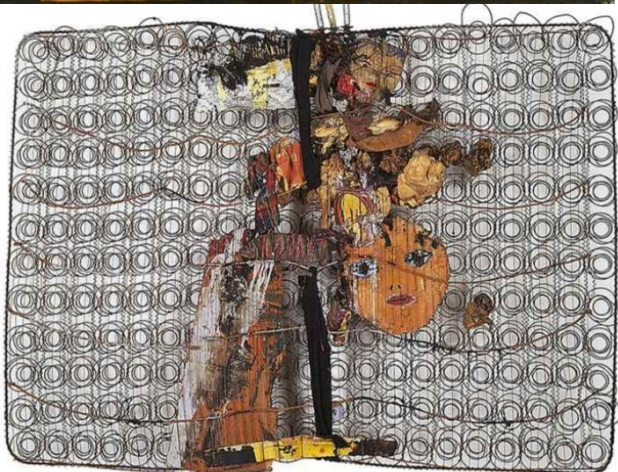
Gần đúng một thế kỷ sau, Dada sống lại với những hình thức mới, gia tăng khuynh hướng “phản nghệ thuật một cách thách thức”. Sự phát triển văn hóa thị giác và nghệ thuật hoạt hình (animated) đưa ra nghệ thuật châm biếm, hài hước và phi lý. (Nhiều nhất và dễ nhận là trong chuyện tranh và video). Căn bản của nghệ thuật Dada được sinh ra từ những xã hội cần trút bỏ nỗi thất vọng về thế giới, vì những tệ nạn khủng hoảng không cần thiết bởi những cuộc đại chiến. Những nghệ sĩ Dada hôm nay cũng đang chiến đấu với những cuộc chiến tương tự và sự mệt mỏi của xã hội con người.

Nói đến phong trào Dada, người Việt thường gọi là phong trào thơ “hủ nút”, dường như là một phong trào mơ hồ trong kiến thức chung của dân ta. Từ “hủ nút” nhắm vào kỹ thuật sáng tác thơ, mà khi người mình nói lên đã dính kèm theo một chút chê bai. Thực tế, tầm quan trọng của phong trào Dada nằm ở quan niệm. Vì vậy, khi kỹ thuật chết đi, quan niệm đó tồn tại, đã làm nền tảng cho trường phái Siêu Thực lừng lẫy. và sau này trở dậy thành hình Tân Dada.

Quan điểm chính của Tân Dada là tìm cách thu hẹp khoảng cách giữa nghệ thuật và chuyện đời bình thường hàng ngày. Một sự kết hợp giữa nghịch ngợm, đã phá thần tượng, và chiếm hữu đời sống. Nghệ sĩ Tân Dada sử dụng các vật liệu hiện đại, hình ảnh phổ thông, để trình bày sự tương phản theo chủ nghĩa phi lý. Phản ứng ngược lại phong trào Biểu hiện Trừu tượng (Abstract Expressionism) và phủ

nhận các khái niệm truyền thống về thẩm mỹ. Phong trào này phổ biến mạnh ở Hoa Kỳ, Nhật Bản và Âu Châu.

Nghệ thuật Neo-Dada:





Neo Dada-The History and The Awakening -Widewall

Một người lấy chiếc tô thủy tinh khá rộng, bỏ đầy những viên đá lớn khoảng trái banh quần vợt. Ông hỏi, “đã đầy chưa?” Hầu hết người xem đều trả lời, “đã đầy rồi.” Ông lấy mấy chén cát biển đổ vào, cát chảy lấp đầy các khoảng trống giữa các viên đá, cho đến lúc cát tràn. Ông hỏi, “đã đầy chưa?” Mọi người đồng thanh, “đầy quá rồi.” Ông lấy vài ly nước, đổ vào. Nước thấm vào cát cho đến khi ngập đến miệng ly. Ông hỏi, “đã đầy chưa?” Không nghe ai nói gì.

Gần ba năm nay, tôi nghĩ về câu chuyện này. Biết đây là một ẩn dụ cụ thể, vì tôi chứng kiến tận mắt, nhưng nó có khả năng trừu tượng hóa cho nhiều quan điểm, khái niệm và ý tưởng. Tôi nghĩ, nghệ thuật là như vậy: không bao giờ đầy. Theo thời gian, nghệ thuật này hòa vào nghệ thuật kia trở thành nghệ thuật khác. Tiếp diễn không ngừng. Chỉ có lòng người không mở rộng kịp thời nên bị tràn đầy, hoặc không hiểu biết đủ nên tưởng đã đầy.

Tiến vào một phần tư của thế kỷ 21, cũng như các thế kỷ trước, luôn luôn sẽ bắt gặp nhiều câu hỏi, mà

câu trả lời chỉ có thể chờ đến cuối thế kỷ mới có thể giải quyết. Những câu trả lời vào cuối thế kỷ 20 về những thao thức nghệ thuật, đã nhắc nhở người nghệ sĩ thế kỷ 21 nhìn lại dòng sáng tạo, kiểm tra kinh nghiệm sáng tác của thế kỷ trước. Vì sao nghệ thuật có thân xác và linh hồn như hôm nay? Mỗi người nghệ sĩ chân chính sẽ phải tự kiểm điểm lại quá trình sáng tác của bản thân. Đừng để như tác phẩm của Sally Rooney, “Beautiful World, Where Are You?” mà nhân vật chính, Alice, đã băn khoăn, *“Tôi nghĩ về thế kỷ 20 như một câu hỏi dài, để đến cuối thế kỷ, chúng ta đã có câu trả lời sai lạc.”*

Ngu Yên. Tháng 12 năm 2021.

Ghi:

Bài viết mang tính sơ lược, trong khuôn khổ ngắn, không thể giới thiệu hết những khuynh hướng nghệ thuật chưa phát triển mạnh trong đầu thế kỷ 21 và cũng không thể đính kèm đầy đủ hình ảnh biểu tượng cho nghệ thuật đương đại. Xin cáo lỗi.

Tài liệu:

1. The Art Newspaper. December, 02, 2021

“The end of 'isms': is the art market the most powerful movement of the 21st century?”

2. Art & Perception.

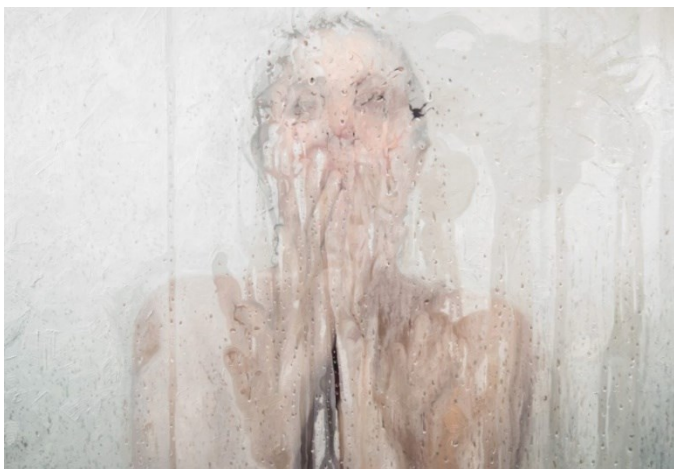
“What is the Art of the 21st Century.”

3. Predict. November 28, 2017

“The 21st Century Art Movement. What Is It?”

Họa Sĩ Alyssa Monks

It's All Under Control



Tạp chí Fine Art Connoisseur đưa tin cuộc triển lãm tranh của họa sĩ Alyssa Monks đang diễn ra và kéo dài cho đến tháng Giêng năm 2022 tại Forum Gallery dưới đề tài: “It’s All Under Control” (Tất cả đều trong vòng kiểm soát.)

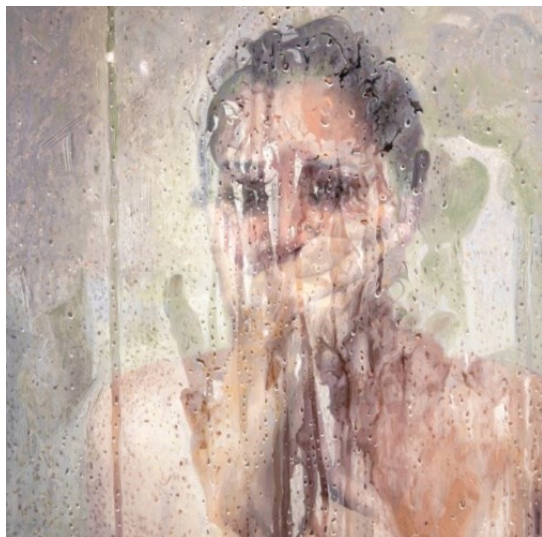
Monks nổi tiếng về một loạt tranh xoay quanh các nhân vật nữ trong phòng tắm, bồn tắm, dưới vòi sen. Như phóng viên nghệ thuật, Deanna Phoenix Selene, đã đóng góp ý kiến khi xem tranh của Monks: “... thường khi chúng ta nghĩ về không gian, đặc biệt là những nơi có bồn tắm, vòi sen, hoặc nước, chúng ta nghĩ đến tình trạng có thể bị xâm phạm, bị tổn thương. Phụ nữ trong hoàn cảnh bị dồn vào góc tường, trong những giây phút mà mọi biện pháp bảo vệ trở thành vô dụng, sự phòng bị đành

thức thử...” Sự khác biệt mà chúng ta có thể cảm nhận được khi xem tranh khỏa thân, dù tả chân hoặc mập mờ, người sáng tác lẫn người thưởng ngoạn đều tiếp cận cảm xúc nhục dục, dù biện minh thưởng thức vẻ đẹp. Tuy nhiên, đó là sáng tác ở mức độ trung bình hoặc trong tinh thần của thế kỷ 18, 19. Nếu mục tiêu nghệ thuật chỉ nhằm vào thỏa mãn thẩm mỹ và cảm xúc, như vậy, chưa đủ. Nghệ thuật hôm nay đòi hỏi điều gì khác hơn: Đó là khả năng diễn đạt những vấn nạn con người đang đối đầu bằng phương tiện nào đó của thẩm mỹ và cảm xúc của tác giả. Nói một cách khác, giá trị của bức tranh không chỉ đẹp và có hiệu quả sáng tạo cao, nó còn đòi hỏi phẩm chất thẩm mỹ của “cái được diễn đạt” và kinh nghiệm về ý tưởng muốn diễn đạt.

Loạt tranh của Monks vẽ những đàn bà ngâm mình dưới nước, trong nước, nhắc nhở người xem những gì khác hơn là da thịt. Nếu chỉ đơn thuần là cảm giác nhột nhạt của những giọt nước chảy xuống, thì loạt tranh này chỉ có giá trị bày bán trên vỉa hè, nơi du khách dừng chân.

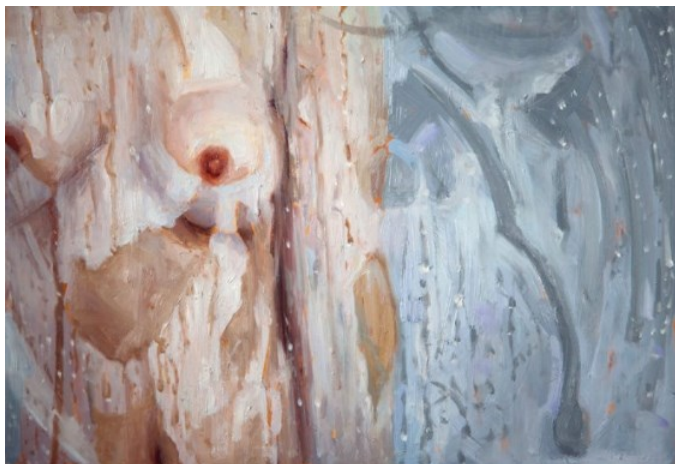
Monks cho biết, *“Tôi đánh giá cao sự thân mật được cảm nhận, nhưng không có sự lợi dụng. Đối với tôi, cả hai đều quan trọng. Tôi không chắc tất cả tác phẩm đều mang tính chất niềm vui bản thân. Mặc dù, ngoài một số ít, hầu hết loạt tranh dưới vò sen, trong bồn tắm, đều gọi lên tính dễ bị xâm phạm, tính cảm thông, và mối liên hệ. Tôi tin, những gì các bạn phản ứng là trải nghiệm với nước. Tôi đã cố gắng tìm ra những khoảnh khắc mà người xem có thể nhìn thấy hoặc cảm nhận được chính họ, cảm thông với nhân vật trong tranh, liên hệ với những người khác chống lại nhiều thuật vẽ về phụ nữ, chỉ tạo nên sự khinh thường và cho chúng ta cảm giác không xứng đáng.”*





Người xưa cho rằng, hội họa đạt đến thần kỳ là vẽ rồng đừng vẽ mắt. Vì nếu vẽ mắt, rồng sẽ bay mất khỏi bức tranh. Dĩ nhiên, đây là ẩn dụ, nhưng ngụ ý cho sáng tác lẫn thưởng ngoạn: Liệu chúng ta có thể

nghe được tiếng kêu kinh hãi, thảm thiết của người đàn bà đang bị xâm phạm trong phòng tắm?



Rảo qua một ít tranh mẫu điển hình bên trên, phải trung thực nhận định rằng, đây chưa phải là những sáng tạo vượt bậc hoặc tạo được sức kinh ngạc ngoài dự đoán. Cũng chưa phải là những đường nét hình độc đáo lạ thường. Kỹ thuật sử dụng trong tranh là tạo nhiều lớp vẽ. Lớp chính là hình ảnh được mô tả tiếp cận hình chụp, từ đó, những lớp vẽ khác chồng lên để xóa mờ, tạo sự mất mát, khoảng trống và góc nhìn trừu tượng. Có thể nhận ra kỹ thuật impasto trong cách pha màu và bệt màu trên khung bố.

Nhưng nếu chỉ vậy thôi, làm sao Monks có thể nổi tiếng trong giới hội họa Mỹ và Âu Châu? Điểm nhấn mà các nhà phê bình hội họa đề cập: Loạt tranh những người đàn bà ngâm nước không trình diễn tính khỏa thân, dù đường nét và ý niệm phụ nữ tắm, luôn luôn gợi ra ẩn tượng và tưởng tượng, nhưng chủ yếu tranh của Monks tập trung vào gương mặt,

khả năng diễn tả cảm xúc, cảm giác và những gì thầm kín. Những gì khiến cho người xem phải dừng lại, không chỉ đề thưởng thức nét đẹp, mà dường như vừa bắt gặp những điều đang khuấy động tâm tư. Bất kỳ là thể loại nghệ thuật nào, nếu tác phẩm không có khả năng làm tâm tư dao động, tác phẩm đó chỉ là một cụm mây trôi qua, sẽ mưa xuống một nơi nào không ai biết. Edvard Degas viết: “Một bức tranh đòi hỏi một ít bí ẩn, một ít mơ hồ, một ít tư tưởng tượng. Khi bạn bày tỏ ý nghĩa hoàn hảo một cách rõ ràng, bạn sẽ gây cho người xem nhàm chán.”

Monks nói:

“Tuy nhiên, tôi vẽ những bức tranh này không phải từ một phản ứng hay mong muốn thay đổi thế giới, mà là một nơi mà tôi có thể cảm thấy như ở nhà. Tôi đoán đó là nơi mà tôi không phải lo lắng gì về việc tôi có quyền lực hay không. Đối với tôi, hội họa luôn là nơi nương tựa, kết nối và giao tiếp. Nó luôn là tự truyện, vì nó luôn đúng với trải nghiệm và cảm xúc của tôi. Tôi không nghĩ mình có thể trốn tránh điều này.”

Điều này là điều gì?





Tại sao người đời từ xưa đến nay đều đồng ý với nhau, đàn bà là một bí mật?

Từ triết gia, nhà văn, nhà thơ, bác học, khoa học gia cho đến thường dân, chưa một ai dám tự hào đã hiểu rõ đàn bà, cho dù bà đó là vợ mình. Thông thái như Socrate mà vẫn bị vợ đuổi đi?

Khoa tâm lý xã hội giải thích rằng: Người là một sinh vật ham muốn. Sinh vật nam ham muốn quyền lực, tiền tài và nữ sắc. Trong khi sinh vật nữ ham muốn được bình yên, hạnh phúc với chồng con và gia đình. Đàn ông có sức mạnh, có quyền lực, thường mạo hiểm, xâm chiếm, cưỡng đoạt, thường phản bội và tạo ra hỗn loạn. Sự ham muốn của người nữ trở thành bất an. Không có người vợ nào không sợ mất chồng hoặc không sợ bị chồng bỏ rơi. Không có người mẹ nào không sợ con mình thất bại, mất hạnh phúc hoặc bị thảm họa. Cho dù giàu sang, trí thức hoặc nhan sắc, người đàn bà luôn luôn sống với tâm trạng bất an, dù bằng ý thức hay trong vô thức. Nỗi bất an ám ảnh tất cả suy nghĩ và hành động. Gốc lung lay, làm sao ngọn yên lặng? Lòng bất an, làm sao có thể có điều gì rõ ràng, chuyện gì minh bạch. Sống trên bất an như đứng thuyền nhỏ bênh bồng sóng nước. Mọi thứ đều tương đối và có giá trị ngắn hạn. hầu hết đàn bà sống bằng linh cảm, những suy nghĩ, luận lý, ý tưởng thường dễ hậu thuẫn cho một ý tưởng hoặc ý nghĩ đã có. Và ý tưởng, ý nghĩ đó sẽ thay đổi vì không bảo đảm sự an toàn. Người đời thường nói đàn bà hay thay lòng đổi dạ. Không phải vì họ muốn, mà vì bản chất như vậy. Nói, đàn bà dễ dụ, không phải, họ chỉ tự thay đổi đúng lúc. Đàn bà trở thành bí mật vì không ai có thể hiểu họ, vì chính họ cũng không hiểu rõ bản thân.

Phân tích theo tâm lý học khiến văn chương trở nên sống sượng. Thực tế hơn, nỗi bất an là niềm bất hạnh

mà hầu hết đàn bà phải gánh chịu. Cũng như chuyện không vừa ý là số mệnh của đàn ông.

Trở về nhìn lại những gương mặt kia, đang diễn tả điều gì? Phải chăng là niềm bất hạnh? Là những lý do thầm kín? Liệu người xem có cảm thông những ám ảnh khiến thần kinh lệch lạc thể hiện trong nét mí, bờ môi, và ánh nhìn?

Monks nói:

“Một số người xem tranh thấy đàn bà chết đuối, đàn bà đau khổ, và bạn nhìn thấy đàn bà trong trạng thái tự sướng. [...] Tôi quan tâm nhiều đến tâm trí một người hơn là cơ thể họ, vì vậy các bộ phận cơ thể được sử dụng tốt nhất để thể hiện những gì trong tâm trí hơn là trở thành đối tượng để khiêu dâm. Những khuôn mặt và biểu cảm là thú vị nhất đối với tôi. Tôi thấy khoảnh khắc đó nơi một người hoàn toàn không có ý thức, cởi mở, yếu đuối và trung thực.”



"[...] Về sơn dầu cực kỳ phức tạp và cần linh hoạt. Bạn có thể may mắn hơn khi ném sơn vào khung bố và để nó chảy xuống, rồi xem đã thành hình những thứ gì, xuất hiện ở đâu. Sau đó tách những thứ đó ra khỏi những dạng trừu tượng và sáng tác trên chúng, hơn là cố gắng vẽ một thứ gì rồi tô màu như hình minh họa. Đây chỉ là quan điểm của tôi và quá trình của tôi. Vẽ tranh bằng nước cũng giống như vẽ bất cứ thứ gì khác: chú ý các mối quan hệ màu sắc, đơn giản hóa hình dạng, nhưng giữ một số cấu trúc, tính toàn vẹn trong các khối lượng, và chọn lọc số lượng chi tiết muốn vẽ. [...] Trên hết, hãy cầm cây cọ một cách lỏng lẻo, và chừa chỗ cho những điều bất ngờ. Để cơ hội cho những gì bất ngờ xảy ra là phần khó nhất trong bức tranh."



Alyssa Monks (1977 -)

Họa sĩ Mỹ sinh sống tại Brooklyn. Chuyên vẽ tranh sơn dầu khổ lớn.

Nổi tiếng trong giới hội họa Mỹ và Âu Châu.

Sinh quán ở Ridgewood, New Jersey. Bắt đầu vẽ từ năm tám tuổi.

Tốt nghiệp tại Immaculate Heart

Academy năm 1995. Tốt nghiệp cử nhân tại đại học Boston năm 1999. Du học về hội họa ở Lorenzo de Medici in Florence, Italy. Tốt nghiệp MFA tại New York Academy of Art, năm 2001. Hoàn tất thực tập tại Fullerton Colledge ở California.

- Giải Elizabeth Greenshields Foundation Grant năm 2003, và 2006.

- Forbes Foundation to the Chateaux Balleroy in Normandy, France năm 2001.

Ngu Yên , tháng 11 năm 2021.

Ghi:

- Fine Art Connoisseur Magazine. November, 10, 2021.

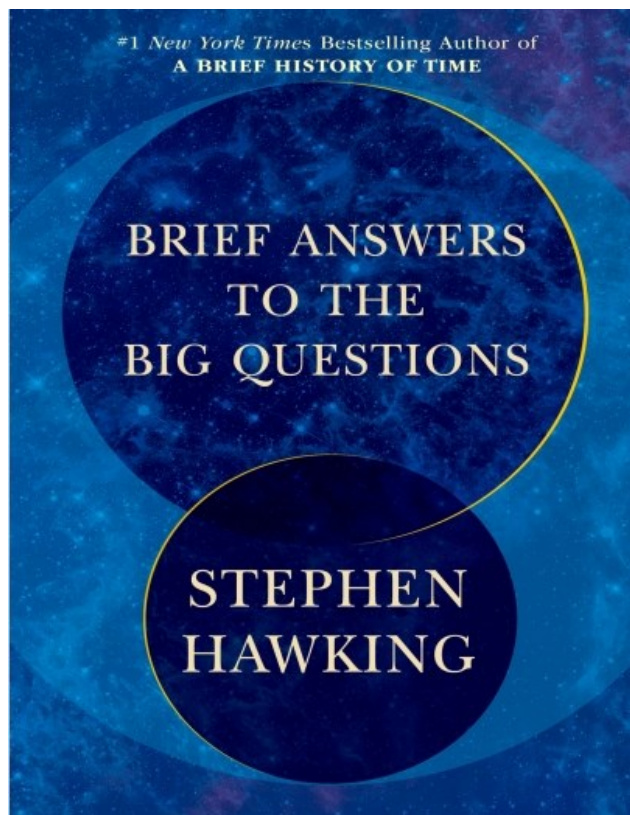
- Combustus. Igniting the global community through exploration of the arts.

Giới Thiệu Sách: Tiếp theo, kỳ 7

Brief Answers To The Big Questions

Stephen Hawking. 2018. 220 trang.

Câu Trả Lời Tóm Lược Cho Những Câu Hỏi Lớn



Bài dịch sẽ lược bỏ bớt những đoạn trình bày kỹ thuật phức tạp, mà một người bình thường không cần phải theo dõi.

Có Thể Nào Dự Đoán Được Tương Lai?

Ngũ Yên dịch

() Chữ nghiêng nhỏ là của người dịch thêm vào.*

Vào thời cổ đại, hình như thế giới có vẻ khá bất thường. Thảm họa như lũ lụt, bệnh dịch, động đất, và núi lửa thường xảy ra không báo trước hoặc không có lý do rõ ràng. Người nguyên thủy tin rằng những hiện tượng tự nhiên (thiên nhiên) như vậy là do một nhóm thần thánh nam nữ, cư xử thất thường, hành động quái dị. Không biết cách nào dự đoán họ sẽ làm gì. Hy vọng duy nhất để giành được lòng ưu ái của họ là quà tặng và cầu xin. Ngày nay, vẫn còn nhiều người giữ một phần nào niềm tin này để cố gắng cầu may vận hên hoặc tránh né việc xui xẻo. Họ khấn sẽ sống xử thế hiền lành, tử tế hơn nếu họ có thể đạt được điểm học hạng A hoặc có thể thi đậu bằng lái xe.

Rồi, dần dần, con người phải tự nhận ra, có những quy luật nhất định trong hành vi của tự nhiên. Những quy luật này xuất hiện rõ rệt nhất trong sự vận chuyển của các thiên thể trên bầu trời. Vì vậy, Thiên văn học là ngành khoa học đầu tiên được phát triển sớm. Được Newton đặt cơ sở toán học vững chắc hơn 300 năm trước, chúng ta vẫn sử dụng thuyết hấp lực của ông để dự đoán sự di động của hầu hết các thiên thể. Theo ví dụ của Thiên văn học, người ta nhận ra các hiện tượng tự nhiên khác cũng tuân theo các quy luật khoa học nhất định. Điều này dẫn đến ý tưởng về thuyết Xác Định (Determinism) khoa học, dường như được nhà khoa học người Pháp Pierre-Simon Laplace công khai diễn đạt. Tôi muốn trích dẫn nguyên văn những lời nói của Laplace,

nhưng ông giống như nhà văn Proust thường viết những câu văn quá dài đầy phức tạp và quá độ. Vì vậy, tôi quyết định diễn giải lại đoạn trích dẫn. Thực tế những gì Laplace nói là *‘nếu tại một thời điểm, chúng ta biết được vị trí và tốc độ của các hạt nhân trong vũ trụ, chúng ta sẽ có thể tính trước được tác động của chúng ở bất kỳ thời điểm nào khác trong quá khứ hoặc tương lai.’* Có câu chuyện có thể đã được bịa ra: Khi Napoléon hỏi Laplace, làm thế nào Thượng Đế đã hòa nhập vào hệ thống này? Ông ta trả lời, “Thưa ngài, tôi không cần giả thuyết đó.” Tôi không nghĩ, Laplace đã tuyên bố: Thượng Đế không tồn tại. Chỉ có nghĩa, Thượng Đế không can thiệp để phá vỡ các quy luật khoa học. Đó là quan điểm của các khoa học gia. Luật khoa học sẽ không còn là luật khoa học, nếu chỉ được tiến hành khi một đấng siêu nhiên nào đó quyết định để mọi thứ tự vận hành và không can thiệp vào.

Ý tưởng cho rằng từ một vị trí trong vũ trụ ở một thời điểm rõ ràng sẽ xác định được tình trạng ở mọi thời điểm khác, trở thành nguyên lý trung tâm khoa học kể từ thời Laplace. Ngụ ý, chúng ta có thể dự đoán được tương lai, ít nhất là về nguyên tắc. Tuy nhiên, trong thực tế, khả năng dự đoán tương lai bị giới hạn một cách nghiêm trọng bởi độ phức tạp của các phương trình, mà thực chất của chúng là sự hỗn loạn. Những ai đã xem phim Jurassic Park sẽ nhận ra, một sự xáo trộn nhỏ ở một nơi có thể gây ra sự thay đổi lớn ở một nơi khác. Một con bướm vỗ cánh ở Úc Châu có thể gây cơn mưa xuống công viên Central Park ở New York. Vấn đề là, nó không thể lặp lại. Lần sau, khi con bướm vỗ cánh sẽ tạo ra hiện tượng khác, có khả năng ảnh hưởng đến thời tiết. Yếu tố hỗn loạn này là lý do tại sao việc dự đoán thời tiết không thể hoàn toàn đáng tin cậy.

Bất kể những khó khăn thực tế này, thuyết Xác Định khoa học vẫn là giáo điều chính thức trong suốt thế kỷ 19.

Tuy nhiên, qua thế kỷ 20, có hai phát triển cho thấy tầm nhìn của Laplace, về một dự đoán tương lai hoàn chỉnh, không thể thực hiện. Phát triển thứ nhất là cơ học lượng tử (quantum mechanics). Nhà vật lý người Đức, Max Planck, năm 1900, đã đưa ra một giả thuyết đặc biệt, để giải quyết một nghịch lý quan trọng. Theo những ý tưởng cổ điển từ thời Laplace, một vật nóng, giống một miếng kim loại nung đỏ, sẽ phát ra bức xạ. Nó sẽ mất dần năng lượng trong sóng vô tuyến, tia hồng ngoại, ánh sáng có thể nhìn thấy, tia cực tím, tia X-ray, và tia gamma, trên cùng một tốc độ. Điều này không chỉ có nghĩa, chúng ta sẽ chết vì ung thư da, mà mọi thứ trong vũ trụ sẽ ở cùng một nhiệt độ, chuyện này rõ ràng sẽ không bao giờ xảy ra.

Trong khi, Planck cho thấy, người ta có thể tránh được thảm họa nếu từ bỏ ý tưởng, số lượng bức xạ có thể có bất kỳ giá trị nào, thay vào đó, cho rằng bức xạ chỉ xuất hiện trong dạng những gói, hoặc lượng tử có kích thước nhất định. Hơi giống việc chúng ta có thể mua đường cát trong siêu thị, bằng những gói cân nặng theo kí lô gam. Năng lượng trong các gói hoặc lượng tử đối với tia cực tím và tia X-ray cao hơn tia hồng ngoại và ánh sáng có thể nhìn thấy. Có nghĩa, trừ trường hợp một vật thể rất nóng như mặt trời, nó sẽ không đủ năng lượng để phát ra, dù chỉ một lượng tử tia cực tím hoặc tia X-ray. Đó là lý do chúng ta không bị cháy nắng khi uống một tách cà phê.

Planck xem ý tưởng lượng tử chỉ là một thủ thuật toán học, không dính líu bất kỳ một vật lý thực sự nào, bất kể điều đó có nghĩa là gì. Tuy nhiên, các

nhà vật lý bắt đầu tìm ra một sinh hoạt khác, chỉ có thể giải thích bằng các số lượng có giá trị riêng biệt hoặc đã được lượng tử hóa hơn là các giá trị liên tục biến đổi. Ví dụ, người ta tìm thấy, các hạt cơ bản sinh hoạt giống như các đỉnh nhỏ, xoay quanh một cái trục. Nhưng số lượng vòng quay chẳng có giá trị gì, cho đến khi đạt được bội số của một đơn vị cơ bản. Vì đơn vị này rất nhỏ, người ta khó nhận thấy, một đỉnh bình thường chậm dần theo tiến trình rất nhanh của các giai đoạn rời rạc, không phải là một tiến trình liên tục. Nhưng đối với những đỉnh nhỏ của nguyên tử, bản chất rời rạc của vòng quay. rất quan trọng.

Mất một thời gian trước khi mọi người nhận ra tác động của hành vi lượng tử này đối với thuyết Xác Định. Mãi đến năm 1927, Werner Heisenberg, một vật lý gia người Đức khác, trình bày cho biết không thể đo chính xác một lượt vị trí và tốc độ của một hạt quay. Để quan sát một hạt, phải chiếu ánh sáng vào nó. Nhưng công trình nghiên cứu của Planck xác nhận người ta không thể dùng số lượng nhỏ ánh sáng một cách tùy tiện. Phải dùng ít nhất một lượng tử. Chiếu sáng sẽ làm xáo trộn hạt và thay đổi vận tốc của nó, khiến không thể đoán trước được. Để đo chính xác vị trí của hạt, cần phải sử dụng ánh sáng có sóng ngắn, như tia cực tím, tia X-ray, hoặc tia gamma. Nhưng một lần nữa, theo công trình của Planck, lượng tử của những dạng ánh sáng này có năng lượng cao hơn năng lượng trong ánh sáng nhìn thấy, do đó sẽ làm xáo trộn tốc độ của hạt nhiều hơn. Đây là tình trạng không thể thành công: Càng cố đo chính xác vị trí của hạt, càng biết kém chính xác về vận tốc của nó, ngược lại, nếu muốn biết vận tốc chính xác, sẽ mất đi sự chính xác của vị trí. Điều này được tóm lược trong nguyên lý Bất Định (Uncertainty Principle) do Heisenberg đã thành lập;

độ không chính xác của vị trí một hạt, “nhân” với độ không bảo đảm vận tốc của nó, luôn luôn lớn hơn một số lượng, gọi là hằng số Planck, “chia” cho hai lần khối lượng của hạt.

Quan niệm của Laplace về thuyết Xác Định liên quan đến tìm biết vị trí và tốc độ của các hạt tại một thời điểm trong vũ trụ, đã bị phá vỡ nghiêm túc bởi nguyên lý Bất định của Heisenberg. Làm sao người ta có thể dự đoán tương lai, khi không thể đo chính xác cả hai: vị trí và tốc độ của các hạt ở thời điểm hiện tại? Cho dù chúng ta có một máy tính thần sầu đến đâu, nếu đưa vào các dữ kiện tệ hại, sẽ nhận được những dự đoán tệ hại hơn.

Ông Einstein rất không hài lòng về sự ngẫu nhiên hiện diện trong tự nhiên. Quan điểm của ông được tóm tắt trong câu nói nổi tiếng, “Thượng Đế không chơi trò xúc xắc.” Hình như ông cảm nhận được sự không chắc chắn chỉ tạm thời, còn có một thực tế khác tiềm ẩn, trong đó có thể xác định rõ ràng vị trí và tốc độ của các hạt và sẽ có thể tiến hóa trong các quy luật xác định theo tinh thần Laplace. Có thể, Thượng Đế biết thực tế này, nhưng lượng tử của ánh sáng sẽ ngăn cản chúng ta nhìn thấy nó, ngoại trừ qua một tấm gương trong bóng tối.

Quan điểm của Einstein gọi là thuyết Biến Ẩn (hidden variable theory). Thuyết này có vẻ rõ ràng nhất để tổ hợp nguyên lý Bất Định vào vật lý. Tạo nên cơ sở cho bức ảnh tinh thần về vũ trụ được sự công nhận của nhiều khoa học gia và hầu hết các triết gia khoa học. Nhưng thuyết Biến Ẩn này sai lầm. Nhà vật lý người Anh John Bell, đã nghĩ ra một thử nghiệm có thể làm sai lạc các lý thuyết Biến Ẩn, khi thí nghiệm được tiến hành cẩn thận, kết quả không phù hợp với các biến ẩn. Do đó, hình như ngay cả Thượng Đế cũng bị ràng buộc bởi nguyên

lý Bất Định và cũng không thể biết cả vị trí và tốc độ của một hạt. Tất cả bằng chứng đều chỉ ra Thượng Đế là một tay bài bạc khôn ngoan, quăng xúc xắc vào mọi trường hợp có thể xảy ra.

Các khoa học gia khác đã sẵn sàng hơn Einstein để sửa đổi quan điểm cổ điển thế kỷ 19 về thuyết Xác Định. Một lý thuyết mới, cơ học lượng tử (quantum mechanics), vượt qua thuyết của Heisenberg, do ông Erwin Schrodinger từ Áo và ông Paul Dirac từ Anh xây dựng. Dirac là người tiền nhiệm của tôi nhưng là giáo sư Lucasian ở Cambridge. Mặc dù cơ học lượng tử đã hiện diện gần 70 năm, nhưng nhìn chung, chưa được thấu hiểu và đánh giá đúng mức, kể cả những người sử dụng nó để tính toán. Tuy vậy, thuyết mới này khiến tất cả chúng ta quan tâm, vì nó hoàn toàn khác với bức ảnh cổ điển về vũ trụ vật chất và bản thân thực tại. Trong cơ học lượng tử, các hạt không có vị trí và tốc độ được xác định rõ ràng. thay vào đó, chúng được đại diện bằng cái gọi là hàm sóng, *(một loại mô tả bằng toán học về trạng thái lượng tử của một hệ thống)*. Đây là một số lượng tại mỗi điểm của không gian. Kích thước của hàm sóng cho xác suất tìm thấy hạt ở vị trí đó. Tốc độ mà hàm sóng thay đổi từ điểm này sang điểm kia cho biết tốc độ của hạt. Từ đó, người ta có thể có một hàm sóng rất mạnh trên một vùng nhỏ. Có nghĩa sự không chắc chắn của vị trí là nhỏ. Nhưng hàm sóng sẽ thay đổi rất nhanh gần đỉnh, lên bên này và xuống bên kia. Do đó, sự không bảo đảm về tốc độ sẽ lớn. Tương tự, người ta có thể có các hàm sóng nơi sự không bảo đảm của tốc độ nhỏ nhưng sự không chắc chắn trong vị trí sẽ lớn.

Hàm sóng chứa tất cả những gì người ta biết về hạt, vị trí và tốc độ. Nếu biết hàm sóng tại một thời điểm, thì giá trị của nó tại các thời điểm khác được xác định bởi phương trình Schrodinger. Như vậy, chúng

ta vẫn có một loại thuyết xác định, nhưng không phải như thuyết Xác Định của Laplace đã vạch ra. Nghĩa là, thay vì có thể dự đoán vị trí và tốc độ của các hạt, những gì chúng ta có thể dự đoán là hàm sóng. Điều này dẫn đến ý nghĩa, chúng ta chỉ có thể dự đoán một nửa những gì mà theo quan điểm cổ điển của thế kỷ 19 đã mong muốn.

Mặc dù, cơ quan lượng tử đưa đến sự không chắc chắn khi cố gắng dự đoán cả vị trí và tốc độ riêng rẽ, nhưng nó vẫn cho phép dự đoán một cách chắc chắn sự kết hợp chung giữa vị trí và tốc độ. Tuy vậy, ngay cả mức độ chắc chắn này dường như đang bị đe dọa bởi những phát triển gần đây. Vấn đề rắc rối nảy sinh vì hấp lực có thể làm cong không gian-thời gian đến mức có thể có những vùng không gian không thể quan sát. Những vùng như vậy là phần bên trong của lỗ đen. Có nghĩa chúng ta không thể, kể cả nguyên tắc, quan sát các hạt bên trong một lỗ đen, không thể nào đo được vị trí và vận tốc của chúng. Vấn đề sẽ là liệu chuyện này có tạo thêm nhiều trở ngại để dự đoán ngoài việc đã tìm thấy trong cơ học lượng tử.

Tóm lại, quan điểm cổ điển của Laplace đưa ra là sự chuyển động trong tương lai của các hạt hoàn toàn được xác định, nếu biết được vị trí và vận tốc của chúng tại một thời điểm. *(Có thể dự đoán tương lai)*. Quan điểm này được sửa đổi, khi Heisenberg khám phá nguyên lý Bất Định, cho rằng người ta không thể biết luôn cả hai vị trí và vận tốc của hạt một cách chính xác. Tuy nhiên, vẫn có thể dự đoán được sự kết hợp giữa vị trí và tốc độ. Nhưng có lẽ, ngay cả khả năng dự đoán giới hạn này cũng có thể biến mất nếu tính đến các lỗ đen.

Thi Sĩ Và Thơ Trả Lời Những Câu Hỏi Về Thơ

(Cập nhật năm 2021.)

Những thi sĩ tham dự:

Billy Collins, Ellen Wade Beals, Jorge Luis Borges, Pablo Neruda, Archibald MacLeish, William Carlos Williams, Tom Zart, Naoshi Koriyama, Mark Strand, Eve Merriam, Tadeusz, Al Young, James Tate, Nikki Giovanni, Charles Bukowski, Jaroslav Vrchlicky, Ron Koertge, Linda Pastan, Steve Kowit, Judith Porton, Jerry Martien, Eve Merriam, Karen Swank-Fitch, O'hara, Louisa DeBoo, Jim Lyle, Christena Williams, Ellen Wade Beals, Rod E. Kok, Robert Duncan

* * *

Lời người phỏng vấn:

Giữa thời lờ mờ, bóng tối bao trùm, phố chợ thấp đèn bão, gõ quan tài rải mực vài thi sĩ bất tử, hỏi thăm đường nào các cụ đã đi?

Giữa buổi thơ bồi rối khi ca, nhạc ngân ngừ khi hát, tìm gặp vài thi sĩ thượng thừa, hỏi xem ca hát ra sao, cầm viết tay nào?

Những thi sĩ bất tử làm thơ bất hủ để lại thơ đếm tuổi trăm năm. Bí quyết ra sao? Thơ bây giờ mỗi tuổi mỗi chết.

Hành trình làm thơ như thằng bé bỏ nhà phiêu lưu, khi trở về không ai nhận ra vì quá già, không phải vì thời gian, vì khổ não làm nhăn nheo, vì khổ tâm làm

tóc bạc. Đến thăm bạn bè cũ, họ vẫn còn trẻ, gọi thơ bằng cụ.

Hỏi: Thế nào là nghệ thuật thơ?

T.S. Jorge Luis Borges:

" Nhìn sông chảy bởi nước và thời gian

Hãy nhớ thời gian là một dòng sông khác.

Chúng ta lạc lõng như dòng sông

và mặt mũi sẽ bốc hơi như nước

Cảm nhận được, thức là chiêm bao

đang mơ về không phải chiêm bao

và sự chết, sợ tận cùng xương tủy

là chết mỗi đêm, tên gọi chiêm bao.

Thấy từng đêm từng năm một ký hiệu

của tháng ngày của người và của đời

rồi cải đổi những tháng năm thương tổn

thành điệu nhạc, âm thanh và tượng trưng.

Thấy trong cõi chết một giấc mơ,

trong hoàng hôn nỗi buồn rục rờ, là thơ,

tầm thường mà bất hủ,

thi ca, luân chuyển, như hoàng hôn và bình minh.

Đôi khi buổi chiều thấy khuôn mặt

nhìn chúng ta từ đáy gương soi.

*Nghệ thuật phải là loại gương như vậy
vạch trần mặt ta cho ta xem.*

*Họ nói Ulysses, mỗi một bởi kỳ diệu,
khóc yêu thương khi gặp Ithaca,
tầm thường mà xanh. Ithaca là nghệ thuật,
xanh bất tử, không có gì diệu kỳ.*

*Nghệ thuật không giới hạn như nước sông chảy,
trôi đi, vẫn còn lại, vẫn nguyên như tấm gương
mà biến hóa theo Heraclitus, nhìn vẫn giống vậy
nhưng đã đổi thay, như nước chảy theo sông."*

The Art of Poetry

Jorge Luis Borges

*To gaze at a river made of time and water
and remember Time is another river.*

*To know we stray like a river
and our faces vanish like water.*

*To feel that waking is another dream
that dreams of not dreaming and that the death
we fear in our bones is the death
that every night we call a dream.*

*To see in every day and year a symbol
of all the days of man and his years,
and convert the outrage of the years
into music, a sound, and a symbol.*

*To see in death a dream, in the sunset
a golden sadness such is poetry,
humble and immortal, poetry,
returning, like dawn and the sunset.*

Sometimes at evening there's a face

*that sees us from the depths of a mirror.
Art must be that sort of mirror,
disclosing to each of us his face.*

*They say Ulysses, wearied of wonders,
wept with love on seeing Ithaca,
humble and green. Art is that Ithaca,
a green eternity, not wonders.*

*Art is endless like a river flowing,
passing, yet remaining, a mirror to the same
inconstant Heraclitus, who is the same
and yet another, like the river flowing.*

Hỏi: Là thi sĩ, ông phải đi tìm thơ hoặc thơ tự động tìm đến ông? Ông có thể cho biết sự xuất hiện của thơ?

T.S. Pablo Neruda:

*" Rời ở tuổi ấy... Thơ đã đến
tìm tôi. Tôi không biết. Tôi không rõ thơ
đến từ nơi nào, từ mùa đông hay từ dòng sông.
Tôi vẫn không hiểu khi nào, xảy ra làm sao,
không, thơ không phải tiếng nói, không phải
lời lẽ, không phải im lặng,
nhưng từ một con đường đã mời gọi tôi,
từ những cành cây đêm,
bất ngờ từ những người khác,
giữa lửa cháy dữ dội
hoặc cô độc trở về,
Tôi không còn là tôi
khi thơ chạm vào người.*

Tôi như á khẩu,
miệng không thể
gọi tên,
mắt tối sầm,
rồi có gì trong hồn khơi động,
lên cơn sốt hoặc bay ngầy ngất,
bằng một cách riêng
tôi giải mã
lửa cháy,
Tôi viết dòng thơ đầu tiên mê muội,
lờ mờ, không giá trị , hoàn toàn
vô nghĩa,
hoàn toàn kiến thức
của kẻ không biết gì,
Rồi đột nhiên tôi nhìn thấy
bầu trời bao la
mở rộng
rồi mở lớn,
tinh tú,
cây cối run rẩy,
bóng đen loang lổ,
bí ẩn
với mũi tên, lửa, và hoa,
đêm xoay tròn, vũ trụ.

Còn tôi, sinh vật bé nhỏ,

say mê khoảng rộng
đầy sao,
giống như, hình tượng
thần bí,
đối với tôi chỉ là một phần hổ sâu,
xoay với sao trời,
trái tim vỡ thả bay theo gió."

Poetry (1)

Pablo Neruda.

*And it was at that age ... Poetry arrived
in search of me. I don't know, I don't know where
it came from, from winter or a river.
I don't know how or when,
no, they were not voices, they were not
words, nor silence,
but from a street I was summoned,
from the branches of night,
abruptly from others,
among violent fires
or returning alone,
there I was without a face
and it touched me.*

*I did not know what to say, my mouth
had no way
with names,
my eyes were blind,
and something started in my soul,
fever or forgotten wings,
and I made my own way,
deciphering
that fire,
and I wrote the first faint line,
faint, without substance, pure
nonsense,
pure wisdom
of someone who knows nothing,
and suddenly I saw*

*the heavens
unfastened
and open,
planets,
palpitating plantations,
shadow perforated,
riddled
with arrows, fire and flowers,
the winding night, the universe.*

*And I, infinitesimal being,
drunk with the great starry
void,
likeness, image of
mystery,
for myself a pure part of the abyss,
I wheeled with the stars,
my heart broke loose on the wind.
(Bản dịch của Alastair Reid)*

Hỏi: Như vậy, thơ đến bất ngờ. Cho dù thi sĩ cố gắng tìm kiếm chưa chắc đã gặp. Thường khi cố gắng quá, điều mà thi sĩ gặp chưa chắc đã là thơ. Ông nghĩ sao?

T.S. Jame Tate:

*" Nữ thần hôn lên chữ nghĩa trong tôi,
cảm giác náo nức như ngàn ánh sao xáo trộn.
Một vài chữ tự ý tách rời
rời bồng bềnh trong vô thức, cuu mang
nổi cô đơn như những quan tài nhỏ
ẩn vào trí chữ.*

*Nàng hôn lên từ ngữ trong tôi
cánh cửa mở toang: đàn hắc điều ngủ trọ
trên đỉnh ngọn xa xa. Người tò mò hé cửa sổ nhìn*

*dưới tàng dù theo dõi
đám tang. Những con ngựa che mắt
giậm chân liên tục trên đá sỏi.*

*Nàng hôn: Những kẻ cướp tập trung
vào phòng khiêu vũ lơ mờ
để khoe khoang của cướp được.
Chuột làm chứng chống nhau
trong tòa xử thú vật tằm tối.*

*Nữ thần hôn lên từ ngữ trong tôi,
nàng vắt chặt rồi nhai cắn,
cho ánh sáng cuối cùng bắn loạn,
và vĩ cầm phát tiếng cuồng điên.
Nước ảm tràn trên gối
thèm khát nhiều ngậm Thạch Anh (*)
để từ bỏ niềm tin vào trí tuệ."
(* Chất khoáng dùng trong kỹ thuật vô tuyến.)*

Poem

James Tate

The angel kissed my alphabet,
it tingled like a cobweb in starlight.
A few letters detached themselves
and drifted in shadows, a loneliness
they carry like infinitesimal coffins
on their heads.

She kisses my alphabet
and a door opens: blackbirds roosting
on far ridges. A window peeper

under an umbrella watches
a funeral service. Blinkered horses
drum the cobblestones.

She kisses: Plunderers gather
in a lackluster ballroom
to display their booty. Mice
testify against one another
in dank rodent courtrooms.

The angel kisses my alphabet,
she squeezes and bites,
and the last lights flutter,
and the violins are demented.
Moisture spreads across my pillow,
a chunk of quartz thirsts
to abandon my brain trust.

(The Norton of Modern and Contemporary Poetry. Vol. 2)

**Hỏi: Nhìn thấy một bài thơ thì dễ nhưng định
đánh một bài thơ theo nghĩa thơ, có khó không?**

T.S. Archibald MacLeish:

" Một bài thơ phải sờ được và cảm lạnh

Như trái cây hình cầu,

Cảm

Như những huy chương cũ trên ngón tay,

Im lặng như nút đá hư hao trên tay áo

nơi những đường viền đã mọc rêu-

Một bài thơ phải không lời

Như cánh chim bay.

Một bài thơ phải bắt động trong nhịp điệu

Như mặt trăng lên,

Ra đi, khi trăng tháo gỡ
Từng cành vướng víu cành trên cây đêm,
Ra đi, khi trăng ẩn sau lá mùa lạnh giá.
Từng kỷ niệm hồi tưởng trong tâm tư-
Một bài thơ phải bất động trong nhịp điệu
Như mặt trăng lên.

Một bài thơ không thể đồng nghĩa với:
Không thật.
Tất cả lịch sử của khổ đau
Như ô cửa trống rỗng cùng chiếc lá phong.
Cho tình yêu
Cộng cỏ ngả nghiêng và hai đóm sáng trên biển--
Một bài thơ không nên có nghĩa
Nhưng là thơ."

Ars Poetica

Archibald MacLeish

*A poem should be palpable and mute
As a globed fruit,
Dumb
As old medallions to the thumb,
Silent as the sleeve-worn stone
Of casement ledges where the moss has grown--
A poem should be wordless
As the flight of birds.*

*A poem should be motionless in time
As the moon climbs,
Leaving, as the moon releases
Twig by twig the night-entangled trees,
Leaving, as the moon behind the winter leaves,
Memory by memory the mind--*

*A poem should be motionless in time
As the moon climbs.*

*A poem should be equal to:
Not true.
For all the history of grief
An empty doorway and a maple leaf.
For love
The leaning grasses and two lights above the sea--
A poem should not mean
But be.*

Hỏi: Theo ông, thơ là như thế nào?

T.S. William Carlos William:

*" Như con mèo
trèo lên
đầu tủ*

*chứa đầy đồ đạc
thoạt tiên bằng chân trước
bên phải*

*thận trọng
rồi bỏ chân sau
xuống*

*vào trong lỗ
trống
của chậu hoa "*

Poem

William Carlos Williams

*As the cat
climbed over
the top of
the jam closet
first the right
forefoot
carefully
then the hind
stepped down
into the pit of
the empty
flowerpot*

Hỏi: Thế nào là bài thơ hay?

T.S. Tom Zart:

*" Một bài thơ hay vẽ bức tranh
Có cả tâm tình và trí tuệ
Không cần viết lần thứ hai
Chứng tỏ ý nghĩa rõ rệt.*

Bài thơ hay như hoa

Hoa Huệ hay hoa Hồng.

Thượng Đế trồng trong trí thi sĩ

Cho thẩm mỹ mọc lên.

Bài thơ hay như chim Hồng tước

mang thai với bài ca

*Bạn không thể không nghe tiếng hót
như hát ca điều gì đúng sai.*

Bài thơ hay làm ta nhớ lại

*Những vui sướng trong đời
Khiến chúng ta muốn yêu thương người
Cho đến lúc chết đến gõ cửa."*

A Good Poem

Tom Zart

*A good poem paints a picture
For both your heart and brain.
It doesn't need a second chance
To make its meaning plain.
A good poem is like the flower
The lily or the rose.
God plants it in a poet's brain
And there its beauty grows.
A good poem like a cardinal
Is pregnant with song
You can't help but hear its message
As it sings what's right or wrong.
A good poem helps us remember
What the joys of life are for
It makes us want to love someone
Till death comes knocking at our door*

**Hỏi: Khi nói đến làm thơ, dường như có chút gì
huyền bí. Ông có thể nói gì về làm thơ không?**

T.S. Naoshi Koriyama:

*" Bận rộn
bột
của kinh nghiệm
với
men
của cảm hứng
rồi nhào lộn thật kỹ
với lòng tử tế*

sau đó, hãy đập mạnh
hết sức
rồi để yên
cho đến khi
bột nở lớn
bằng sức phồng bên trong
lúc đó
nhào trộn lần nữa
rồi
tạo hình
đưa vào khuôn tròn
nướng
trong lò
giữa trái tim " (9)

A Loaf of Poetry
Naoshi Koriyama

you mix
the dough
of experience
with
the yeast
of inspiration
and knead it well
with love
and pound it
with all your might
and then
leave it
until
it puffs out big
with its own inner force
and then
knead it again

*and
shape it
into a round form
and bake it
in the oven
of your heart*

Hỏi: Còn bà, bà nghĩ sao?

T.S. Judith Pordon:

*"Chỉ những chữ không sáng bóng
là chữ mới.*

*Chúng xuất hiện cháy bùng
theo cơn gió đến vội.*

*Chụp lấy chúng bằng cây bút
trong những khoảng trống giữa bước đi.*

*Sáng tác lúc chuyện trò
chờ đợi*

*với mực bằng máu,
trong những lúc một mình,
hãy trần trụi
trước trang giấy trắng."*

Composer Uncomposed

Judith Pordon

*The only words that matte
are new.*

*They arrive in flares
on rushing breezes.*

*Snag them with a pen
at odd intervals in mid-stride.*

*Composed during conversations
wait
with ink in your blood,*

*for moments alone,
to be bare
before blank pages*

Hỏi: Người ta hôm nay nói thơ là nghệ thuật của ngôn ngữ, nghệ thuật về chữ nghĩa. Nhưng dường như không chỉ vậy, có phải thơ còn là nghệ thuật trong và ngoài chữ nghĩa?

T.S. Karen Swan-Fitch:

*" Chữ thơ là y phục, tôi cởi giữa đêm khuya
bỏ từ ngưỡng cửa đến chân giường
đặt nhiều động từ dọc cầu thang
làm việc này khi leo 12 bậc cấp lúc 2 giờ sáng
bỏ lại một nguyên âm gần bàn chải đánh răng
tôi luộm thuộm về cấu răng và biểu tượng
treo chuỗi ngọc trai ẩn dụ trên thành gương soi
gần giống như vậy trong bồn rửa
cần tẩy giặt chùm thơ khô hài
trong rương quần áo đầy vắn & nhịp cần may vá
cởi giày,
sắp một chồng tạp âm
quấn tôi vào chiếc mền thơ trữ tình đồ đậm
kẹp tóc lên cao bằng thơ Hải Cú
tìm chỗ nghỉ ngơi cho thi sĩ trần trụi
trong cũi riêng tôi thấp lên ngọn nến
bài thơ sestina (*) sáng ngọn lửa hồng."*

() Sestina: Thể thơ 6 đoạn, mỗi đoạn có 6 câu.*

I Leave Bits of Me Everywhere

Karen Swank-Fitch

*poem-words are my clothing, stripped late at night
a trail from the threshold to the foot of bed
along the stairs lay verbs
the actions i need to climb twelve steps at 2 am
a vowel left adjacent to toothbrush
i get sloppy with tartar and allusions
over the cornice of mirror, hangs a strand of pearly metaphors
a simile in my sink
a limerick needing to be laundered
the clothes hamper is full of rimes & meters in want of mending
kick off the shoes,
make a pile of cacophony
wrap myself in the plum flannel of sonnet
hair up-tied with haiku
find the resting place for naked poet...
in ambiance i light a candle
a sestina goes up in flames*

**Hỏi: Trong nhạc có thơ; Trong thơ có nhạc.
Không ai có thể chối cãi nhạc điệu là một phần
tử căn bản của thơ. Nhạc trong thơ là nhạc như
thế nào, xin ông cho biết?**

T.S. Rod E. Kok:

" Phía sau nhẹ nhàng

nhạc vang lên.

Ca sĩ cất lời

khiến thánh giả

cảm nhận... đôi điều.

Tâm tình dâng theo

tiếng ca trầm bổng,

điệu hát ám ảnh,

*giai điệu, hòa âm;
lời nhập vào thâm tâm.*

*Hợp âm tạo ra sinh lực
vang thấm vào lòng người.*

*Làm sao biết được, những nốt nhạc
sống trong tim, ngụ trong lòng.*

*Viết lời theo nhạc điệu
là điều sáng tác cần.*

*giai điệu nào gây ấn tượng?
Điệu ca hay đoản ca,
có cảm hóa được lòng thính giả?*

*Lời thơ hiện lên khung nhạc
ghi nốt nửa, nốt tròn, (1)
nốt kép đơn, nốt kép đôi. (2)
Trên vạch cao, vạch thấp,
vẫn không đổi thay
âm sắc trong lời hát
giai điệu vẫn hài hòa.*

*Lúc ngưng. Lúc lấy hơi. Lúc hát.
Mạnh lên! mạnh hơn!*

*Lắng nghe, khao khát
nỗi đam mê âm thanh
từ tiếng hát riêng mình.*

*Tình đôi ta ràng buộc
qua tâm sự lời ca.*

*Hát cho tình yêu, hát cho mơ ước.
Hát với nụ cười.
Diễn tả tự đáy tim.*

*Viết bài ca,
nói từ tâm cảm
ngôn ngữ tự thân là âm nhạc."*

Words Are Music

Rod E. Kok

*Softly in the background
the music played.
Singers sang the words
that made the people
feel...something.
Emotion brought on by
different voices,
the haunting tunes,
melody and harmony;
words that cut to the quick.*

*Chords were made alive
resonating through us all.
We didn't know that the notes
lived in us, through us.
Put your words to music
is what the writer wrote.
What notes need to be struck?
A dirge or ditty,
how will it sound to those who hear?
What you say shows the bar
filled with halves and wholes,
quarters and eighths.
Lines up, lines down,
it doesn't change the sound
of our words or the tune
that accompanies them.
Rest. Breathe. Sing.
Forte! Double forte!
We long to be heard,
our passion is the sound
of our own voice.
Our love is tied
to what we speak.
Sing of love, of desire.
Sing with a smile.
Speak from the heart.
Write your song,
speak your heart.
Our words are music.*

Hỏi: Nói nghệ thuật là phải nói đến sáng tạo. Riêng nghệ thuật làm thơ đòi hỏi sáng tạo phải nhạy cảm, sắc bén, rõ ràng và nhấn mạnh. Quý vị nghĩ sao về quan điểm này?

T.S. Louisa DeBoo:

"Trang giấy trắng trống vắng

Khiêu khích tôi

Bốn góc nghinh chiến

Nhiều vùng hoang dã cần thăm dò...

Cây bút căng đầy mực chực sẵn.

*Tôi không ngừng theo dõi, không ngừng tìm kiếm
nhân vật, những gì*

xảy ra trước mặt,

Vội vàng chớp bắt giữ chặt

những nhận xét không lý do, bỏ những thứ còn lại

Dường như, không có gì mới mẻ

Không vắn điệu bất thường,

Không thông thái lóe sáng

chạm vào tôi

như tôi chạm vào chúng....

Ngưng bút. Không dùng nữa...

Trang giấy trống trắng tinh

hét lên trong im lặng xấu hổ.

Bốn góc đóng khung
Lãnh thổ bất sở dụng, vô thừa nhận."

Unclaimed Territory

Louisa DeBoo

*The empty white blank page
Issuing a challenge to me
Four corners squaring off
Unknown regions to be explored...
My pen is primed and ready.
I watch endlessly, searchingly
the people, the events
passing by
Faces, quick frozen snapshots
Idle comments, left hanging
Nothing seems, nothing feels new
No whimsical rhymes, no flashes of wisdom
Reaching out to me...
nor I to them...
I retire my pen. Unused.
The empty white blank page
Shouts with shaming silence.
Four corners framing
Untouched, unclaimed territory.*

**Hỏi: Ông thường dùng nhiều Ẩn dụ trong thơ.
Xin cho vài ẩn dụ về sáng tạo?**

T.S. William Carlos Williams:

"Hãy như con rắn mai phục
trong cỏ dại
như viết lách
rình chờ chữ nghĩa, từ tốn mà nhanh nhẹn,
bất ngờ tấn công, nín lặng đợi chờ,
canh thức.
-- dùng ẩn dụ để nối kết

giữ người và đá.

Sáng tác. (Không phải ý tưởng

mà về sự vật sáng tạo!

Như cỏ Tai Hùm nở hoa

nứt đá "

A Sort of Song

William Carlos Williams

Let the snake wait under

his weed

and the writing

be of words, slow and quick, sharp

to strike, quiet to wait,

sleepless.

-- through metaphor to reconcile

Hỏi: Ít khi có ý tưởng nào hoàn toàn mới trong thời đại hôm nay. Như vậy, sáng tạo thì không thể cũ nhưng cũng không có mới. Có người cho rằng sáng tạo trong thơ là sự đồng dạng nhưng không giống. Điều này nói lên sự sáng tạo nằm trong cách diễn đạt. Bà thấy như thế nào?

T.S. Judith Pordon:

"Những trang giấy trắng đẹp

hôn vào

trí tưởng tượng

bằng trải nghiệm

đòi hỏi chi tiết xác thật.

Những dòng chữ đen băng qua

dây căng mỏng mảnh,

chùng xuống
không chao đảo
ngang vực sâu, gió thổi vô hình.

Những trang giấy trắng đẹp
hứa hẹn
phản ánh hồn ta.
Những bút pháp cao cả nhất
về bóng tối bên trên ánh sáng."

Blank Beauty
Judith Porton
*Beautiful blank pages
kiss our
imaginations
with backgrounds
that demand precision.
Our black letters cross
on tightrope lines,
curving
without wavering
across deep, invisible currents.
These beautiful blank pages
are promises of our
reflections.
Our gentlest strokes
of darkness upon light.*

Hỏi: Theo như câu trả lời của thi sĩ Neruda, thơ đến tình cò không báo trước và hầu như thi sĩ không có khả năng kiểm soát thơ Như vậy, sáng tác thơ, phải chăng là một nghệ thuật tự nhiên?

T.S. Robert Duncan:

"Không phải do tình tình tốt xấu

đưa đẩy làm thơ. "Thơ hiện hình
và chết
chỉ như hoa nở mỗi năm
trên đá."

Bài thơ
được ý tưởng, tâm tình nuôi dưỡng, thôi thúc,
rồi tự phát tự sinh
từ tâm linh khẩn thiết lúc không ngờ dâng lên bí ẩn.

Nỗi đẹp này trong nội tâm kiên trì
hướng về nguồn cội
lội ngược dòng nước lũ trên sông,
một lời gọi ta nghe rồi đáp lại
trong muện màng của cõi sống
ban sơ găm lên
cho cõi đời hôm nay thấy mùa xuân đến,

cá hồi không sống trong nước giếng
nơi trái phỉ rụng rơi
nhưng trái rơi xuống chạm, không tiếng vang,
vô tình tạo sóng.

Hình ảnh này phù hợp cho tâm tình.

Thứ hai: họa sĩ Stubbs vẽ con nai, (*)

*chiếc sừng lớn đất giá năm rồi
rơi nơi nào trên đất.
Bài thơ mang về mặt con nai mất sừng
vừa chồi lên sừng mới
vẫn như vậy,*

" một chút nặng nề, một chút xếp đặt "

*Nét đẹp của nó
là toàn diện con nai."*
(*) George Stubbs (1724-1806)

Poetry, a Natural Thing

Robert Duncan

*Neither our vices nor our virtues
further the poem. "They came up
and died
just like they do every year
on the rocks."
The poem
feeds upon thought, feeling, impulse,
to breed itself,
a spiritual urgency at the dark ladders leaping.
This beauty is an inner persistence
toward the source
striving against (within) down-rusher of the river,
a call we heard and answer
in the lateness of the world
primordial bellowings
from which the youngest world might spring,
salmon not in the well where the
hazelnut falls
but the falls battling, inarticulate,
blindly making it.
This is one picture apt for the mind.
A second: a moose painted by Stubbs,*

*where last year's extravagant antlers
lie on the ground.
The forlorn moosey-faced poem wears
new antler-buds,
the same,
"a little heavy, a little contrived"
his only beauty to be
all moose.
(The Norton Anthology of Modern and Contemporary Poetry.
Vol. 2 Contemporary Poetry.)*

Hỏi: Ông là người vừa làm thơ vừa biên khảo về thơ. Ông có thể cho biết một bài thơ thông thường thành hình ra sao không?

T.S. O'Hara:

*"Tôi không phải họa sĩ. Tôi là thi sĩ.
Tại sao? Tôi muốn làm họa sĩ hơn,
nhưng không được.*

*Thế này, chẳng hạn, Mike Goldberg
bắt đầu vẽ bức tranh. Tôi ghé ngang.
"Ngồi chơi, uống một ly nha" anh nói.
Tôi uống; hai đứa uống. Tôi nhìn lên.
"Anh vẽ cá mèi trong tranh."
"Ừ, cần có hình gì ở đó." "Hừm."
Tôi từ giã và tháng ngày trôi qua
Ghé ngang lần nữa. Tranh còn đang vẽ.
Tôi đi và tháng ngày trôi qua.
Ghé lại. Bức tranh hoàn tất.
"Bây cá mèi đâu?" Chỉ thấy chữ.
"Nhiều hình quá" Mike trả lời.*

Còn tôi? một hôm nghĩ đến màu sắc:
 Vàng cam. Tôi viết thử câu về màu vàng.
 Chẳng mấy chốc, không chỉ vài câu, chữ đầy trang
 giấy.
 Rồi thêm trang nữa. Có thể nhiều thật nhiều,
 không vì màu vàng, vì chữ, vì màu vàng thật dễ sợ
 và đời sống. Nhiều ngày qua, bài viết trở thành văn
 xuôi.
 Tôi quả thật là thi sĩ.
 Thơ viết xong vẫn chưa nhắc đến màu vàng.
 Tất cả mười hai bài, đặt tên là Vàng Cam.
 Rồi một ngày trong phòng triển lãm
 Tôi thấy bức tranh của Mike, đề tựa "Cá Mòi" (14)

Why I am Not A Painter
O'Hara

I am not a painter, I am a poet.
Why? I think I would rather be
a painter, but I am not. Well,
for instance, Mike Goldberg
is starting a painting. I drop in.
"Sit down and have a drink" he
says. I drink; we drink. I look
up. "You have SARDINES in it."
"Yes, it needed something there."
"Oh." I go and the days go by
and I drop in again. The painting
is going on, and I go, and the days
go by. I drop in. The painting is
finished. "Where's SARDINES?"
All that's left is just
letters, "It was too much," Mike says.
But me? One day I am thinking of
a color: orange. I write a line

about orange. Pretty soon it is a whole page of words, not lines. Then another page. There should be so much more, not of orange, of words, of how terrible orange is and life. Days go by. It is even in prose, I am a real poet. My poem is finished and I haven't mentioned orange yet. It's twelve poems, I call it ORANCES. And one day in a gallery I see Mike's painting, called SARDINES

Hỏi: Cảm Xúc của ông như thế nào khi làm thơ?

T.S. Mark Strand:

*" Mực chảy ra khóe miệng.
Không ai được hạnh phúc như ta.
Tôi ngẫu nhiên thi ca.*

*Quản thủ thư viện nhìn thấy, không tin được.
Đôi mắt trở nên u buồn
bà bỏ đi dấu hai tay vào áo.*

*Những bài thơ tiêu tan.
Đèn mờ tối.
Bầy chó dưới hầm chạy lên.*

*Những con mắt láo liên,
những đôi chân lông vàng gấp rút lướt nhanh.
Bà quản thủ bắt đầu giậm chân rồi khóc.*

*Không thể nào hiểu được
Khi tôi quỳ xuống liếm bàn tay
Bà rú lên.*

*Tôi là người mới
Tôi gặm gù rồi sửa
Tôi vui mừng đùa giỡn trong âm u kinh sách."*

Eating Poetry

Mark Strand

*Ink runs from the corners of my mouth.
There is no happiness like mine.
I have been eating poetry.
The librarian does not believe what she sees.
Her eyes are sad
and she walks with her hands in her dress.
The poems are gone.
The light is dim.
The dogs are on the basement stairs and coming up.
Their eyeballs roll,
their blond legs bum like brush.
The poor librarian begins to stamp her feet and weep.
She does not understand.
When I get on my knees and lick her hand,
she screams.
I am a new man.
I snarl at her and bark.
I romp with joy in the bookish dark.*

Hỏi: Làm thế nào để thưởng thức thơ?

T.S. Eve Merriam:

*" Không cần lịch sự.
Cắn nhai.
Bốc thơ lên bằng tay rồi liếm*

nước rịn chảy xuống trên cằm.

Bây giờ thơ đã chín mùi, bất cứ lúc nào bạn muốn.

Không cần dao, nĩa, muỗng

hoặc đĩa, khăn tay, khăn bàn.

Những thứ không có ruột

hoặc cuống

hoặc vỏ

hoặc sâu

hoặc hạt

hoặc da

hãy vứt đi."

How To Eat a Poem

Eve Merriam

Don't be polite.

Bite in.

*Pick it up with your fingers and lick the juice that
may run down your chin.*

It is ready and ripe now, whenever you are.

*You do not need a knife or fork or spoon
or plate or napkin or tablecloth.*

For there is no core

or stem

or rind

or pit

or seed

or skin

to throw away.

***Hỏi: Thường ngoạn luôn luôn là vấn đề sống còn
của thơ. Ông nghĩ gì về thường ngoạn?***

T.S. Billy Collins:

" Tôi yêu cầu họ lấy bài thơ
đưa cao lên ánh sáng
như âm bản sắc màu
hoặc kê tai nghe sát tổ ong

Tôi đề nghị thả chuột vào bài thơ
theo dõi chuột tìm đường trốn thoát,
hoặc đi vào phòng thơ
mò lên tường tìm chỗ bật đèn sáng.

Tôi muốn họ lướt sóng
bằng ngang mặt bài thơ
vẫy chào tên tác giả trên bãi cát.

Nhưng họ chỉ muốn
cột bài thơ vào ghế bằng dây thừng
rồi tra khảo lấy lời khai thú nhận.

Họ bắt đầu đánh thơ bằng dây ống
để tìm hiểu thơ thật sự là gì.

**Introduction to Poetry
Billy Collins**

*I ask them to take a poem
and hold it up to the light
like a color slide*

or press an ear against its hive

*I say drop a mouse into a poem
and watch him probe his way out,*

*or walk inside the poem's room
and feel the walls for a light switch.*

*I want them to waterski
across the surface of a poem
waving at the author's name on the shore.*

*But all they want to do
is tie the poem to a chair with a rope
and torture a confession out of it.*

*They begin beating it with a hose
to find out what it really means.*

Hỏi: Ngày xưa, người ta yêu mến thơ và quý trọng thi sĩ. Chẳng hạn ở Nga thời trước, khi thi sĩ đọc thơ nơi công cộng, có thể qui tụ cả ngàn người đến nghe. Ở Âu Châu, có lúc người ta kính trọng thi sĩ như các nghị sĩ. Cô là một thi sĩ trẻ của thời đại, cô nghĩ gì về vị trí của thơ trong xã hội hiện nay?

T.S. Christena Williams:

"Này anh bán rượu

Hãy rót thêm

Cho tôi ra về cửa sau, khật khưỡng

Cho cảnh sát

Ngửi mùi cay trong nhịp điệu nhạc Blue

Đang nhào lộn với diễn cảm tài hoa sáng tạo

Hãy còng tay vì tôi chịu đựng lạnh căm

Kiểm tra hơi thở thi sĩ say ợ trào nước bọt

*Phun phì phèo chữ nghĩa với điệu thơ
Tổ ra chế diễu
Hãy phạt tôi tội say sưa
nói năng náo loạn
Trước mặt quan tòa
Tôi nhận tội
Hình phạt tạm giam phù hợp thi ca
Tường trống tôi sáng tác
Vẽ lên những ý tưởng tù nhân
Roi sơn màu bằng điển tả thơ mộng*

*Này anh bán rượu
Hãy rót nữa
Đến khi ly tràn ra ngoài
Tôi uống mãi chưa say
Hãy để rượu ngấm vào kinh mạch, nhập vào phổi
Trở thành DNA thực sự của tôi
Hãy để rượu chảy trong huyết mạch
Tan vào tim óc
Hãy để rượu thôi miên giấc mơ
Tôi uống thơ và mùi vị tuyệt vời."*

I Drank Poetry
Christena Williams
Bartender
Pour me some more
Let me stumble through the back door
Let the police
Smell the poignant aroma of rhythm and blues

*Collide with my Genius creative expression
Handcuff me for resisting being silent
Check my breath for the bubbles of a drunken poet
Spitting up words and rhymes
Expressively with profanity
Charge me with intoxication
Verbal sensation
Before the judge
I plead guilty
Poetic confinement recommended
On the wall I write art
Painting out the graffiti of the prisoner's thoughts
And colouring with poetic expressions*

*Bartender
Pour me some more
Until my cup overflows just can't get enough
Let this liquor become embedded in my arteries and lungs
Let it be in my very DNA
Let it flow through my blood and veins
Through my heart and mind
Let it be hypnosis for my dreams
I drank poetry and it tasted delicious.*

(Trích The dVerse Anthology. Voices of Contemporary World Poetry. Edited by Frank Watson.)

Hỏi: Đọc thơ khó hơn đọc các loại văn chương khác. Đôi khi còn khó hơn đọc sách triết học. Theo ông, nên đọc cách nào?

T.S. Ellen Wade Beals:

" Tôi thú nhận,
thường ngủ với sách vở,
giữa bìa sách mở ra chờ đợi -
chúng vẫy tay,
như lá cây dao động
như đám lười thụt thò.
Ồi, những gáy chữ nổi sờ khoan khoái.

Những sách hào nhoáng chỉ tốt cho một đêm.
Cũ nhẵn, hôi thuốc lá,
thường xuyên mượn đọc bị nhàu nát.
Những sách này dành cho bất cứ ai,
xin lỗi, có lẽ vì khó tính,
đọc xong nên trả lại.

Túi khôn nhân loại cho cảm nhận hay đẹp lạ thường,
những sách khác có ngôn ngữ chung
của người từng trải
biết kể truyện hay.
Vài sách làm thất vọng -
mùa hè rảnh qua nhanh, đọc
rồi bỏ,
cứ xem như cát
rơi từ chân giày.

Tôi không thể không âu yếm các sách,
vuốt ve những cuốn đáng yêu,
hôn hít từng chữ.
Sau khi đọc sách hay, tôi mệt nhoài.
Nằm phanh ngực,
lắng nghe nhịp tim
trong khi thu nhận thêm những gì hay từ sách."

Between The Sheets

Ellen Wade Beals

*I confess,
to sleeping with books,
covers spread open and waiting -
they beckon,
a fluttering of leaves
like lapping tongues.
Oh, their smooth embossed spines.*

*The tawdry ones are good for a night.
Rumpled, smelling of smoke,
usually borrowed and broken.
They're anybody's book,
sorry, sticky maybe,
used and returned.*

*The worldly wise leave an exotic taste,
others have the common language
of guttersnipes but
provide good tale.
Some disappoint -
summer flings, read
and dismissed,
important as the sand
shaken from my shoe.*

*I can't help but embrace them all,
stroking the ones I love,
smelling their words.
After a good read, I'm bushed.
Lying across my chest,
the latest listens to my heartbeat
while I taken in what else it says.*

Hỏi: Vì sao bà trở thành thi sĩ?

T.S. Eve Merriam:

*" chọn chiếc lá trên cây
vẽ lại hình thật kỹ
đồ theo dạng bên ngoài*

và những gân bên trong

ghi nhớ cách lá mọc từ cành
(và cách cành mọc cong từ nhánh)
nó nảy chồi thế nào trong tháng Tư
hoàn toàn rụng rồi thế nào vào tháng Bảy

cuối tháng Tám
vò nát lá trong tay
để ngửi mùi cuối hè buồn bã
nhai cọng lá cứng
nghe tiếng thu ào ào
tháng 11 nhìn lá phơi pha trong gió

rồi mùa đông đến
khi không còn chiếc lá nào
hãy sáng tạo một chiếc."

Reply to the Question: How Can You Become a Poet?

by Eve Merriam.

take the leaf of a tree
trace its exact shape
the outside edges
and inner lines
memorize the way it is fastened to the twig
(and how the twig arches from the branch)
how it springs forth in April
how it is panoplied in July
by late August
crumple it in your hand
so that you smell its end-of-summer sadness
chew its woody stem

*listen to its autumn rattle
watch it as it atomizes in the November air
then in winter
when there is no leaf left
invent one*

Hỏi: Thi sĩ là người như thế nào?

T.S. Tadeusz Rosewicz:

*" thi sĩ là người sáng tác thơ
cũng là người không sáng tác thơ*

*thi sĩ là người tháo bỏ cùm xích
cũng là người tự đóng gông mình*

*thi sĩ là người tự tin
cũng là người mất tự tin*

*thi sĩ là người nói dối
cũng là người nghe nói dối*

*thi sĩ là người nghiêng mình chờ ngã
cũng là người tự mình đứng lên*

*thi sĩ là người cố gắng bỏ đi
cũng là người không thể rời bước "*

Who is a Poet

Tadeusz Rosewicz

(translated from the Polish by Magnus Krynski and Robert

Maguire)

*a poet is one who writes verses
and one who does not write verses
a poet is one who throws off fetters
and one who puts fetters on himself
a poet is one who believes
and one who cannot bring himself to believe
a poet is one who has told lies
and one who has been told lies
one who has been inclined to fall
and one who raises himself
a poet is one who tries to leave
and one who cannot leave*

Hỏi: Còn ông, nghĩ thế nào khi làm thi sĩ?

T.S. Jaroslav Vrchlicky:

*" Đã từ lâu sự sống dạy tôi
nhạc và thơ
là những gì đẹp nhất trên đời
mà ta được trao tặng.
Dĩ nhiên, ngoại trừ tình yêu.*

*Trong sách giáo khoa cũ
xuất bản bởi Imperial Printing House
năm Vrchlicky qua đời
Tôi tìm phần thi pháp
và thơ tiêu biểu .*

*Rồi tôi cắm cành hồng vào bình hoa
thấp ngọn nến
rồi khởi đầu viết câu thơ đầu tiên.*

*Bùng cháy, chữ bốc lửa,
vút lên cao,
cho đến ngón tay cầm bút cũng bỏng!*

*Một ẩn dụ kinh ngạc mang giá trị cao hơn
chiếc nhẫn trên ngón tay.
Nhưng ngay cả tự điển Puchmajers Rhyming
tôi cũng không sử dụng.*

*Vô ích, tôi tóm bắt ý tứ
và nhắm mắt sôi sục
lắng nghe ma lực từ dòng thơ đầu tiên.
Nhưng trong bóng tối, thay vì chữ nghĩa,
Tôi thấy người phụ nữ cười
và tóc bay trong gió.*

*Đó là số mệnh của tôi.
Luôn luôn lao đảo về phía đàn bà,
hút hơi suốt cả đời."*

To Be a Poet
Jaroslav Vrchicky
*Life taught me long time
that music and poetry*

are the most beautiful things on earth
that life can give us.
Except for love, of course.
In an old textbook
published by the Imperial Printing House
in the year Vrchlicky death
I looked up the section on poetics
and poetic ornament.
Then I placed a rose in a tumbler
lit a candle
and started to write my first verses.
Flare up, flame of words,
and soar,
even if my fingers get burned!
and startling metaphor is worth more
than a ring on ones finger.
But not even Puchmajers Rhyming Dictionary
was any used to me.
In vain I snatched for ideas
and fiercely closed my eyes
in order to hear that first magic line.
But in the dark. instead of words,
I saw a woman smiles and
wind-blown hair.
That has been my destiny
And I've been staggering towards it breathlessly
all my life.

**Hỏi: Có lẽ khắp thế giới, ngày nào cũng có người
bắt đầu làm thơ. Làm sao nhận ra một thi sĩ mới,
đúng nghĩa?**

T.S. Linda Pastan:

"Tìm một thi sĩ mới
như tìm bông hoa lạ hoang dã
trong rừng rậm. Bạn không thấy

tên loài hoa trong sách hoa,
không ai tin lời bạn kể

về màu sắc khác thường hoặc dạng

*lá mọc dài lan rộng thành hàng
xuống tận cùng trang giấy. Thực tế
mỗi trang đều tỏa mùi rượu đỏ*

*tràn lan và mùi mốc đại dương
trong ngày sương mù - mùi của sự thật
và giả dối.*

*Chữ nghĩa vốn đã cũ quen,
muốn cho mới lạ, chữ nghĩa
hầu như bạn phải tự chế, mơ mòng*

*trong chiêm bao có bút chì,
bút mực hoặc giả một cây cọ,
để ước ao nở một bông hoa."*

A New Poet

Linda Pastan

*Finding a new poet
is like finding a new wildflower
out in the woods. You don't see
its name in the flower books, and
nobody you tell believes
in its odd color or the way
its leaves grow in splayed rows
down the whole length of the page. In fact
the very page smells of spilled
red wine and the mustiness of the sea
on a foggy day - the odor of truth
and of lying.*

*And the words are so familiar,
so strangely new, words
you almost wrote yourself, if only
in your dreams there had been a pencil
or a pen or even a paintbrush,
if only there had been a flower.*

Hỏi: Có rất nhiều người trẻ đang bước vào con đường sáng tác, ông có lời khuyên nào cho họ không?

T.S. Al Young:

"Hãy sống văn vẻ ()
nhưng đừng ngụp lặn quá lâu
Đừng trở thành chuột chũi
hoặc giun trùn
hoặc rễ cây
hoặc sỏi đá*

*Hãy bước ra ánh sáng mặt trời
Hít thở như cây
Chạm trán với núi
Đàm luận với rắn
& trở thành chim đầu đàn*

*Đừng quên hát mặt ngẩng lên
& chớp mắt
Trầm tư
Chu du
Bơi ngược dòng nước*

Đừng quên phải bay "

(*) Văn: Nghĩa văn vẻ, là làm cho đẹp thêm lên.
Thuộc chữ Văn Chương.

文章

For Poets

Al Young

Stay beautiful (1)

but don't stay down underground too long

Dont turn into a mole

or a worm

or a root

or a stone

Come on out into the sunlight

Breathe in trees

Knock out mountains

Commune with snakes

& be the very hero of birds

Don't forget to poke your head up

& blink

Think

Walk all around

Swim upstream

Dont forget to fly

Hỏi: Còn ông, nên khuyên ra sao?

T.S. Ron Koerte:

*" Đừng ngồi nghiêm chỉnh trước bàn viết. Hãy rời
nhà hay chung cư. Ra ngoài đời sống.*

*Mang theo sổ ghi chép, cũng được, tốt nhất
nên rỏ tiền, bên trong giấy màu trà cũ
bìa trước có hình mèo con hoặc phi thuyền.*

Tránh những nơi có nhiều hơn
ba người mặc áo cổ lọ. Đề phòng
những nhà gỗ trong bãi tuyết có dấu chân nai
băng ngang sân quần vợt phủ vải.

Đừng ngạc nhiên, thư viện là nơi dễ viết lách.
Chỗ tốt nhất trong thư viện ở cạnh lối đi
có trẻ con chừng một hay hai tuổi đùa giỡn
trong khi bà mẹ xem qua hàng ngũ người chết.

Đứa bé thường kéo những sách xếp hàng dưới
cùng.
Tựa sách, tên tác giả, hình sâu sắc trên bao bì,
đều không có ý nghĩa.
Sách đỏ chồng sách đen,
sách xám, chồng sách nâu,
đứa bé xây sách lên cao.
Càng cao chừng nào, nó càng cười toe toét.

Bạn muốn hỏi lời khuyên, hãy nghe điều này: Khi
nhà lâu
sụp đổ, cứ giống như đứa bé. Cười thật to, mọi
người
trên cõi đời cau mày, ra dấu: "Xuyt."

Rồi bắt đầu trở lại."

Do You Have Any Advice For Those of Us Just Starting Out?

Ron Koertge

Give up sitting dutifully at your desk. Leave your house or apartment. Go out into the world.

It's all right to carry a notebook but a cheap one is best, with pages the color of weak tea and on the front a kitten or a space ship.

Avoid any enclosed space where more than three people are wearing turtle-necks. Beware any snow-covered chalet with deer tracks across the muffled tennis courts.

Not surprisingly, libraries are a good place to write.

And the perfect place in a library is near an aisle where a child a year or two is playing as his mother browses the ranks of the dead.

Often he will pull books from bottom shelf.

The title, the author's name, the brooding photo on the flap means nothing. Red book on black, gray book on brown, he builds a tower. And the higher it gets, the wider he grins.

You who asked for advices, listen: When the tower falls, be like that child. Laugh so loud everybody in the world frowns and says, " Shhhh."

Then start again.

Hỏi: Với vai trò chủ bút nhiều kinh nghiệm, ông có thể chia sẻ với những người mới viết về những khiếm khuyết trong bài thơ không?

T.S. Jerry Martien:

" Có bài thơ cần
tự cứu chữa.
Thơ quá cũ.
Chữ nghĩa chết khô.
Từ lâu
đã ngưng sử dụng.
Bạn tự hào
giữ nó
dù bị phế bỏ
bởi chính
sự tàn tích và bất lực của nó.

Những chữ ở đây
chết ngàn năm cũ.

Chúng hợp đoàn
với những sinh vật khác
nói năng
với gió
xây ra bên trong
lá cây.

Những chữ này
khi nói đến
là một rừng cổ hủ.

Vài chữ
họ dùng
không còn sinh tồn.
Chân lý. Tình yêu.
Lòng trắc ẩn nhân sinh.
Ê -
gọi tổng đài.
Hốt chúng đổ vào xương máy.

Rồi nói--
Phải chăng đây là một chút
khôn ngoan của nhân loại
giữa chữ nghĩa này?
Và dưới kia phải chăng
con chuột đào lỗ chôn
ý nghĩa
vào xác rữa và hóa trang mới
một văn hóa xa xưa
nên biết nói, Đủ rồi--
đừng lấy những gì
bạn không hề sáng tạo
và không thể trả lại.

Máu đổ ở đây.
Con cú đang ăn con chuột.

Có sức sống ở đây.
Những chữ này
núp trong cây lần nữa.

Những gì xảy ra
cho chữ nghĩa
xảy ra cho rừng cây.

Những gì xảy ra cho rừng cây
xảy ra
cho chúng ta.

Lẽ ra chúng ta nên chặt bỏ
đổi trá thay vì đốn cây rừng."

Salvage This
Jerry Martien

*This poem needs to be
saved from itself.
It is way over the hill.
Words on dead wood.
Long ago it
ceased to be profitable.
You would be
keeping it
from being taken
by its own
dark and useless powers.
There are words in here
over a thousand years old.
They have conspired
with other creatures
and been spoken
with air*

*that has been inside
the leaves of trees.
These words
when spoken
are an ancient forest.
Some of the words
they say
are no longer productive.
Truth. Love.
Compassion for all beings.
Hey--
call the operators.
Haul them away to the mill.
But say--
isn't that a trace of
human wisdom
in among those words?
And down there isn't that a
vole digging for buried
meaning in the
decay and duff of a
culture that long ago
knew how to say, Enough--
don't be taking
what you haven't created
and can't pay back.
There is blood here.
An owl is eating the vole.
There is life here.
These words are
inside the trees again.
What happens
to our words
happens to the forest.
What happens to the forest
happens
to us.
We should be cutting
lies instead of trees.*

***Hỏi: Bên lề thi ca luôn luôn có nhiều chuyện thú
vị. Những người liên hệ với thơ luôn luôn có***

nhiều chuyện lạ kỳ. Có thể nào kể cho chúng tôi nghe?

T.S. Mark Strand:

*" 1. Nếu có người am tường về thơ
người đó sẽ gặp nhiều phiền muộn.*

*2. Nếu có người sống với một bài thơ
người đó sẽ chết cô đơn.*

*3. Nếu có người sống với hai bài thơ
người đó sẽ phản bội một bài.*

*4. Nếu có người thai nghén một bài thơ
người đó sẽ có ít hơn một đứa con.*

*5. Nếu có người thai nghén hai bài thơ
người đó sẽ có ít hơn hai đứa.*

*6. Nếu có người đội vương miện khi sáng tác
người đó sẽ bị lật tẩy.*

*7. Nếu có người không đội vương miện khi sáng tác
người đó không dối gạt ai ngoài trừ chính bản thân.*

*8. Nếu có người bực tức vì bài thơ
người đó đáng bị người khác khinh bỉ.*

9. Nếu một người vẫn tiếp tục bức tức vì bài thơ người đó đáng bị đàn bà khinh miệt.

10. Nếu có người công khai phản đối thi ca giày của người đó đáng chứa đầy nước tiểu.

11. Nếu có người rời bỏ thi ca vì quyền lực người đó sẽ được quyền lực thật lớn.

12. Nếu có người khoác lác về thơ của mình người đó sẽ được ngưỡng mộ bởi đám ngu xuẩn.

13. Nếu có người khoác lác về thơ mình và thích thú ngu muội người đó đừng bao giờ viết nữa.

14. Nếu có người thèm muốn được chú ý vì bài thơ của mình người đó như kẻ ngốc nghếch dưới ánh trăng.

15. Nếu có người làm thơ và khen ngợi thơ người khác người đó đáng được có tình nhân tuyệt đẹp.

16. Nếu có người làm thơ và khen ngợi thái quá thơ người bạn người đó nên xua đuổi tình nhân đi xa.

17. Nếu có người nhận thơ người khác làm của mình
trái tim người đó sẽ lớn gấp đôi.

18. Nếu có người để thơ mình trợ trụi
người đó sẽ sợ hãi sự chết.

19. Nếu có người sợ hãi sự chết
người đó đáng được cứu vớt bởi thơ của hắn.

20. Nếu có người không sợ chết
người đó có thể được hoặc không được thơ cứu vớt.

21. Nếu có người làm xong bài thơ
người đó sẽ chiến đấu trong nỗi trống rỗng vừa tỉnh
thức đam mê
và được hôn bởi trang giấy trắng."

The New Poetry Handbook
Mark Strand

1 If a man understands a poem,
he shall have troubles.

2 If a man lives with a poem,
he shall die lonely.

3 If a man lives with two poems,
he shall be unfaithful to one.

4 If a man conceives of a poem,
he shall have one less child.

5 If a man conceives of two poems,
he shall have two children less.

6 If a man wears a crown on his head as he writes,
he shall be found out.

7 If a man wears no crown on his head as he writes,

he shall deceive no one but himself.
8 *If a man gets angry at a poem,*
he shall be scorned by men.
9 *If a man continues to be angry at a poem,*
he shall be scorned by women.
10 *If a man publicly denounces poetry,*
his shoes will fill with urine.
11 *If a man gives up poetry for power,*
he shall have lots of power.
12 *If a man brags about his poems,*
he shall be loved by fools.
13 *If a man brags about his poems and loves fools,*
he shall write no more.
14 *If a man craves attention because of his poems,*
he shall be like a jackass in moonlight.
15 *If a man writes a poem and praises the poem of a fellow,*
he shall have a beautiful mistress.
16 *If a man writes a poem and praises the poem of a fellow*
overly,
he shall drive his mistress away.
17 *If a man claims the poem of another,*
his heart shall double in size.
18 *If a man lets his poems go naked,*
he shall fear death.
19 *If a man fears death,*
he shall be saved by his poems.
20 *If a man does not fear death,*
he may or may not be saved by his poems.
21 *If a man finishes a poem,*
he shall bathe in the blank wake of his passion
and be kissed by white paper.

Hỏi: Trước khi chấm dứt chương trình phỏng vấn, ông có lời gì để gửi đến độc giả?

T. S. James Tate:

" Chào độc giả

Tôi đang tò mò cố mở quan tài quý vị

bằng cánh tuyết nóng bỏng.

Tôi chịu mất ngủ vì quý vị.

Cơn mưa tuyết đông đá triền miên rơi

Tôi nhìn thấy mù mờ.

*Nếu mọ này thành công ta có thể chà đôi tay
với nhau, có thể*

nhóm ngọn lửa

bằng giấy tờ căn cước.

Tôi không biết nhưng tiếp tục làm, tiếp tục làm

một nửa oán ghét quý vị

một nửa bị mặt trắng ăn mòn."

Dear Reader

James Tate.

Dear Reader

*I am trying to pry open your casket
with this burning snowflake.*

I'll give up my sleep for you.

*This freezing sleet keeps coming down
and I can barely see.*

*If this trick works we can rub our hands
together, maybe*

start a little fire

with our identification papers.

*I don't know but I keep working, working
half hating you,
half eaten by the moon.*

T. S. Nikki Giovanni tiếp lời:

*"Quý vị, có bao giờ bị bắt cóc
bởi thi sĩ
nếu tôi là thi sĩ
sẽ bắt cóc quý vị
nhốt vào câu cú và nhịp điệu
đưa quý vị đến với bãi biển
hoặc có thể đến đảo Coney (*)
hoặc có thể chỉ về nhà tôi
viết lời thơ nhập quý vị vào hoa Tử Đinh Hương
nghiền tan vào cơn mưa
pha trộn vào biển cát
để thêm thất phần tôi cảm nhận
tấu đàn Lia cho quý vị nghe
đọc thơ tình
làm mọi cách để thuyết phục
cuốn quý vị vào đồ Đen xanh
khoe với mẹ
đúng rồi, nếu tôi là thi sĩ,
sẽ bắt cóc quý vị."*

() Bãi biển nghỉ mát nổi tiếng mé Đại Tây Dương về phía tây nam của Brooklyn, New York.*

Kidnap Poem

Nikki Giovanni

ever been kidnapped
by a poet
if i were a poet
i'd kidnap you
put you in my phrases and meter
you to jones beach
or maybe coney island
or maybe just to my house
lyric you in lilacs
dash you in the rain
blend into the beach
to complement my see
play the lyre for you
ode you with my love song
anything to win you
wrap you in the red Black green
show you off to mama
yeah if i were a poet i'd kid
nap you

Hỏi: Câu hỏi cuối cùng, nếu tôi cũng muốn làm thơ, phải bắt đầu từ đâu?

T.S. Charles Bukowski:

" nếu thơ không từ trong nỏ ra
mặc kệ tất cả những chuyện khác,

đừng làm thơ.

*ngoại trừ thơ đến, không được mời
bởi trái tim, trí tuệ, miệng mồm
và gan ruột của bạn,
đừng làm thơ.*

*nếu phải ngồi hàng giờ
chăm chăm nhìn màn ảnh vi tính
hoặc còng lưng
trên máy đánh chữ
truy lùng lời lẽ,
đừng làm thơ.*

*nếu bạn sáng tác vì muốn chinh phục
phụ nữ lên giường,
đừng làm thơ.*

*nếu bạn phải ngồi một chỗ
viết đi sửa lại nhiều lần,
đừng làm thơ "*

you want to be a writer?

Charles Bukowski

*if it doesn't come bursting out of you
in spite of everything,
don't do it.
unless it comes unasked out of your*

*heart and your mind and your mouth
and your gut,
don't do it.
if you have to sit for hours
staring at your computer screen
or hunched over your
typewriter
searching for words,
don't do it.
if you're doing it for money or
fame,
don't do it.
if you're doing it because you want
women in your bed,
don't do it.
if you have to sit there and
rewrite it again and again,
don't do it.*

Lời cảm tạ của người thực hiện

*Những người làm thơ giàu có, chết, để lại nhiều tiền,
văn chương không nhớ tên.*

*Những người làm thơ có vợ đẹp, chết, để vợ cho
người khác, văn học không ghi tuổi.*

*Những người làm thơ giao tế rộng, chết, ngàn ngàn
người đưa đám, sau đó mộ bia lẳng quên.*

*Những người làm thơ sợ người khác làm hay hơn,
chết, thơ để dành cúng giỗ.*

Cọc chết để da đẹp; thi sĩ chết không để hoa nhựt.

Thư viện thế giới rộng lớn, trống trải. Lòng văn chương thế giới bao la. Trí văn học toàn cầu không giới hạn. Thiếu gì chỗ giữ thơ, cần gì phải thủ thuật chen lẫn

Thế nào là bài thơ bất hủ?

Không biết chiều cao tháp Eiffel, làm sao xây tháp cao hơn?

Không biết rễ bám bao sâu, làm sao biết cây nào đứng vững trong bão tố?

Làm sao sáng tác thơ độc đáo?

Không học gia chánh, làm sao nấu cơm ngon?

Không tập đánh banh, làm sao tranh giải vô địch?

Những người làm thơ chuyên ngành quảng cáo, chỉ cạnh tranh bán thơ dù không bán bằng tiền.

Văn học nhóm chợ; văn chương giảm giá; mua một tặng một.

Thời lò mờ, bóng tối bao trùm, phố chợ thấp đèn bão.

Phải chăng đã vừa lúc đi hỏi, bình minh chừng nào đến? Rồi xuống sông tắm ba lần, trước khi lên bờ, làm lễ phục sinh thi ca.

Trên Kệ Sách Ngu Yên

Sách phát hành:

Nhà sách Văn Nghệ

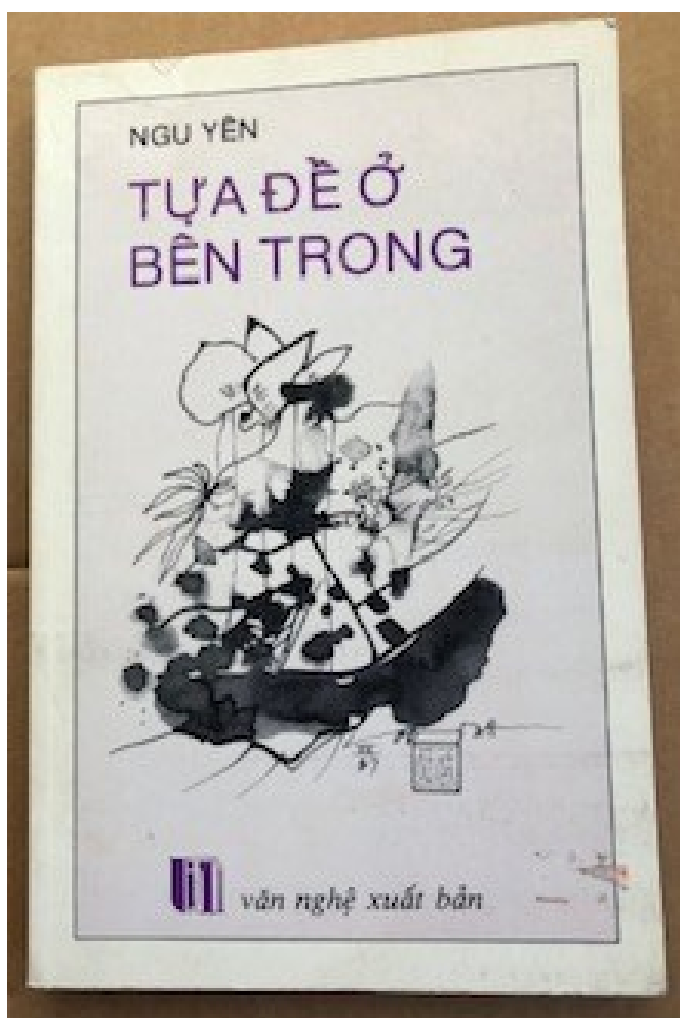
Trên Amazon

Trên Barnes & Noble

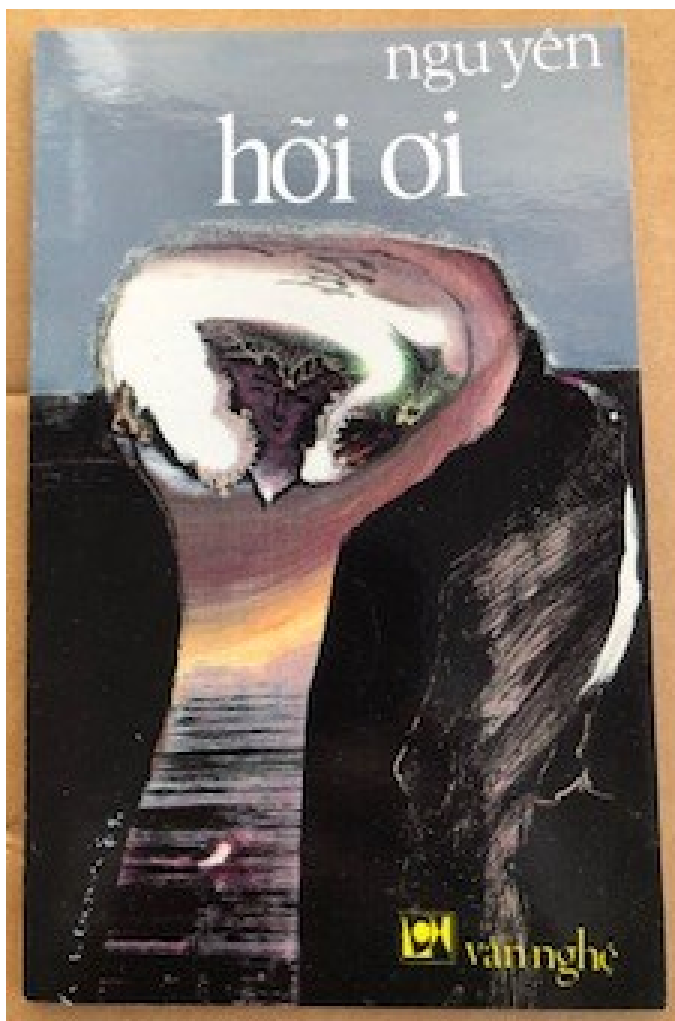
Trên Academia: ebooks



95 trang. Văn Nghệ xuất bản. 1986. Hết.



138 trang. Văn Nghệ xuất bản.1987. Hết.



57 trang. Va78n Nghệ xuất bản.1987. Hết.



16 trang. Nhà Văn Thơ Mới. 1995. Hết



803 trang. Inspirative Esquisse Press. 2017.
Phát hành Amazon



817 trang. Inspirative Esquisse Pres. 2017.
Phát hành Amazon



453 trang. Inspirative Esquisse Press. 2017.
Amazon.



328 trang. Inspirative Esquisse Press. 2017.
Amazon.



Văn Học Truyện

đến cuối thế kỷ 20 đến cuối thế kỷ 20

Hậu Hiện Đại Hậu Hiện Đại

414 trang. Inspirative Esquisse Press. 2018.
Amazon.



406 trang. Inspirative Esquisse Press. 2018.
Amazon.



67 trang. Inspirative Esquisse. 2019. TG phát hành.

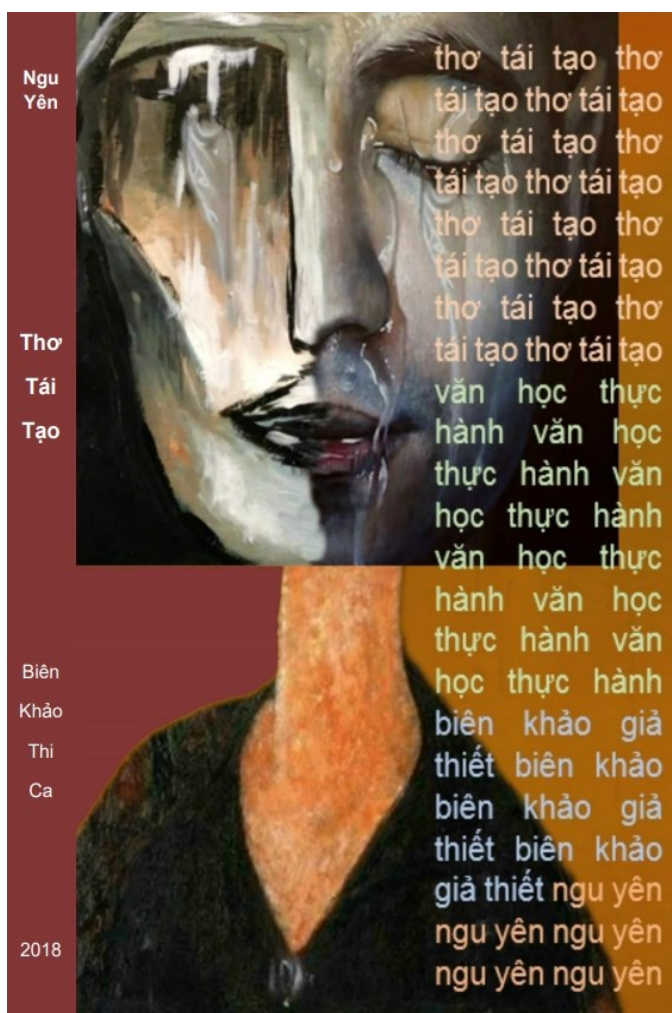
Ý Thức Về Dịch Thuật

lý thuyết, phương pháp, kỹ thuật mới

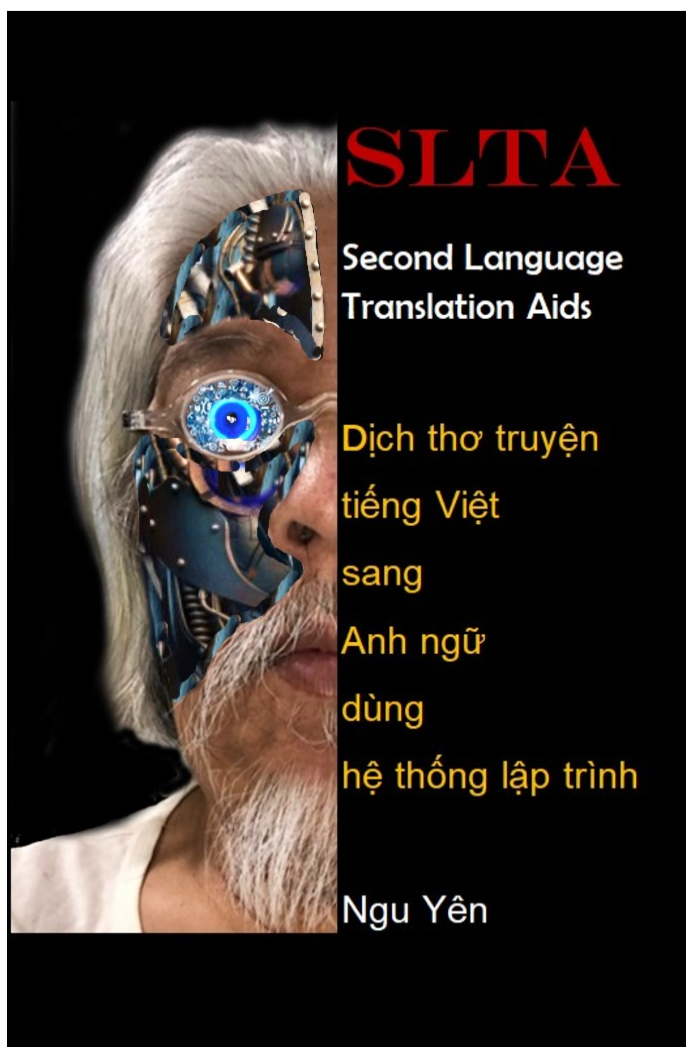
dịch thuật . dịch thơ . dịch truyện

Ngũ Yên

578 trang. Inspirative Esquisse Press. Amazon.



172 trang. Inspirative Esquisse Press. 2018.
Amazon.



137 trang. ebook. 2021. Academia.edu



tôi-không-biết

giới thiệu . nhận định . dịch thơ

Tập Một

Wisława Szymborska

Giải Nobel 1996

Ngu Yên

678 trang. Inspirative Esquisse Press. 2017.
Amazon.



tôi-không-biết

giới thiệu . nhận định . dịch thơ

Tập Hai

Wisława Szymborska

Giải Nobel 1996

Ngu Yên

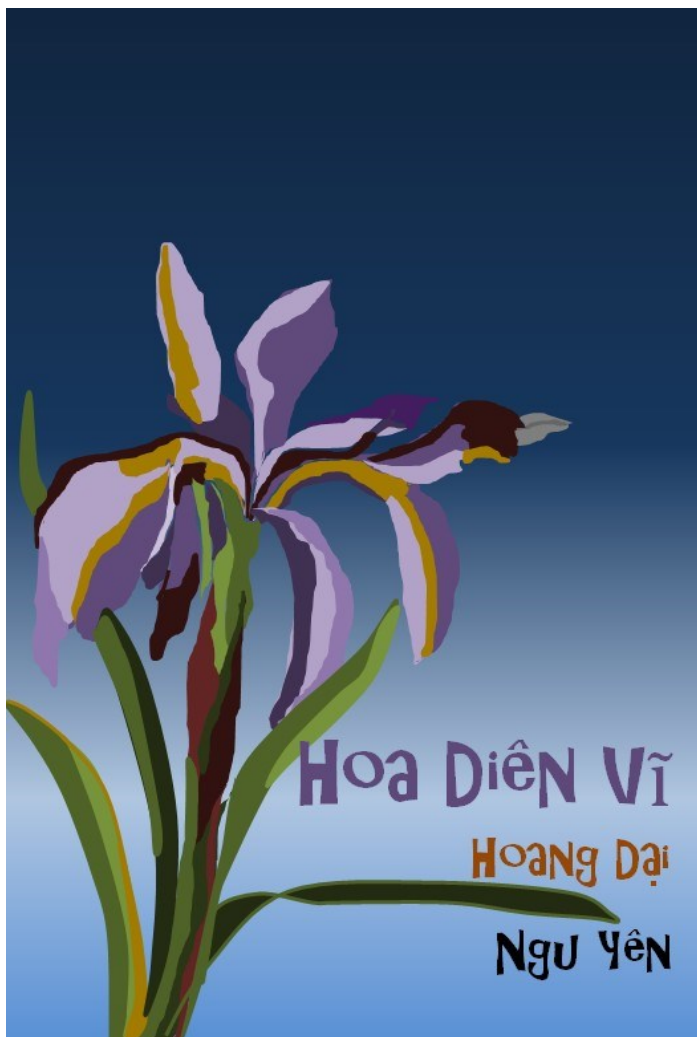
617 trang. Inspirative Esquisse Press 2017.
Amazon.



670 trang. Inspirative Esquisse Press. 2017.
Amazon



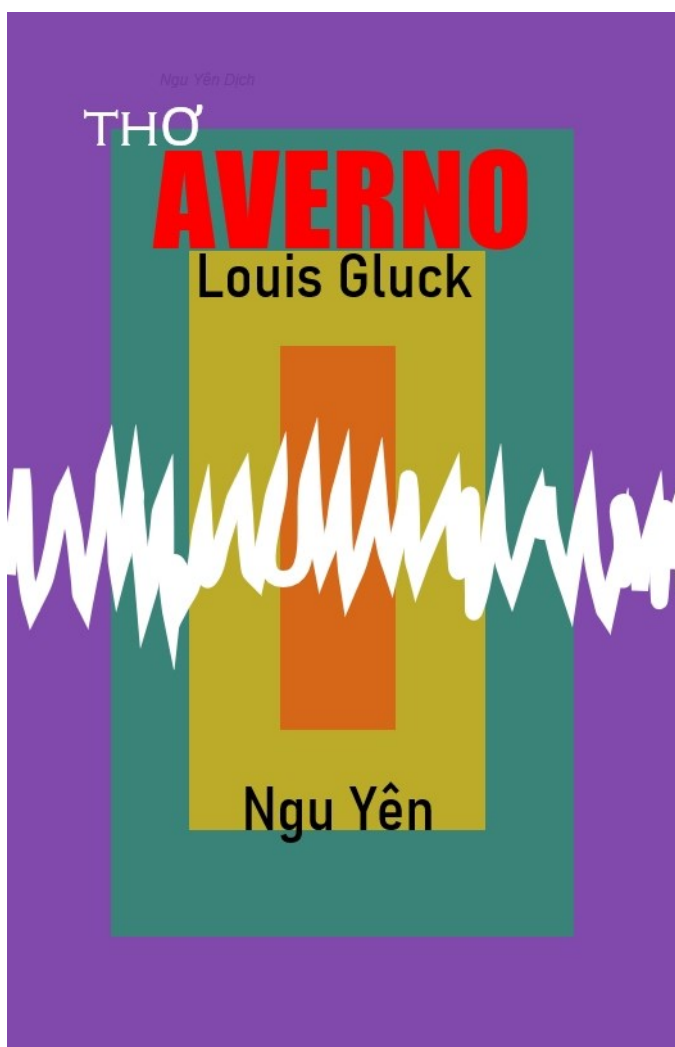
706 trang. Inspirative Esquisse Press. Amazon.

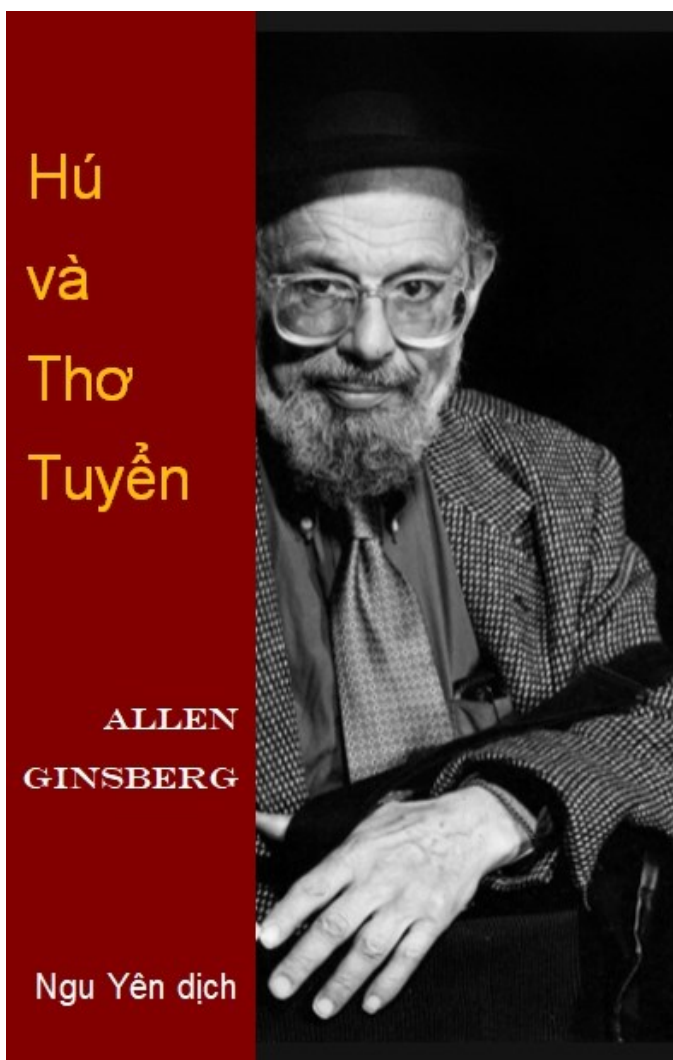


172 trang. ebook. 2020. Academia. edu

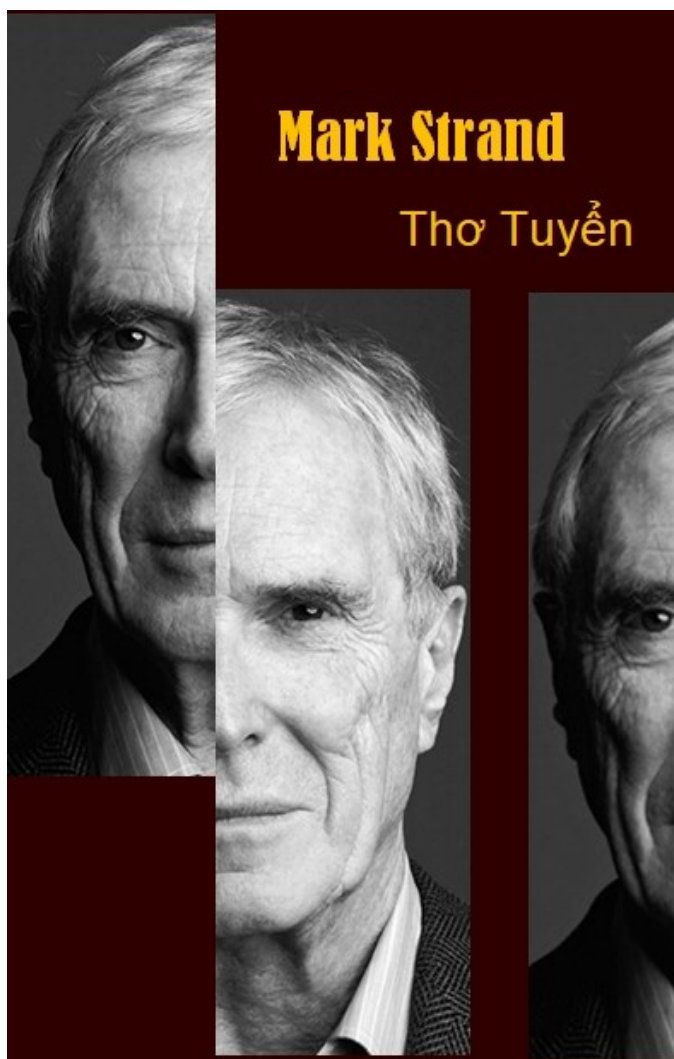


28 trang. ebook. 2021. Academia.edu





150 trang. ebook. 2020. Academia.edu.





350 trang. Escape Publishing. 2022. Barnes & Noble.



220 trang. Escape Publishing. 2020. Barnes & Noble.



221 trang. Escape Publishing. 202. Barnes & Noble.



225 trang. Escape Publishing. 2022. Barnes & Noble.



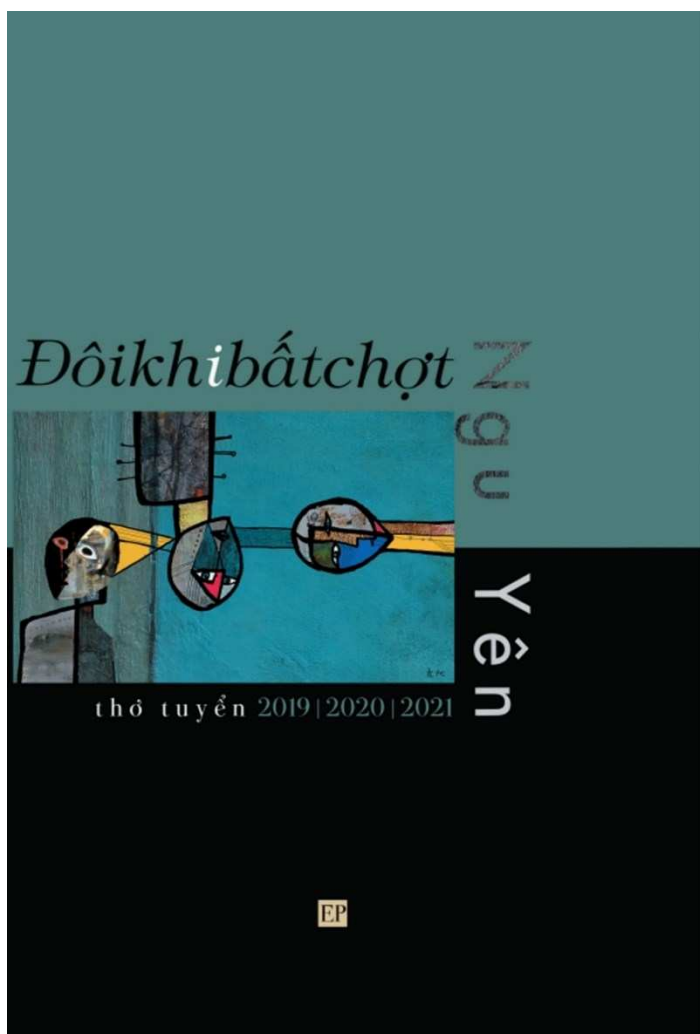
379 trang. Escape publishing. Tái bản 2021.
Barnes & Noble.



212 trang. Escape Publising. Tái bản 2021.
Barnes & Noble



27 trang. Inspirative Esquisse Press. 2016.
Amazon.



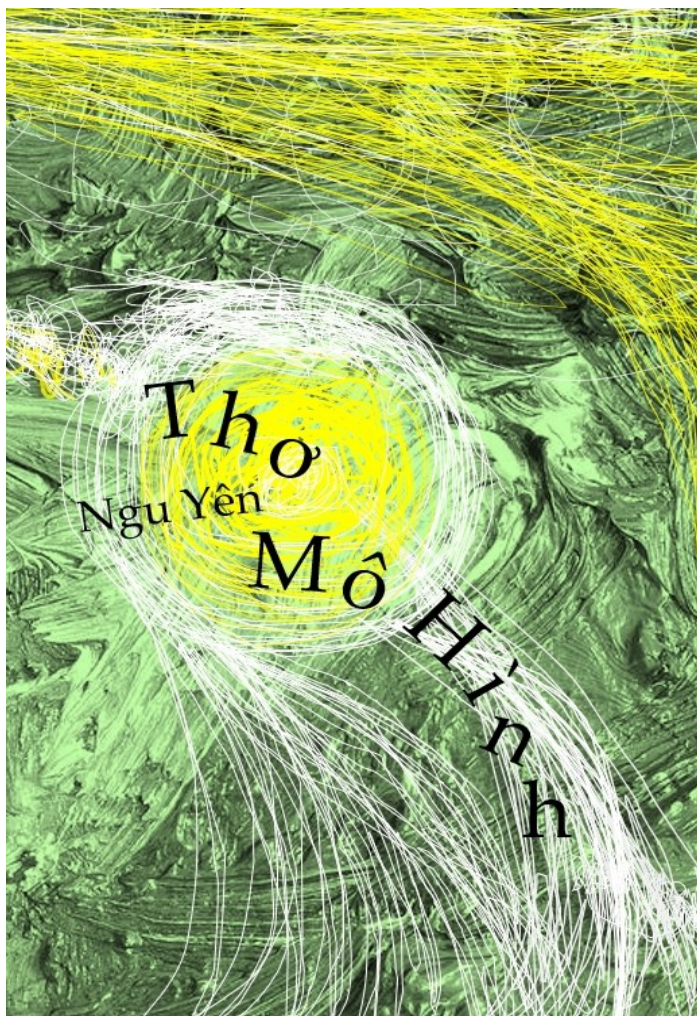
185 trang. Escape Publishing. 2022. Barnes & Noble.



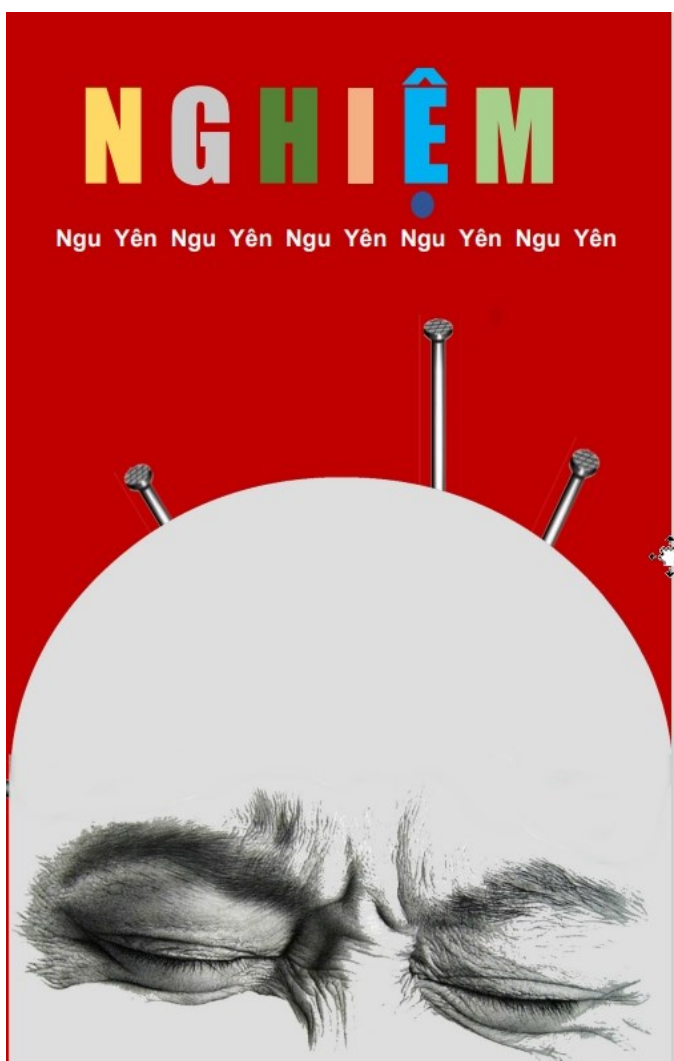
Thơ Tuyển 2017 – 2021
Ngu Yên

Chìm
Trong Biển
Chết Trôi Tim Người

148 trang. Escape Publishing. 2022. Barnes & Noble.



112 trang. Escape Publishing. 2021. Barnes & Noble.



293 trang. Inspirative Esquisse Press. 2018.
Amazon.



126 trang. Escape Publishing. 2021. Amazon.



Tạp Chí Đọc Và Viết

bất định kỳ

Ngu Yên
dịch và giới thiệu.

Phát hành Academia.edu

Tạp Chí **Độc và Viết**



Dịch. Tác. Luận. Thơ. Truyện. Kịch. Tùy. Và ...

2021

Tạp Chí **Đọc và Viết**

Số 2



Dịch. Tác. Luận. Thơ. Truyện. Kịch. Tùy. Và ...

2021

Tạp Chí **Độc và Viết**

Số 3



Dịch. Tác. Luận. Thơ. Truyện. Kịch. Tùy. Và ...

2021

Tạp Chí **Đọc và Viết**

Số 4

Bất Định Kỳ



Dịch. Tác. Luận. Thơ. Truyện. Kịch. Tùy. Và ...

2021

Tạp Chí **Độc và Viết**

Số 5

Bất Định Kỳ

Với sự đóng góp
Nguyễn Thảo
Kể Jazz



Số Đặc Biệt Về Âm Nhạc

Dịch. Tác. Luận. Thơ. Truyện. Kịch. Tùy. Và ...

2021

Tạp Chí Đọc và Viết. Bất Định Kỳ. số 8. tháng 2, 2022

Tạp Chí **Đọc và Viết**

SỐ 6

Bất Định Kỳ



Dịch. Tác. Luận. Thơ. Truyện. Kịch. Tùy. Và ...

2021

Tạp
Chí
Số
07

Số
Mừng
Giáng
Sinh

Luận
Thơ
Truyện
Kịch
Nhạc

Độc và Viết

Bất Định Kỳ





Tạp Chí Đọc Và Viết
bất định kỳ. số 9

04
2022



